| CHÍNH PHỦ | CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM<br>Độc lập - Tự do - Hạnh phúc |
|---|---|
| Số: 22/2026/NĐ-CP | *Hà Nội, ngày 16 tháng 01 năm 2026* |

# NGHỊ ĐỊNH
## Quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ số 63/2025/QH15;*

*Căn cứ Luật Tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật số 68/2006/QH11 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 35/2018/QH14 và Luật số 70/2025/QH15;*

*Căn cứ Luật Đầu tư số 61/2020/QH14;*

*Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ;*

*Chính phủ ban hành Nghị định quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật.*

## Chương I
## QUY ĐỊNH CHUNG

### Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị định này quy định chi tiết Điều 5, Điều 7b, Điều 8a, khoản 4 Điều 8b, Điều 8c, Điều 11a, Điều 14, Điều 17, Điều 19, điểm c khoản 2 Điều 21, khoản 3 Điều 25, điểm c khoản 1 Điều 27, Điều 29, Điều 32, Điều 35, khoản 2 Điều 39, Điều 44, Điều 51, Điều 57, Điều 71 của Luật Tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật số 68/2006/QH11 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 35/2018/QH14 và Luật số 70/2025/QH15 (sau đây gọi là Luật) và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật về tham vấn trong quá trình xây dựng tiêu chuẩn quốc gia, quy chuẩn kỹ thuật; hợp tác quốc tế về tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật; ban kỹ thuật tiêu chuẩn quốc gia; đính chính tiêu chuẩn quốc gia, quy chuẩn kỹ thuật; phổ biến tiêu chuẩn quốc gia; công bố tiêu chuẩn áp dụng; đăng ký quy chuẩn kỹ thuật; công bố hợp chuẩn, công bố hợp quy, dấu hợp chuẩn, dấu hợp quy; trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức, cá nhân hoạt động trong lĩnh vực tiêu chuẩn và lĩnh vực quy chuẩn kỹ thuật.

### Điều 2. Đối tượng áp dụng

Nghị định này áp dụng đối với tổ chức, cá nhân Việt Nam, tổ chức, cá nhân nước ngoài, người Việt Nam định cư ở nước ngoài có hoạt động liên quan đến tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật và đánh giá sự phù hợp tại Việt Nam.

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

**Điều 3. Giải thích từ ngữ**

Trong Nghị định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Thử nghiệm viên là người có năng lực và trình độ chuyên môn phù hợp để thực hiện các công việc kỹ thuật theo quy trình đã được phê duyệt, được tổ chức thử nghiệm giao thực hiện một phần hoặc toàn bộ quá trình thử nghiệm.

2. Giám định viên là người có năng lực và trình độ chuyên môn phù hợp, được tổ chức giám định giao thực hiện việc kiểm tra và xác định sự phù hợp của đối tượng thuộc hoạt động trong lĩnh vực tiêu chuẩn và hoạt động trong lĩnh vực quy chuẩn kỹ thuật với yêu cầu cụ thể hoặc yêu cầu chung của cơ quan có thẩm quyền, tổ chức hoặc cá nhân theo quy định pháp luật.

3. Chuyên gia đánh giá của tổ chức chứng nhận, tổ chức thực hiện xác nhận giá trị sử dụng, tổ chức kiểm tra xác nhận, tổ chức công nhận là người có năng lực về trình độ chuyên môn, kỹ năng, kinh nghiệm và đạo đức nghề nghiệp đáp ứng yêu cầu theo quy định của pháp luật và yêu cầu của hệ thống quản lý áp dụng đối với tổ chức đánh giá sự phù hợp, tổ chức công nhận, được tổ chức đánh giá sự phù hợp, tổ chức công nhận giao thực hiện hoạt động đánh giá sự phù hợp, đánh giá công nhận.

4. Ngày công trong hoạt động chứng nhận, hoạt động xác nhận giá trị sử dụng, hoạt động kiểm tra xác nhận, hoạt động công nhận là đơn vị tính thời gian làm việc của chuyên gia đánh giá, được quy đổi tương đương 8 giờ làm việc. Ngày công bao gồm thời gian thực hiện các hoạt động: tiến hành cuộc họp khai mạc; thực hiện xem xét tài liệu khi tiến hành đánh giá; trao đổi thông tin trong cuộc đánh giá; phân công vai trò và trách nhiệm của người hướng dẫn và quan sát viên; thu thập và xác minh thông tin, dữ liệu; đưa ra phát hiện đánh giá; chuẩn bị kết luận đánh giá; tiến hành cuộc họp kết thúc.

**Điều 4. Đối tượng của hoạt động trong lĩnh vực tiêu chuẩn và hoạt động trong lĩnh vực quy chuẩn kỹ thuật**

1. Sản phẩm, hàng hoá được sản xuất để sử dụng trong nước; sản phẩm, hàng hoá được sản xuất để xuất khẩu; sản phẩm, hàng hoá nhập khẩu.

2. Dịch vụ, quá trình được phân loại tại Hệ thống ngành kinh tế của Việt Nam theo quy định của Thủ tướng Chính phủ.

3. Môi trường, các yếu tố tác động đến môi trường và biện pháp quản lý, bao gồm: môi trường đất, nước, không khí; tiếng ồn, độ rung, bức xạ, phóng xạ; chất thải rắn, nước thải, khí thải; đa dạng sinh học; phương tiện, công cụ và hoạt động quản lý, bảo vệ và gìn giữ môi trường; biến đổi khí hậu.

4. Các đối tượng khác trong hoạt động kinh tế - xã hội đáp ứng yêu cầu xây dựng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật.

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

**Điều 5. Tham vấn trong quá trình xây dựng tiêu chuẩn quốc gia, quy chuẩn kỹ thuật**

1. Tham vấn trong quá trình xây dựng tiêu chuẩn quốc gia, quy chuẩn kỹ thuật là việc trao đổi trực tiếp giữa cơ quan chủ trì xây dựng dự thảo tiêu chuẩn quốc gia, quy chuẩn kỹ thuật với cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan. Việc tham vấn có thể thực hiện một lần hoặc nhiều lần, thông qua hội nghị, hội thảo.

2. Tại hội nghị, hội thảo tham vấn, đại diện cơ quan chủ trì xây dựng dự thảo tiêu chuẩn quốc gia, quy chuẩn kỹ thuật thuyết trình và giải trình về các vấn đề liên quan trực tiếp đến dự thảo đề xuất; cơ quan, tổ chức, cá nhân được tham vấn cho ý kiến về những vấn đề quan tâm.

3. Cơ quan chủ trì xây dựng dự thảo tiêu chuẩn quốc gia, quy chuẩn kỹ thuật lập hồ sơ tham vấn bao gồm: dự thảo tiêu chuẩn quốc gia, dự thảo quy chuẩn kỹ thuật kèm theo thuyết minh; báo cáo đánh giá tác động dự thảo quy chuẩn kỹ thuật trong trường hợp tham vấn đối với dự thảo quy chuẩn kỹ thuật.

4. Cơ quan chủ trì xây dựng dự thảo tiêu chuẩn quốc gia, quy chuẩn kỹ thuật có trách nhiệm nghiên cứu, tiếp thu, giải trình đầy đủ ý kiến tham vấn. Quá trình tham vấn được trình bày trong thuyết minh dự thảo tiêu chuẩn quốc gia, thuyết minh dự thảo quy chuẩn kỹ thuật.

**Điều 6. Kinh phí cho hoạt động tiêu chuẩn, hoạt động quy chuẩn kỹ thuật**

1. Nội dung chi từ ngân sách nhà nước về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số cho hoạt động tiêu chuẩn, hoạt động quy chuẩn kỹ thuật bao gồm:

a) Chi thực hiện hoạt động xây dựng và thực hiện chiến lược tiêu chuẩn quốc gia, kế hoạch xây dựng tiêu chuẩn quốc gia, kế hoạch xây dựng quy chuẩn kỹ thuật, phổ biến tiêu chuẩn quốc gia, phổ biến quy chuẩn kỹ thuật;

b) Chi thực hiện các nội dung liên quan đến hoạt động xây dựng tiêu chuẩn quốc gia, quy chuẩn kỹ thuật, bao gồm: xét duyệt đề xuất dự án xây dựng tiêu chuẩn quốc gia phục vụ lập kế hoạch xây dựng tiêu chuẩn quốc gia; rà soát, nghiên cứu, xây dựng, tham vấn, thẩm định tiêu chuẩn quốc gia, quy chuẩn kỹ thuật; đánh giá tác động của quy chuẩn kỹ thuật; đánh giá hiệu quả của việc áp dụng tiêu chuẩn quốc gia, quy chuẩn kỹ thuật; chi xây dựng tiêu chuẩn cơ sở do cơ quan nhà nước công bố;

c) Chi tăng cường cơ sở vật chất và nâng cao năng lực chuyên môn cho cơ quan thẩm định tiêu chuẩn quốc gia; chi hoạt động của Ban kỹ thuật tiêu chuẩn quốc gia;

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

d) Chi thực hiện hoạt động đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật; phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, đội ngũ chuyên gia đạt trình độ quốc tế trong lĩnh vực tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật;

đ) Chi thực hiện hoạt động hợp tác quốc tế về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, bao gồm: chi cho nghiên cứu, xây dựng ý kiến quốc gia để đóng góp vào dự thảo tiêu chuẩn quốc tế; chi cho chuyên gia tham gia hoạt động của ban kỹ thuật tiêu chuẩn quốc tế, làm việc tại các tổ chức tiêu chuẩn quốc tế; chi đào tạo, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực tham gia ban kỹ thuật tiêu chuẩn quốc tế; chi tổ chức các hội nghị, hội thảo quốc tế về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật; nộp phí thành viên thường niên của Việt Nam tại các tổ chức tiêu chuẩn quốc tế, tổ chức tiêu chuẩn khu vực;

e) Chi tổ chức hoạt động thông báo và hỏi đáp về hàng rào kỹ thuật trong thương mại, bao gồm: chi xây dựng, vận hành, nâng cấp hạ tầng thông báo và hỏi đáp quốc gia về hàng rào kỹ thuật trong thương mại; chi nghiên cứu, phân tích, đánh giá tác động và đề xuất triển khai thực hiện các cam kết về TBT và Tiêu chuẩn, Quy chuẩn kỹ thuật và Thủ tục đánh giá sự phù hợp (STRACAP); chi phí bảo đảm hoạt động của các cơ quan thông báo và hỏi đáp về hàng rào kỹ thuật trong thương mại quốc gia, bộ, địa phương;

g) Chi xây dựng, vận hành, duy trì, khai thác và nâng cấp Cơ sở dữ liệu quốc gia về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng;

h) Chi tôn vinh, khen thưởng cơ quan, tổ chức và cá nhân có đóng góp tích cực trong lĩnh vực tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật;

i) Chi hỗ trợ tổ chức, cá nhân ngoài nhà nước chủ trì xây dựng dự thảo tiêu chuẩn quốc gia, bao gồm: chi tổ chức hội thảo, khảo sát thực tế, xây dựng hồ sơ kỹ thuật; chi cho nghiên cứu, thử nghiệm, khảo nghiệm. Mức hỗ trợ từ ngân sách nhà nước tối đa 30% theo dự toán trên cơ sở định mức kinh tế kỹ thuật quy định tại khoản 3 Điều này, được thực hiện thông qua chương trình quốc gia nâng cao năng suất, chất lượng và khả năng cạnh tranh của sản phẩm, hàng hoá theo quy định của pháp luật về chất lượng sản phẩm, hàng hoá.

2. Tổ chức, cá nhân sử dụng kinh phí của mình nghiên cứu, hỗ trợ xây dựng tiêu chuẩn quốc gia, hỗ trợ nghiên cứu xây dựng quy chuẩn kỹ thuật được hưởng ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định của pháp luật về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp.

3. Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật xây dựng tiêu chuẩn quốc gia, quy chuẩn kỹ thuật. Định mức kinh tế - kỹ thuật xây dựng tiêu chuẩn quốc gia, quy chuẩn kỹ thuật được xây dựng trên cơ sở quy trình thực hiện dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt, bảo đảm các nguyên tắc:

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

a) Dựa trên thành tựu khoa học và công nghệ, bảo đảm tính ổn định trong thời gian nhất định và phù hợp với yêu cầu thực tiễn;

b) Bảo đảm tính thống nhất trong công tác xây dựng định mức kinh tế - kỹ thuật, đáp ứng yêu cầu quản lý nhà nước;

c) Bảo đảm tính đúng, tính đủ, tính phù hợp và hiệu quả trong quản lý, thực hiện dịch vụ sự nghiệp công.

4. Bộ Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính quy định về chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi ngân sách nhà nước về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số cho hoạt động tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật.

**Điều 7. Hợp tác quốc tế về tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật**

1. Cơ quan tiêu chuẩn quốc gia là đại diện Việt Nam thực hiện các hoạt động hợp tác quốc tế về tiêu chuẩn với các tổ chức tiêu chuẩn quốc tế, khu vực, nước ngoài, chủ trì đề xuất dự án xây dựng tiêu chuẩn quốc tế.

Bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố có trách nhiệm phối hợp với Cơ quan tiêu chuẩn quốc gia để thực hiện các hoạt động hợp tác quốc tế về tiêu chuẩn, xây dựng tiêu chuẩn quốc tế.

2. Tổ chức, cá nhân có nhu cầu tham gia ban kỹ thuật tiêu chuẩn quốc tế, làm việc tại các tổ chức tiêu chuẩn quốc tế, khu vực gửi văn bản đề nghị đến Cơ quan tiêu chuẩn quốc gia để được xem xét, lựa chọn bảo đảm đáp ứng yêu cầu về năng lực, kỹ năng, kinh nghiệm theo quy định của các tổ chức tiêu chuẩn quốc tế, khu vực tương ứng.

Cơ quan tiêu chuẩn quốc gia đề cử đại diện của Việt Nam tham gia ban kỹ thuật tiêu chuẩn quốc tế, làm việc tại các tổ chức tiêu chuẩn quốc tế, khu vực và chịu trách nhiệm quản lý, điều phối chuyên gia kỹ thuật tham gia theo đề cử.

3. Đối với hoạt động xây dựng tiêu chuẩn quốc tế yêu cầu có sự tham gia của Việt Nam mà Việt Nam xác định cần tham gia để thúc đẩy phát triển kinh tế xã hội, hội nhập quốc tế, nghiên cứu, phát triển và ứng dụng công nghệ cao, công nghệ chiến lược, thúc đẩy các lĩnh vực xuất khẩu trọng điểm, ưu tiên mà Việt Nam có lợi thế, Cơ quan tiêu chuẩn quốc gia có trách nhiệm cử đại diện Ban kỹ thuật tiêu chuẩn quốc gia phù hợp tham gia. Trường hợp chưa có Ban kỹ thuật tiêu chuẩn quốc gia tương ứng, Cơ quan tiêu chuẩn quốc gia lựa chọn các chuyên gia đáp ứng yêu cầu từ cơ quan, tổ chức, hiệp hội, doanh nghiệp hoặc tổ chức đào tạo chuyên gia để đáp ứng yêu cầu của tổ chức quốc tế.

**Điều 8. Chiến lược tiêu chuẩn quốc gia**

1. Căn cứ xây dựng Chiến lược tiêu chuẩn quốc gia:

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

a) Nghị quyết của Đảng, Quốc hội, Chính phủ; Chiến lược, Quy hoạch, Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của đất nước trong từng giai đoạn;

b) Cam kết quốc tế, hiệp định thương mại tự do, thỏa thuận hợp tác trong lĩnh vực tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng và các hoạt động hội nhập quốc tế khác;

c) Tình hình phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, xu thế phát triển hoạt động sản xuất - kinh doanh, yêu cầu nâng cao chất lượng sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, bảo vệ sức khỏe con người, an toàn môi trường và quyền lợi người tiêu dùng tại thị trường trong nước và thế giới;

d) Căn cứ kết quả xây dựng, áp dụng hệ thống tiêu chuẩn quốc gia trong giai đoạn trước và yêu cầu đặt ra trong giai đoạn mới;

đ) Xu thế quốc tế về tiêu chuẩn hóa, khuyến nghị của các tổ chức tiêu chuẩn quốc tế.

2. Chiến lược tiêu chuẩn quốc gia được xây dựng cho giai đoạn 10 năm, phù hợp với mục tiêu, định hướng của Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của đất nước trong từng thời kỳ.

3. Cơ quan tiêu chuẩn quốc gia chủ trì, giúp Bộ Khoa học và Công nghệ tổ chức nghiên cứu, phối hợp với các cơ quan, tổ chức liên quan xây dựng, trình Thủ tướng Chính phủ ban hành Chiến lược tiêu chuẩn quốc gia và đánh giá việc triển khai Chiến lược tiêu chuẩn quốc gia.

**Điều 9. Minh bạch hóa và hoạt động thông báo, hỏi đáp về hàng rào kỹ thuật trong thương mại**

1. Bộ Khoa học và Công nghệ tổ chức, quản lý hoạt động của Mạng lưới các cơ quan thông báo và hỏi đáp về hàng rào kỹ thuật trong thương mại (sau đây gọi tắt là Mạng lưới TBT Việt Nam), bao gồm cơ quan thông báo và hỏi đáp về hàng rào kỹ thuật trong thương mại của quốc gia (Điểm TBT quốc gia), cơ quan thông báo và hỏi đáp về hàng rào kỹ thuật trong thương mại của các bộ (Điểm TBT của bộ) và cơ quan thực hiện hoạt động TBT ở địa phương.

Hoạt động thông báo và hỏi đáp về hàng rào kỹ thuật trong thương mại (sau đây gọi tắt là hoạt động TBT) cấp quốc gia và hoạt động TBT của Bộ Khoa học và Công nghệ thực hiện thông qua Điểm TBT quốc gia đặt tại bộ phận thực hiện chức năng của Văn phòng Thông báo và Hỏi đáp quốc gia về Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng (sau đây gọi tắt là Văn phòng TBT Việt Nam) trực thuộc Cơ quan tiêu chuẩn quốc gia. Hoạt động TBT cấp bộ thực hiện thông qua các Điểm TBT của bộ là cơ quan được chỉ định thực hiện hoạt động TBT của các bộ. Hoạt động TBT địa phương thực hiện thông qua đơn vị có chức năng quản lý về tiêu chuẩn đo lường chất lượng theo phân công của Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố.

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

2. Bộ Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp với các cơ quan, tổ chức có liên quan tổ chức thực hiện các hoạt động nghiên cứu, phân tích, đánh giá tác động và đề xuất triển khai thực hiện các cam kết về TBT và Tiêu chuẩn, Quy chuẩn kỹ thuật và Thủ tục đánh giá sự phù hợp (STRACAP).

3. Nhà nước bảo đảm ngân sách chi đầu tư xây dựng, vận hành hạ tầng thông báo và hỏi đáp quốc gia về hàng rào kỹ thuật trong thương mại theo hướng đồng bộ, hiện đại, đáp ứng yêu cầu hội nhập quốc tế và bảo vệ lợi ích quốc gia, tập trung vào những nội dung sau:

a) Nâng cấp cơ sở hạ tầng kỹ thuật số thông qua xây dựng và vận hành Cổng thông tin TBT Việt Nam hiện đại, ứng dụng công nghệ số, kết nối với Cơ sở dữ liệu quốc gia về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng;

b) Tăng cường nguồn lực gồm nhân lực và tài chính cho Điểm TBT quốc gia, Điểm TBT của bộ và cơ quan thực hiện hoạt động TBT ở địa phương để thực hiện các nghĩa vụ cam kết TBT và Tiêu chuẩn, Quy chuẩn kỹ thuật và Thủ tục đánh giá sự phù hợp (STRACAP) trong các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên;

c) Tham gia chủ động, tích cực và có trách nhiệm vào hoạt động của các Ủy ban hoặc Tiểu ban TBT trong các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên, tranh thủ kinh nghiệm quốc tế trong việc vận hành hoạt động TBT, ký kết thỏa thuận chia sẻ thông tin TBT song phương với các đối tác thương mại lớn.

4. Nhà nước hỗ trợ sản xuất, kinh doanh của hiệp hội, doanh nghiệp qua hạ tầng thông báo và hỏi đáp quốc gia về hàng rào kỹ thuật trong thương mại thông qua các hoạt động:

a) Cung cấp cảnh báo sớm về hàng rào kỹ thuật trong thương mại của các thị trường xuất khẩu trọng điểm của Việt Nam; tổ chức phân tích, đánh giá tác động của các hàng rào kỹ thuật trong thương mại trong cảnh báo với sự tham gia của các chuyên gia, doanh nghiệp, hiệp hội chịu ảnh hưởng;

b) Triển khai hoạt động hỏi đáp về hàng rào kỹ thuật trong thương mại bảo đảm thông tin cập nhật và dễ tiếp cận;

c) Phát hành bản tin TBT định kỳ, chuyên đề theo ngành hàng có thế mạnh xuất khẩu;

d) Kết hợp các hiệp hội ngành hàng tổ chức các khóa tập huấn, hội thảo TBT và diễn đàn về TBT trong lĩnh vực sản phẩm, hàng hóa xuất khẩu chủ lực của Việt Nam; hướng dẫn tiếp cận, áp dụng các quy định kỹ thuật và tiêu chuẩn quốc tế, tiêu chuẩn khu vực.

5. Bộ Khoa học và Công nghệ phối hợp với các cơ quan, tổ chức có liên

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

quan xây dựng kế hoạch, chương trình thực hiện các hoạt động tuyên truyền về thực thi các cam kết TBT và Tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật (STRACAP) trong các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên.

6. Cơ quan hoạt động TBT của địa phương xây dựng kế hoạch, chương trình các hoạt động tuyên truyền về TBT cho địa phương đối với các sản phẩm, hàng hóa xuất khẩu chủ lực và tiềm năng tại địa phương.

7. Khi xây dựng quy chuẩn kỹ thuật, cơ quan ban hành quy chuẩn kỹ thuật có trách nhiệm rà soát các quy định liên quan tới quy chuẩn kỹ thuật bảo đảm tuân thủ các cam kết TBT trong các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên.

Trường hợp viện dẫn đến tiêu chuẩn quốc tế, tiêu chuẩn khu vực, tiêu chuẩn nước ngoài đối với các yêu cầu kỹ thuật, cơ quan ban hành phải bảo đảm sẵn có bản tiếng Việt của tài liệu viện dẫn để tổ chức, cá nhân liên quan tham khảo khi được yêu cầu.

8. Bộ Khoa học và Công nghệ tổ chức vận hành Cổng thông tin TBT Việt Nam, kết nối với cơ sở dữ liệu quốc gia về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng nhằm hỗ trợ doanh nghiệp, hiệp hội tra cứu thông tin về TBT thuận lợi.

**Điều 10. Cơ sở dữ liệu quốc gia về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng**

1. Cơ sở dữ liệu quốc gia về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng là nền tảng số thống nhất, hiện đại, tích hợp dữ liệu liên quan, phục vụ công tác quản lý nhà nước và cung cấp thông tin hỗ trợ tổ chức, cá nhân theo quy định của pháp luật.

Cơ sở dữ liệu quốc gia về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng là một cấu phần thuộc nền tảng số quản lý hạ tầng chất lượng quốc gia được xây dựng, vận hành, duy trì để phục vụ quản lý nhà nước, doanh nghiệp, người tiêu dùng và quản lý hạ tầng chất lượng quốc gia theo quy định pháp luật.

2. Nguyên tắc xây dựng, cập nhật, quản lý, khai thác và sử dụng Cơ sở dữ liệu quốc gia về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng:

a) Cơ sở dữ liệu quốc gia về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng được xây dựng, quản lý theo hướng kết nối, tập trung, thống nhất, đồng bộ từ trung ương đến địa phương;

b) Cơ sở dữ liệu quốc gia về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng được xây dựng, cập nhật nhằm cung cấp, chia sẻ, đầy đủ, chính xác, kịp thời các thông tin về hoạt động tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng, đáp ứng yêu cầu quản lý nhà nước, phục vụ hiệu quả hoạt động sản xuất, kinh doanh của người dân, doanh nghiệp;

c) Cơ sở dữ liệu quốc gia về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng đáp ứng các yêu cầu xây dựng, áp dụng, phổ biến, quản lý tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, đo lường, chất lượng bảo đảm hoạt động ổn định, liên tục, mức độ sẵn sàng của

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

hệ thống; bảo đảm an ninh, an toàn thông tin, bảo vệ dữ liệu tổ chức, cá nhân, thuận lợi cho việc thu thập, cập nhật, điều chỉnh, tra cứu, khai thác, sử dụng; bảo đảm kết nối, chia sẻ, quyền khai thác thông tin với Cơ sở dữ liệu tổng hợp quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành và hệ thống thông tin khác;

d) Cơ sở dữ liệu quốc gia về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng không áp dụng đối với đối tượng là sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, quá trình, môi trường thuộc danh mục bí mật nhà nước.

3. Dữ liệu quốc gia về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng, bao gồm các thông tin sau:

a) Dữ liệu về tiêu chuẩn bao gồm: danh mục về tiêu chuẩn quốc gia; điểm truy xuất tới cơ sở dữ liệu về tiêu chuẩn quốc tế, tiêu chuẩn khu vực, tiêu chuẩn nước ngoài; thông tin về tiêu chuẩn cơ sở của các tổ chức, hội, hiệp hội, doanh nghiệp; danh sách các tổ chức, cá nhân vi phạm pháp luật về tiêu chuẩn; kết quả rà soát, đánh giá hiệu quả việc áp dụng tiêu chuẩn quốc gia;

b) Dữ liệu về quy chuẩn kỹ thuật bao gồm: danh mục quy chuẩn kỹ thuật quốc gia và nội dung của quy chuẩn kỹ thuật quốc gia tương ứng; danh mục quy chuẩn kỹ thuật địa phương và nội dung của quy chuẩn kỹ thuật địa phương tương ứng; danh sách các tổ chức, cá nhân vi phạm pháp luật về quy chuẩn kỹ thuật; kết quả rà soát, đánh giá hiệu quả việc áp dụng quy chuẩn kỹ thuật;

c) Dữ liệu về Ban kỹ thuật tiêu chuẩn quốc gia bao gồm: danh sách các Ban kỹ thuật tiêu chuẩn quốc gia; danh sách thành viên Ban kỹ thuật tiêu chuẩn quốc gia bao gồm: họ tên, học hàm, học vị, thành viên; quá trình công tác; kinh nghiệm công tác; thời hạn hoạt động; các tiêu chuẩn đã tham gia xây dựng; danh sách chuyên gia Việt Nam tham gia vào các Ban kỹ thuật tiêu chuẩn quốc tế; danh sách các tiêu chuẩn quốc tế mà thành viên Ban kỹ thuật tiêu chuẩn quốc gia đã tham gia xây dựng;

d) Dữ liệu về đo lường bao gồm: danh mục các chuẩn đo lường đã được chứng nhận, phê duyệt; danh mục các phương tiện đo đã được phê duyệt mẫu; danh sách kiểm định viên đo lường; danh sách các tổ chức đăng ký cung cấp dịch vụ kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường; danh sách các tổ chức kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm được chỉ định; dhông tin về hoạt động kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo nhóm 2 do tổ chức kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm được chỉ định thực hiện; thông tin về hoạt động hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo nhóm 1 do các tổ chức đăng ký cung cấp dịch vụ kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường thực hiện; danh sách các tổ chức, cá nhân vi phạm pháp luật về đo lường;

đ) Dữ liệu về hoạt động đánh giá sự phù hợp bao gồm: danh sách tổ chức công nhận đã đăng ký; danh sách tổ chức đánh giá sự phù hợp được chỉ định,

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

danh sách tổ chức đánh giá sự phù hợp đã đăng ký, danh sách tổ chức đánh giá sự phù hợp được công nhận; danh sách công bố hợp chuẩn đối với sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ, quá trình, môi trường, đối tượng khác trong hoạt động kinh tế - xã hội của tổ chức, cá nhân có liên quan tdhông tin bao gồm: tên sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ, quá trình, môi trường, đối tượng khác trong hoạt động kinh tế - xã hội; tên, số hiệu tiêu chuẩn tương ứng; tên và địa chỉ của tổ chức, cá nhân chịu trách nhiệm về sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, quá trình, môi trường, đối tượng khác trong hoạt động kinh tế - xã hội; tài liệu kỹ thuật liên quan kèm theo); danh sách công bố hợp quy đối với sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ, quá trình, môi trường, đối tượng khác trong hoạt động kinh tế - xã hội của tổ chức, cá nhân có liên quan (thông tin bao gồm: tên sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ, quá trình, môi trường, đối tượng khác trong hoạt động kinh tế - xã hội; tên, số hiệu tiêu chuẩn tương ứng; tên và địa chỉ của tổ chức, cá nhân chịu trách nhiệm về sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, quá trình, môi trường, đối tượng khác trong hoạt động kinh tế - xã hội; tài liệu kỹ thuật liên quan kèm theo); thông tin về hoạt động chứng nhận hợp chuẩn, thử nghiệm, giám định, xác nhận giá trị sử dụng, kiểm tra xác nhận do các tổ chức đánh giá sự phù hợp thực hiện; thông tin về hoạt động chứng nhận hợp quy do tổ chức chứng nhận được chỉ định thực hiện; thông tin về hoạt động công nhận tổ chức đánh giá sự phù hợp của tổ chức công nhận; danh sách các tổ chức, cá nhân vi phạm pháp luật về đánh giá sự phù hợp.

e) Dữ liệu về thông báo và hỏi đáp về hàng rào kỹ thuật trong thương mại của quốc gia bao gồm thông tin sau: nội dung cam kết TBT hoặc tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật và quy trình đánh giá sự phù hợp (STRACAP) trong các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên; danh mục thông báo, hỏi đáp về hàng rào kỹ thuật trong thương mại của Việt Nam; tin tức về hàng rào kỹ thuật trong thương mại.

g) Thông tin phản ánh, xử lý kiến nghị của tổ chức, cá nhân về hoạt động trong lĩnh vực tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng.

4. Hạ tầng công nghệ thông tin của Cơ sở dữ liệu quốc gia về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng bao gồm các thành phần sau: hạ tầng kỹ thuật công nghệ thông tin; nền tảng chia sẻ, điều phối dữ liệu; hệ thống cơ sở dữ liệu; hệ thống phân tích dữ liệu phục vụ công tác quản lý; hệ thống, phần mềm quản lý, khai thác, cung cấp dịch vụ.

5. Trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức liên quan trong xây dựng, vận hành, cập nhật Cơ sở dữ liệu quốc gia về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng

a) Trách nhiệm của Bộ Khoa học và Công nghệ

Chủ trì xây dựng, quản lý, vận hành, duy trì hệ thống Cơ sở dữ liệu quốc gia về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng bảo đảm việc truy cập, cập nhật thông tin, dữ liệu của các cơ quan, tổ chức, cá nhân được thông suốt, hiệu quả; cập

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

nhật, bổ sung, kết nối, chia sẻ dữ liệu về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng với Cơ sở dữ liệu tổng hợp quốc gia, hệ thống cơ sở dữ liệu chuyên ngành khác;

Cập nhật Cơ sở dữ liệu quốc gia về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng gồm: dữ liệu về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, Ban kỹ thuật tiêu chuẩn quốc gia quy định tại điểm a, điểm b, điểm c khoản 3 Điều này theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn quản lý nhà nước được Chính phủ giao; dữ liệu về đo lường quy định tại điểm d khoản 3 Điều này theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn quản lý nhà nước được Chính phủ giao; dữ liệu về đánh giá sự phù hợp quy định tại điểm đ khoản 3 Điều này theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn quản lý nhà nước được Chính phủ giao; dữ liệu về thông báo và hỏi đáp về hàng rào kỹ thuật trong thương mại của quốc gia quy định tại điểm e khoản 3 Điều này theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn quản lý nhà nước được Chính phủ giao; dữ liệu khác có liên quan đến hoạt động trong lĩnh vực tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật.

b) Trách nhiệm của các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ và Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương

Cập nhật thông tin, dữ liệu quy định tại khoản 3 Điều này vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng theo chức năng quản lý nhà nước đã được phân cấp, phân quyền; cập nhật danh mục tiêu chuẩn quốc tế, tiêu chuẩn khu vực, tiêu chuẩn nước ngoài được viện dẫn trong quy chuẩn kỹ thuật do mình xây dựng;

Thực hiện kết nối, chia sẻ dữ liệu theo chức năng quản lý nhà nước được Chính phủ giao vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng;

Chịu trách nhiệm cung cấp, cập nhật đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, dữ liệu thuộc thẩm quyền quản lý nhà nước được phân công lên Cơ sở dữ liệu quốc gia về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng theo quy định pháp luật;

Chỉ đạo các cơ quan, đơn vị trực thuộc cung cấp thông tin, cập nhật kịp thời dữ liệu với Cơ sở dữ liệu quốc gia về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng.

c) Trung tâm dữ liệu quốc gia có trách nhiệm tổ chức quản lý, kết nối, khai thác dữ liệu về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng trong Cơ sở dữ liệu tổng hợp quốc gia hỗ trợ công tác xây dựng cơ chế, chính sách và phục vụ phát triển kinh tế - xã hội.

d) Trách nhiệm của các tổ chức, hiệp hội, ngành hàng, doanh nghiệp, cá nhân

Tổ chức công bố tiêu chuẩn cơ sở cập nhật tiêu chuẩn cơ sở đã công bố lên Cơ sở dữ liệu quốc gia về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng;

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

Tổ chức đánh giá sự phù hợp cung cấp thông tin theo quy định tại khoản 3 Điều này lên Cơ sở dữ liệu quốc gia về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng;

Tổ chức công nhận cung cấp thông tin về hoạt động, kết quả công nhận đã thực hiện lên Cơ sở dữ liệu quốc gia về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng;

Khuyến khích các tổ chức đánh giá sự phù hợp, doanh nghiệp xây dựng, vận hành, duy trì hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu về hoạt động của mình để chia sẻ với Cơ sở dữ liệu quốc gia về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng, phục vụ hoạt động quản lý nhà nước, tra cứu của người dân, doanh nghiệp;

Tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài có nhu cầu cập nhật các tiêu chuẩn do mình xây dựng hoặc đề xuất các tiêu chuẩn, quy định kỹ thuật cần được cập nhật vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng gửi yêu cầu đến Bộ Khoa học và Công nghệ để được xem xét cập nhật.

## Chương II
## XÂY DỰNG, CÔNG BỐ VÀ ÁP DỤNG TIÊU CHUẨN

### Điều 11. Quyền, lợi ích và trách nhiệm của tổ chức, cá nhân tham gia xây dựng tiêu chuẩn quốc gia

1. Tổ chức, cá nhân chủ trì biên soạn dự thảo tiêu chuẩn quốc gia theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 14 Nghị định này được hỗ trợ chi phí theo quy định tại điểm i khoản 1 Điều 6 Nghị định này trong trường hợp đề xuất xây dựng tiêu chuẩn quốc gia được đưa vào kế hoạch xây dựng tiêu chuẩn quốc gia.

2. Tiêu chuẩn quốc gia do tổ chức, cá nhân chủ trì biên soạn được ghi nhận là kết quả nghiên cứu khoa học, đổi mới sáng tạo; là một trong những căn cứ để xét tặng giải thưởng về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, giải thưởng chất lượng quốc gia.

3. Khoản tài trợ nhận được từ doanh nghiệp không có quan hệ liên kết, tổ chức, cá nhân trong nước và ngoài nước, khoản hỗ trợ trực tiếp từ ngân sách nhà nước và từ Quỹ hỗ trợ đầu tư do Chính phủ thành lập cho doanh nghiệp để thực hiện xây dựng tiêu chuẩn quốc gia được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định của pháp luật về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp.

4. Khoản chi của doanh nghiệp cho nghiên cứu, xây dựng tiêu chuẩn quốc gia là khoản chi được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế theo quy định của pháp luật về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp.

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

5. Cá nhân tham gia xây dựng tiêu chuẩn quốc gia được hưởng ưu đãi về thuế thu nhập cá nhân đối với khoản thù lao chuyên gia xây dựng tiêu chuẩn quốc gia trong khuôn khổ nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập cá nhân.

6. Tổ chức, cá nhân có thành tích xuất sắc trong nghiên cứu, tham gia xây dựng tiêu chuẩn quốc gia được ưu tiên xét tài trợ hoặc đặt hàng thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo theo quy định của pháp luật về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, được xem xét mời tham gia ban kỹ thuật tiêu chuẩn quốc gia, đại diện quốc gia tham gia ban kỹ thuật tiêu chuẩn quốc tế.

7. Tổ chức, cá nhân tham gia xây dựng tiêu chuẩn quốc gia có trách nhiệm bảo đảm tính chính xác, cơ sở khoa học và tính hợp pháp của thông tin, dữ liệu sử dụng đối với nội dung dự thảo tiêu chuẩn.

**Điều 12. Ban kỹ thuật tiêu chuẩn quốc gia**

1. Ban kỹ thuật tiêu chuẩn quốc gia hoạt động trên cơ sở thực hiện các nhiệm vụ quy định tại Điều 16 của Luật, cụ thể như sau:

a) Đề xuất kế hoạch, phương án, giải pháp xây dựng tiêu chuẩn quốc gia;

b) Xây dựng dự thảo tiêu chuẩn quốc gia trên cơ sở dự thảo do tổ chức, cá nhân đề nghị, dự thảo tiêu chuẩn quốc gia trong lĩnh vực tiêu chuẩn cụ thể cho các đối tượng thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Khoa học và Công nghệ;

c) Tham gia thẩm định dự thảo tiêu chuẩn quốc gia do các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ xây dựng;

d) Tham gia xây dựng, góp ý kiến về dự thảo tiêu chuẩn quốc tế, dự thảo tiêu chuẩn khu vực, dự thảo tiêu chuẩn nước ngoài có liên quan;

đ) Phối hợp với các Ban kỹ thuật khác trong những vấn đề có liên quan (góp ý các dự thảo tiêu chuẩn quốc gia, tham khảo ý kiến chuyên môn và các vấn đề khác);

e) Tham gia các hoạt động phổ biến, hướng dẫn áp dụng tiêu chuẩn quốc gia và các tiêu chuẩn khác;

g) Tham gia xây dựng, thẩm định dự thảo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia do các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ xây dựng khi được yêu cầu;

h) Tham gia các hoạt động trong lĩnh vực tiêu chuẩn và hoạt động trong lĩnh vực quy chuẩn kỹ thuật có liên quan thuộc trách nhiệm quản lý của các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ khi được yêu cầu;

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

i) Thực hiện các nhiệm vụ khác khi được Cơ quan tiêu chuẩn quốc gia yêu cầu.

2. Ban kỹ thuật tiêu chuẩn quốc gia làm việc theo nguyên tắc đồng thuận trên cơ sở thảo luận, góp ý kiến công khai, dân chủ. Khi cần biểu quyết, quyết định của Ban kỹ thuật tiêu chuẩn quốc gia chỉ được thông qua khi có ít nhất 3/4 số thành viên đồng ý.

3. Cơ quan tiêu chuẩn quốc gia có trách nhiệm quản lý Ban kỹ thuật tiêu chuẩn quốc gia. Trường hợp cần thiết, Cơ quan tiêu chuẩn quốc gia thành lập tiểu ban kỹ thuật trên cơ sở đề nghị của Ban kỹ thuật tiêu chuẩn quốc gia, tổ chức liên quan.

4. Ban kỹ thuật, Tiểu ban kỹ thuật có thể thành lập các nhóm công tác để thực hiện các nội dung công việc cụ thể thuộc nhiệm vụ được giao.

5. Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chi tiết tổ chức, hoạt động, nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm của Ban kỹ thuật tiêu chuẩn quốc gia.

**Điều 13. Kế hoạch xây dựng tiêu chuẩn quốc gia**

1. Trình tự, thủ tục lập, phê duyệt kế hoạch xây dựng tiêu chuẩn quốc gia bao gồm kế hoạch năm năm và kế hoạch hằng năm như sau:

a) Bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ tổ chức xét duyệt, tổng hợp các đề nghị xây dựng tiêu chuẩn quốc gia của các đơn vị trực thuộc, Ban kỹ thuật tiêu chuẩn quốc gia, tổ chức, cá nhân;

b) Bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ gửi văn bản đề nghị kèm theo hồ sơ đề xuất kế hoạch xây dựng tiêu chuẩn quốc gia bằng bản điện tử và 01 bản giấy về Bộ Khoa học và Công nghệ để tổng hợp.

Hồ sơ đề xuất kế hoạch năm năm bao gồm: dự kiến kế hoạch xây dựng tiêu chuẩn quốc gia cho 05 năm kèm theo bản thuyết minh.

Hồ sơ đề xuất kế hoạch hằng năm bao gồm: dự kiến kế hoạch xây dựng tiêu chuẩn quốc gia cho năm sau kèm theo dự án xây dựng tiêu chuẩn quốc gia cho từng đối tượng hoặc dự án xây dựng tiêu chuẩn quốc gia cho nhóm đối tượng, lĩnh vực cụ thể;

c) Bộ Khoa học và Công nghệ tổ chức xem xét hồ sơ đề xuất kế hoạch tiêu chuẩn quốc gia do mình xét duyệt, tổng hợp và hồ sơ do các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ đề xuất để lập dự thảo kế hoạch tiêu chuẩn quốc gia; lấy ý kiến cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan về dự thảo kế hoạch xây dựng tiêu chuẩn quốc gia trong thời hạn 30 ngày;

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

d) Bộ Khoa học và Công nghệ tổ chức xử lý các ý kiến góp ý cho dự thảo kế hoạch; phối hợp với các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan, tổ chức liên quan hoàn chỉnh dự thảo kế hoạch xây dựng tiêu chuẩn quốc gia;

đ) Bộ Khoa học và Công nghệ phê duyệt và thông báo công khai kế hoạch xây dựng tiêu chuẩn quốc gia trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày phê duyệt.

2. Trong trường hợp cần thiết, Bộ Khoa học và Công nghệ thực hiện điều chỉnh, bổ sung kế hoạch xây dựng tiêu chuẩn quốc gia trên cơ sở quy định tại khoản 1 Điều 14 của Luật. Việc điều chỉnh, bổ sung kế hoạch xây dựng tiêu chuẩn quốc gia được thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều này.

3. Trường hợp tiêu chuẩn quốc gia được xây dựng theo trình tự, thủ tục rút gọn, Bộ Khoa học và Công nghệ thực hiện điều chỉnh, bổ sung kế hoạch xây dựng tiêu chuẩn quốc gia trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận được đề nghị của bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ; trong trường hợp cần thiết, lấy ý kiến các cơ quan, tổ chức liên quan trước khi phê duyệt.

4. Trường hợp tiêu chuẩn quốc gia không được công bố đúng hạn theo kế hoạch xây dựng tiêu chuẩn quốc gia đã được phê duyệt, cơ quan xây dựng dự thảo tiêu chuẩn quốc gia có trách nhiệm báo cáo Bộ Khoa học và Công nghệ làm căn cứ để xem xét, điều chỉnh kế hoạch xây dựng tiêu chuẩn quốc gia cho giai đoạn tiếp theo.

5. Bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ tổ chức lập, phê duyệt kế hoạch xây dựng tiêu chuẩn quốc gia đối với đối tượng thuộc danh mục bí mật nhà nước, gửi lấy ý kiến Bộ Khoa học và Công nghệ trước khi phê duyệt kế hoạch nhằm bảo đảm thống nhất của hệ thống tiêu chuẩn quốc gia, không chồng chéo, trùng lặp với các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ ngành khác.

6. Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chi tiết Điều này.

**Điều 14. Xây dựng, thẩm định, công bố tiêu chuẩn quốc gia**

1. Trình tự, thủ tục xây dựng, thẩm định, công bố tiêu chuẩn quốc gia đối với dự thảo tiêu chuẩn quốc gia do bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ xây dựng được quy định như sau:

a) Căn cứ kế hoạch xây dựng tiêu chuẩn quốc gia đã được phê duyệt, bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ tổ chức xây dựng dự thảo tiêu chuẩn quốc gia;

b) Bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ tổ chức tham vấn, lấy ý kiến rộng rãi, công khai của cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan về dự thảo trong thời hạn ít nhất là 60 ngày; đăng tải dự thảo trên Cổng thông tin của mình

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

và Cơ sở dữ liệu quốc gia về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng;

c) Bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ tổ chức tổng hợp, xử lý các ý kiến góp ý; đăng tải nội dung kết quả tham vấn, giải trình, tiếp thu ý kiến trên Cổng thông tin của mình và Cơ sở dữ liệu quốc gia về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng; hoàn chỉnh dự thảo tiêu chuẩn quốc gia và lập hồ sơ dự thảo gửi Bộ Khoa học và Công nghệ bằng bản điện tử và 01 bản giấy để thẩm định.

Hồ sơ thẩm định dự thảo tiêu chuẩn quốc gia bao gồm: quyết định giao nhiệm vụ xây dựng dự thảo tiêu chuẩn quốc gia cho cơ quan, tổ chức, kèm theo dự án xây dựng tiêu chuẩn quốc gia đã được phê duyệt; dự thảo tiêu chuẩn quốc gia kèm theo bản thuyết minh; bản sao tài liệu gốc được sử dụng làm căn cứ để xây dựng dự thảo tiêu chuẩn quốc gia; các tài liệu tham khảo khác; danh sách cơ quan, tổ chức, cá nhân được gửi dự thảo để lấy ý kiến; bản tổng hợp và tiếp thu ý kiến góp ý kèm theo văn bản góp ý (nội dung tiếp thu ý kiến góp ý phải giải trình rõ cơ sở khoa học, thực tiễn đối với từng nội dung không tiếp thu hoặc không đồng ý); công văn đề nghị thẩm định dự thảo tiêu chuẩn quốc gia của Bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ; các tài liệu khác có liên quan (nếu có).

d) Cơ quan tiêu chuẩn quốc gia giúp Bộ Khoa học và Công nghệ tổ chức thẩm định dự thảo tiêu chuẩn quốc gia theo các nội dung quy định tại Điều 18 của Luật. Thời hạn thẩm định, bao gồm thời hạn thành lập hội đồng thẩm định và thông báo kết quả thẩm định không quá 45 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ;

đ) Trường hợp cần tiếp tục hoàn thiện hồ sơ dự thảo tiêu chuẩn quốc gia để trình công bố theo ý kiến thẩm định, bộ, cơ quan ngang bộ chủ trì xây dựng tiêu chuẩn quốc gia có trách nhiệm tiếp thu, xử lý ý kiến và hoàn thiện hồ sơ dự thảo tiêu chuẩn quốc gia, gửi về Bộ Khoa học và Công nghệ bằng bản điện tử và 01 bản giấy trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày có thông báo thẩm định để công bố.

Trường hợp quá thời hạn nêu trên hoặc căn cứ kết luận thẩm định, dự thảo tiêu chuẩn quốc gia phải được tổ chức thẩm định lại.

e) Bộ Khoa học và Công nghệ công bố tiêu chuẩn quốc gia trên cơ sở kết quả thẩm định tiêu chuẩn đã phù hợp hoặc hồ sơ hoàn thiện theo kết quả thẩm định đã hợp lệ và phù hợp; thông báo việc công bố tiêu chuẩn quốc gia trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng. Hồ sơ công bố tiêu chuẩn quốc gia bao gồm:

Hồ sơ công bố tiêu chuẩn quốc gia bao gồm: dự thảo quyết định công bố tiêu chuẩn quốc gia kèm theo dự thảo tiêu chuẩn quốc gia; báo cáo kết quả thẩm định hồ sơ dự thảo tiêu chuẩn quốc gia của cơ quan thẩm định; báo cáo tiếp thu, giải trình kết quả thẩm định dự thảo tiêu chuẩn quốc gia kèm theo hồ sơ dự thảo

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

tiêu chuẩn quốc gia đã được hoàn thiện sau thẩm định trong trường hợp phải hoàn thiện hồ sơ theo kết quả thẩm định; công văn đề nghị công bố tiêu chuẩn quốc gia của Bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ.

2. Trình tự, thủ tục xây dựng, thẩm định, công bố tiêu chuẩn quốc gia đối với dự thảo tiêu chuẩn quốc gia do tổ chức, cá nhân đề nghị được quy định như sau:

a) Tổ chức, cá nhân biên soạn dự thảo tiêu chuẩn hoặc đề xuất tiêu chuẩn sẵn có để đề nghị Bộ Khoa học và Công nghệ xem xét, đưa vào kế hoạch xây dựng tiêu chuẩn quốc gia trong trường hợp đáp ứng yêu cầu về sự cần thiết, tính khả thi, tính khoa học;

b) Bộ Khoa học và Công nghệ, thông qua Cơ quan tiêu chuẩn quốc gia để: giao Ban kỹ thuật tiêu chuẩn quốc gia biên soạn dự thảo tiêu chuẩn quốc gia trên cơ sở dự thảo do tổ chức, cá nhân đề nghị; tổ chức tham vấn, lấy ý kiến rộng rãi, công khai của cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan về dự thảo;

c) Ban kỹ thuật tiêu chuẩn quốc gia tổng hợp, xử lý các ý kiến góp ý; đăng tải nội dung kết quả tham vấn, giải trình, tiếp thu ý kiến trên Cổng thông tin của Bộ Khoa học và Công nghệ và Cơ sở dữ liệu quốc gia về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng; hoàn chỉnh dự thảo tiêu chuẩn quốc gia và lập hồ sơ dự thảo bằng bản điện tử và 01 bản giấy để trình Bộ Khoa học và Công nghệ thẩm định;

d) Cơ quan tiêu chuẩn quốc gia giúp Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ tổ chức thẩm định dự thảo tiêu chuẩn quốc gia, trình Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ công bố tiêu chuẩn quốc gia. Việc thẩm định, công bố tiêu chuẩn quốc gia thực hiện theo quy định tại các điểm d, đ, e khoản 1 Điều này.

Hồ sơ thẩm định dự thảo tiêu chuẩn quốc gia bao gồm: quyết định giao nhiệm vụ xây dựng dự thảo tiêu chuẩn quốc gia kèm theo dự án xây dựng tiêu chuẩn quốc gia đã được phê duyệt; dự thảo tiêu chuẩn quốc gia kèm theo bản thuyết minh; bản sao tài liệu gốc được sử dụng làm căn cứ để xây dựng dự thảo tiêu chuẩn quốc gia; các tài liệu tham khảo khác; danh sách cơ quan, tổ chức, cá nhân được gửi dự thảo để lấy ý kiến; bản tổng hợp và tiếp thu ý kiến góp ý kèm theo văn bản góp ý (nội dung tiếp thu ý kiến góp ý phải giải trình rõ cơ sở khoa học, thực tiễn đối với từng nội dung không tiếp thu hoặc không đồng ý); các tài liệu khác có liên quan (nếu có).

Hồ sơ công bố tiêu chuẩn quốc gia bao gồm: dự thảo quyết định công bố tiêu chuẩn quốc gia kèm theo dự thảo tiêu chuẩn quốc gia; văn bản đề nghị xây dựng tiêu chuẩn quốc gia của tổ chức, cá nhân kèm theo dự thảo tiêu chuẩn đề nghị; báo cáo kết quả thẩm định dự thảo tiêu chuẩn quốc gia của cơ quan thẩm định; báo cáo tiếp thu, giải trình kết quả thẩm định dự thảo tiêu chuẩn quốc gia kèm theo hồ sơ dự thảo tiêu chuẩn quốc gia đã được hoàn thiện sau thẩm định trong trường hợp phải hoàn thiện hồ sơ theo kết quả thẩm định.

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

3. Trình tự, thủ tục xây dựng, thẩm định, công bố tiêu chuẩn quốc gia đối với dự thảo tiêu chuẩn quốc gia do Bộ Khoa học và Công nghệ xây dựng được quy định như sau:

a) Căn cứ kế hoạch xây dựng tiêu chuẩn quốc gia đã được phê duyệt, Bộ Khoa học và Công nghệ thông qua Cơ quan tiêu chuẩn quốc gia để giao Ban kỹ thuật tiêu chuẩn quốc gia tương ứng, giao đơn vị trực thuộc hoặc thành lập tổ biên soạn để xây dựng, hoàn thiện hồ sơ dự thảo tiêu chuẩn quốc gia theo quy định tại các điểm a, b, c khoản 1 Điều này và lập hồ sơ dự thảo bằng bản điện tử và 01 bản giấy để trình Bộ Khoa học và Công nghệ thẩm định.

Hồ sơ thẩm định dự thảo tiêu chuẩn quốc gia bao gồm: quyết định giao nhiệm vụ xây dựng dự thảo tiêu chuẩn quốc gia cho cơ quan, tổ chức, kèm theo dự án xây dựng tiêu chuẩn quốc gia đã được phê duyệt; dự thảo tiêu chuẩn quốc gia kèm theo bản thuyết minh; bản sao tài liệu gốc được sử dụng làm căn cứ để xây dựng dự thảo tiêu chuẩn quốc gia; các tài liệu tham khảo khác; danh sách cơ quan, tổ chức, cá nhân được gửi dự thảo để lấy ý kiến; bản tổng hợp và tiếp thu ý kiến góp ý kèm theo văn bản góp ý (nội dung tiếp thu ý kiến góp ý phải giải trình rõ cơ sở khoa học, thực tiễn đối với từng nội dung không tiếp thu hoặc không đồng ý); các tài liệu khác có liên quan (nếu có).

b) Cơ quan tiêu chuẩn quốc gia giúp Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ tổ chức thẩm định dự thảo tiêu chuẩn quốc gia, trình Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ công bố tiêu chuẩn quốc gia.

Việc thẩm định, công bố tiêu chuẩn quốc gia thực hiện theo quy định tại các điểm d, đ, e khoản 1 Điều này.

Hồ sơ công bố tiêu chuẩn quốc gia bao gồm: dự thảo quyết định công bố tiêu chuẩn quốc gia kèm theo dự thảo tiêu chuẩn quốc gia; báo cáo kết quả thẩm định hồ sơ dự thảo tiêu chuẩn quốc gia của cơ quan thẩm định; báo cáo tiếp thu, giải trình kết quả thẩm định dự thảo tiêu chuẩn quốc gia kèm theo hồ sơ dự thảo tiêu chuẩn quốc gia đã được hoàn thiện sau thẩm định trong trường hợp phải hoàn thiện hồ sơ theo kết quả thẩm định.

4. Ưu tiên chấp nhận hoàn toàn tiêu chuẩn quốc tế, tiêu chuẩn khu vực, tiêu chuẩn nước ngoài khi xây dựng tiêu chuẩn quốc gia cho đối tượng có tính đổi mới sáng tạo, công nghệ chiến lược, công nghệ cao, công nghệ mới, thực hiện cam kết quốc tế về hài hòa tiêu chuẩn, thúc đẩy thuận lợi hóa thương mại đa phương, song phương.

Quy trình xây dựng, phương pháp chấp nhận tiêu chuẩn quốc tế, tiêu chuẩn khu vực, tiêu chuẩn nước ngoài thành tiêu chuẩn quốc gia được thực hiện theo

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

hướng dẫn tại tiêu chuẩn quốc gia TCVN 6709 và các quy định tương ứng tại các khoản 1, 2, 3 Điều này.

5. Bộ Khoa học và Công nghệ có trách nhiệm tổ chức kiểm tra, giám sát việc triển khai xây dựng, công bố, áp dụng tiêu chuẩn quốc gia tuân thủ các quy định của pháp luật về tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật.

6. Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chi tiết Điều này.

**Điều 15. Xây dựng, công bố tiêu chuẩn cơ sở**

1. Việc xây dựng, công bố tiêu chuẩn cơ sở được thực hiện theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan nhà nước hoặc theo yêu cầu sản xuất, kinh doanh, hoạt động của tổ chức kinh tế, đơn vị sự nghiệp, tổ chức xã hội - nghề nghiệp.

2. Cơ quan nhà nước, tổ chức kinh tế, đơn vị sự nghiệp, tổ chức xã hội - nghề nghiệp tổ chức việc xây dựng, công bố tiêu chuẩn cơ sở bao gồm các hoạt động: biên soạn, tổ chức lấy ý kiến, xử lý ý kiến và hoàn chỉnh dự thảo tiêu chuẩn cơ sở, lập hồ sơ, thẩm tra dự thảo tiêu chuẩn cơ sở và công bố tiêu chuẩn cơ sở.

3. Thông báo việc công bố tiêu chuẩn cơ sở

a) Đặc tính cơ bản của tiêu chuẩn cơ sở được công bố là các chỉ tiêu cơ bản về chất lượng, tính năng, thiết kế của đối tượng được điều chỉnh bởi tiêu chuẩn cơ sở.

b) Khi thực hiện thông báo việc công bố tiêu chuẩn cơ sở, tổ chức có quyền không cung cấp thông tin liên quan đến đặc tính cơ bản của tiêu chuẩn cơ sở nếu các thông tin này thuộc phạm vi bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ theo quy định của pháp luật.

4. Cơ quan nhà nước, tổ chức kinh tế, đơn vị sự nghiệp, tổ chức xã hội - nghề nghiệp chịu trách nhiệm về nội dung của tiêu chuẩn cơ sở do mình công bố.

5. Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chi tiết Điều này.

**Điều 16. Xuất bản, phát hành tiêu chuẩn quốc gia**

1. Tiêu chuẩn quốc gia có nguồn kinh phí xây dựng từ ngân sách nhà nước; tiêu chuẩn quốc gia được viện dẫn trong các quy chuẩn kỹ thuật được xuất bản và phát hành công khai trên cơ sở bảo đảm tuân thủ quy định, pháp luật về bản quyền đối với các tiêu chuẩn được sử dụng làm căn cứ xây dựng các tiêu chuẩn

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

quốc gia này.

2. Tiêu chuẩn quốc gia xuất bản, phát hành dưới dạng bản giấy, bản điện tử.

3. Nội dung sửa đổi, bổ sung tiêu chuẩn quốc gia xuất bản dưới dạng bản rời cho đến khi tái bản tiêu chuẩn đó.

Trường hợp tiêu chuẩn quốc gia có nhiều phần thì có thể đóng rời từng phần tiêu chuẩn hoặc thành một bộ tiêu chuẩn gồm nhiều phần để thuận tiện cho việc sử dụng, tra cứu.

4. Bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, tổ chức, cá nhân xuất bản, phát hành tiêu chuẩn quốc gia không do mình tổ chức xây dựng dự thảo khi Bộ Khoa học và Công nghệ đồng ý bằng văn bản.

**Điều 17. Trình tự, thủ tục đính chính tiêu chuẩn quốc gia**

1. Bộ Khoa học và Công nghệ thực hiện đính chính đối với tiêu chuẩn quốc gia có sai sót về thể thức trình bày, số hiệu tiêu chuẩn, nội dung biên tập mà không ảnh hưởng, thay đổi các quy định, yêu cầu kỹ thuật của tiêu chuẩn dựa trên cơ sở kết quả rà soát tiêu chuẩn quốc gia hoặc đề nghị của bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, tổ chức, cá nhân.

2. Bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ gửi văn bản đề nghị đính chính tiêu chuẩn quốc gia do mình xây dựng kèm theo bản dự thảo tiêu chuẩn quốc gia đã chỉnh sửa (nếu có) đến Bộ Khoa học và Công nghệ.

Trường hợp nội dung đề nghị đính chính đáp ứng yêu cầu tại khoản 1 Điều này, Bộ Khoa học và Công nghệ thực hiện cập nhật tiêu chuẩn quốc gia đã đính chính và thông báo việc đính chính tiêu chuẩn quốc gia.

3. Cơ quan, tổ chức, cá nhân gửi văn bản đề nghị đính chính tiêu chuẩn quốc gia không do mình xây dựng đến Bộ Khoa học và Công nghệ.

Trường hợp nội dung đề nghị đính chính đáp ứng yêu cầu tại khoản 1 Điều này, Bộ Khoa học và Công nghệ có văn bản gửi cơ quan chủ trì xây dựng tiêu chuẩn quốc gia. Trên cơ sở ý kiến thống nhất của cơ quan chủ trì xây dựng tiêu chuẩn quốc gia, Bộ Khoa học và Công nghệ thực hiện cập nhật tiêu chuẩn quốc gia đã đính chính và thông báo việc đính chính tiêu chuẩn quốc gia.

4. Bộ Khoa học và Công nghệ thực hiện đính chính tiêu chuẩn quốc gia do mình xây dựng theo quy định tại khoản 2 Điều này.

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

**Điều 18. Rà soát, đánh giá hiệu quả việc áp dụng tiêu chuẩn quốc gia**

1. Bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ chủ trì, phối hợp với Bộ Khoa học và Công nghệ tổ chức rà soát, đánh giá hiệu quả việc áp dụng tiêu chuẩn quốc gia thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của mình theo định kỳ 03 năm hoặc sớm hơn khi cần thiết, kể từ ngày tiêu chuẩn được công bố.

2. Đánh giá hiệu quả việc áp dụng tiêu chuẩn quốc gia được thực hiện trên cơ sở các yếu tố: sự phù hợp của tiêu chuẩn với yêu cầu thực tế, yêu cầu hội nhập quốc tế; hiệu quả trong việc nâng cao chất lượng sản phẩm, dịch vụ; tác động đến hiệu quả kinh tế, môi trường, xã hội; các chi phí và lợi ích liên quan.

**Điều 19. Sửa đổi, bổ sung tiêu chuẩn quốc gia**

Trình tự, thủ tục, hồ sơ sửa đổi, bổ sung tiêu chuẩn quốc gia được thực hiện theo trình tự, thủ tục xây dựng, công bố tiêu chuẩn quốc gia quy định tại các Điều 14, 23, 24 tương ứng của Nghị định này.

**Điều 20. Bãi bỏ tiêu chuẩn quốc gia**

1. Trường hợp bãi bỏ tiêu chuẩn quốc gia trên cơ sở kết quả rà soát định kỳ tiêu chuẩn quốc gia, Cơ quan tiêu chuẩn quốc gia căn cứ kết quả rà soát định kỳ, lập hồ sơ đề nghị bãi bỏ tiêu chuẩn quốc gia trình Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ xem xét, quyết định việc công bố bãi bỏ. Hồ sơ đề nghị bãi bỏ tiêu chuẩn quốc gia bằng bản điện tử và 01 bản giấy, bao gồm:

a) Bản tiêu chuẩn quốc gia đề nghị bãi bỏ;

b) Tổng hợp ý kiến của các cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan về việc bãi bỏ tiêu chuẩn quốc gia trong quá trình rà soát (nếu có);

c) Các tài liệu liên quan khác (nếu có);

d) Công văn của Cơ quan tiêu chuẩn quốc gia đề nghị bãi bỏ tiêu chuẩn quốc gia cụ thể có kèm theo thuyết minh.

2. Trường hợp bãi bỏ tiêu chuẩn quốc gia trên cơ sở đề nghị của bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ban kỹ thuật tiêu chuẩn quốc gia, tổ chức, cá nhân, Cơ quan tiêu chuẩn quốc gia tổ chức thẩm định hồ sơ đề nghị bãi bỏ tiêu chuẩn quốc gia được lập, đề nghị thẩm định bởi bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, ban kỹ thuật tiêu chuẩn quốc gia, tổ chức, cá nhân; trình Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ kết quả thẩm định và dự thảo quyết định bãi bỏ để xem xét, quyết định. Hồ sơ đề nghị bãi bỏ tiêu chuẩn quốc gia bằng bản điện tử và 01 bản giấy, bao gồm:

a) Bản tiêu chuẩn quốc gia đề nghị bãi bỏ;

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

b) Văn bản đề nghị của bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ban kỹ thuật tiêu chuẩn quốc gia, tổ chức, cá nhân (nêu rõ lý do, cơ sở pháp lý, cơ sở khoa học);

c) Ý kiến của cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan;

d) Các tài liệu khác liên quan (nếu có).

**Điều 21. Thay thế tiêu chuẩn quốc gia**

1. Thay thế tiêu chuẩn quốc gia là hoạt động công bố tiêu chuẩn quốc gia mới, đồng thời bãi bỏ tiêu chuẩn quốc gia cũ tương ứng trên cơ sở kết quả rà soát hoặc đề nghị của cơ quan, tổ chức, cá nhân.

2. Trình tự, thủ tục, hồ sơ thay thế tiêu chuẩn quốc gia được thực hiện theo quy định tại các Điều 14, 20, 23, 24 tương ứng của Nghị định này.

**Điều 22. Phổ biến tiêu chuẩn quốc gia**

1. Bộ Khoa học và Công nghệ phối hợp với các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ lập kế hoạch phổ biến tiêu chuẩn quốc gia đã được công bố.

2. Bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ chủ trì, phối hợp với các cơ quan, tổ chức liên quan tổ chức phổ biến, hướng dẫn áp dụng tiêu chuẩn quốc gia do mình chủ trì xây dựng hoặc tiêu chuẩn quốc gia liên quan đến lĩnh vực quản lý nhà nước theo chức năng, nhiệm vụ được phân công.

3. Phổ biến tiêu chuẩn quốc gia thực hiện thông qua các hình thức: hội nghị; hội thảo; đào tạo; tập huấn và các hình thức khác.

**Điều 23. Xây dựng, công bố tiêu chuẩn quốc gia theo trình tự, thủ tục rút gọn**

1. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ quyết định việc áp dụng trình tự, thủ tục rút gọn đối với tiêu chuẩn quốc gia do mình xây dựng.

2. Trình tự, thủ tục xây dựng, thẩm định, công bố tiêu chuẩn quốc gia theo trình tự, thủ tục rút gọn:

a) Căn cứ kế hoạch xây dựng tiêu chuẩn quốc gia đã được phê duyệt, bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ tổ chức việc soạn thảo tiêu chuẩn quốc gia;

b) Bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ tổ chức lấy ý kiến đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của tiêu chuẩn quốc gia, cơ quan, tổ chức, cá

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

nhân có liên quan nếu cần thiết. Thời hạn lấy ý kiến không quá 10 ngày;

c) Bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ chuyển hồ sơ bằng bản điện tử và 01 bản giấy đến Bộ Khoa học và Công nghệ để tổ chức thẩm định. Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ, Bộ Khoa học và Công nghệ giao Cơ quan tiêu chuẩn quốc gia tổ chức hội đồng thẩm định, thông báo kết quả thẩm định dự thảo tiêu chuẩn quốc gia.

Hồ sơ thẩm định dự thảo tiêu chuẩn quốc gia theo trình tự, thủ tục rút gọn bao gồm: quyết định giao nhiệm vụ xây dựng dự thảo tiêu chuẩn quốc gia; dự thảo tiêu chuẩn quốc gia kèm theo bản thuyết minh; bản sao tài liệu gốc được sử dụng làm căn cứ để xây dựng dự thảo tiêu chuẩn quốc gia; các tài liệu tham khảo khác; danh sách cơ quan, tổ chức, cá nhân được gửi dự thảo để lấy ý kiến; bản tổng hợp và tiếp thu ý kiến góp ý kèm theo văn bản góp ý (nội dung tiếp thu ý kiến góp ý phải giải trình rõ cơ sở khoa học, thực tiễn đối với từng nội dung không tiếp thu hoặc không đồng ý); công văn đề nghị thẩm định dự thảo tiêu chuẩn quốc gia của Bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ.

d) Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ công bố tiêu chuẩn quốc gia trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày có ý kiến thẩm định tiêu chuẩn đã phù hợp hoặc hồ sơ hoàn thiện theo kết quả thẩm định đã hợp lệ và phù hợp; thông báo công khai việc công bố tiêu chuẩn quốc gia chậm nhất là 03 ngày làm việc kể từ ngày tiêu chuẩn được công bố.

Hồ sơ công bố tiêu chuẩn quốc gia bao gồm: dự thảo quyết định công bố tiêu chuẩn quốc gia kèm theo dự thảo tiêu chuẩn quốc gia; báo cáo kết quả thẩm định hồ sơ dự thảo tiêu chuẩn quốc gia của cơ quan thẩm định; báo cáo tiếp thu, giải trình kết quả thẩm định dự thảo tiêu chuẩn quốc gia kèm theo hồ sơ dự thảo tiêu chuẩn quốc gia đã được hoàn thiện sau thẩm định trong trường hợp phải hoàn thiện hồ sơ theo kết quả thẩm định; công văn đề nghị công bố tiêu chuẩn quốc gia của Bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ.

**Điều 24. Xây dựng, công bố tiêu chuẩn quốc gia đối với đối tượng thuộc danh mục bí mật nhà nước**

1. Việc xây dựng, công bố tiêu chuẩn quốc gia đối với đối tượng thuộc danh mục bí mật nhà nước bảo đảm các nguyên tắc bảo vệ bí mật nhà nước theo pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước.

2. Trình tự, thủ tục xây dựng, công bố tiêu chuẩn quốc gia đối với đối tượng thuộc danh mục bí mật nhà nước được quy định như sau:

a) Căn cứ kế hoạch xây dựng tiêu chuẩn quốc gia đã được phê duyệt, bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ tổ chức xây dựng dự thảo tiêu chuẩn quốc gia với sự tham gia của đại diện cơ quan, tổ chức hoặc cá nhân được giao thực hiện nhiệm vụ liên quan đến bí mật nhà nước;

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

b) Bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ tổ chức lấy ý kiến cơ quan, tổ chức hoặc cá nhân có liên quan về dự thảo tiêu chuẩn quốc gia trong trường hợp cần thiết, theo quy định của pháp luật bảo vệ bí mật nhà nước;

c) Bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ nghiên cứu tiếp thu ý kiến của cơ quan, tổ chức, cá nhân để hoàn chỉnh dự thảo tiêu chuẩn quốc gia, tổ chức thẩm định dự thảo tiêu chuẩn quốc gia theo các nội dung quy định tại Điều 18 của Luật.

Hồ sơ thẩm định dự thảo tiêu chuẩn quốc gia bao gồm: quyết định giao nhiệm vụ xây dựng dự thảo tiêu chuẩn quốc gia cho cơ quan, tổ chức, kèm theo dự án xây dựng tiêu chuẩn quốc gia đã được phê duyệt; dự thảo tiêu chuẩn quốc gia kèm theo bản thuyết minh; bản sao tài liệu gốc được sử dụng làm căn cứ để xây dựng dự thảo tiêu chuẩn quốc gia; các tài liệu tham khảo khác; danh sách cơ quan, tổ chức, cá nhân được gửi dự thảo để lấy ý kiến; bản tổng hợp và tiếp thu ý kiến góp ý kèm theo văn bản góp ý (nếu có); các tài liệu khác có liên quan (nếu có).

d) Bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ công bố tiêu chuẩn quốc gia, thông báo tới Bộ Khoa học và Công nghệ về việc công bố tiêu chuẩn quốc gia.

Hồ sơ công bố tiêu chuẩn quốc gia bao gồm: dự thảo quyết định công bố tiêu chuẩn quốc gia kèm theo dự thảo tiêu chuẩn quốc gia; báo cáo kết quả thẩm định hồ sơ dự thảo tiêu chuẩn quốc gia; báo cáo tiếp thu, giải trình kết quả thẩm định dự thảo tiêu chuẩn quốc gia kèm theo hồ sơ dự thảo tiêu chuẩn quốc gia đã được hoàn thiện sau thẩm định trong trường hợp phải hoàn thiện hồ sơ theo kết quả thẩm định.

**Điều 25. Công bố tiêu chuẩn áp dụng**

1. Công bố tiêu chuẩn áp dụng là việc tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thông báo tiêu chuẩn áp dụng với các đặc tính cơ bản của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, quá trình, môi trường.

Tiêu chuẩn công bố áp dụng có thể bao gồm: tiêu chuẩn quốc tế, tiêu chuẩn khu vực, tiêu chuẩn nước ngoài, tiêu chuẩn quốc gia, tiêu chuẩn cơ sở.

2. Việc công bố tiêu chuẩn áp dụng được thực hiện thông qua hình thức ghi số hiệu tiêu chuẩn được áp dụng hoặc các đặc tính cơ bản trên nhãn hoặc bao gói sản phẩm, hàng hoá, hoặc trong các tài liệu hướng dẫn, giới thiệu kèm theo sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, quá trình, môi trường và các hình thức thích hợp khác.

3. Tổ chức, cá nhân chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung của tiêu chuẩn áp dụng do mình công bố, có trách nhiệm cung cấp các tài liệu kỹ thuật có liên quan chứng minh sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ, quá trình, môi trường

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

và các đối tượng khác trong hoạt động kinh tế - xã hội phù hợp với tiêu chuẩn đã công bố khi được cơ quan có thẩm quyền yêu cầu.

## Chương III
## XÂY DỰNG, BAN HÀNH VÀ ÁP DỤNG QUY CHUẨN KỸ THUẬT

### Điều 26. Kế hoạch xây dựng quy chuẩn kỹ thuật

1. Trình tự, thủ tục lập, phê duyệt kế hoạch xây dựng quy chuẩn kỹ thuật bao gồm kế hoạch năm năm và kế hoạch hằng năm như sau:

a) Cơ quan ban hành quy chuẩn kỹ thuật tổ chức xét duyệt, tổng hợp đề xuất xây dựng quy chuẩn kỹ thuật của các đơn vị trực thuộc, lập dự thảo kế hoạch xây dựng quy chuẩn kỹ thuật;

b) Cơ quan ban hành quy chuẩn kỹ thuật lấy ý kiến các cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan về dự thảo kế hoạch xây dựng quy chuẩn kỹ thuật để bảo đảm tính đồng bộ, thống nhất của hệ thống quy chuẩn kỹ thuật. Văn bản trả lời được gửi đến cơ quan xin ý kiến chậm nhất là 20 ngày kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị;

c) Cơ quan ban hành quy chuẩn kỹ thuật tổ chức xử lý các ý kiến góp ý, hoàn chỉnh dự thảo kế hoạch xây dựng quy chuẩn kỹ thuật;

d) Cơ quan ban hành quy chuẩn kỹ thuật phê duyệt và thông báo công khai kế hoạch xây dựng quy chuẩn kỹ thuật trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày phê duyệt.

2. Trong trường hợp cần thiết, cơ quan ban hành quy chuẩn kỹ thuật thực hiện điều chỉnh, bổ sung kế hoạch xây dựng quy chuẩn kỹ thuật trên cơ sở quy định tại khoản 1 Điều 29 của Luật. Việc điều chỉnh, bổ sung kế hoạch xây dựng quy chuẩn kỹ thuật được thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều này.

3. Trường hợp quy chuẩn kỹ thuật được xây dựng theo trình tự, thủ tục rút gọn, cơ quan ban hành quy chuẩn kỹ thuật lấy ý kiến Bộ Khoa học và Công nghệ; nếu cần thiết, lấy ý kiến các cơ quan, tổ chức khác liên quan trước khi thực hiện điều chỉnh, bổ sung kế hoạch xây dựng quy chuẩn kỹ thuật. Bộ Khoa học và Công nghệ có trách nhiệm trả lời trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận được văn bản lấy ý kiến của cơ quan ban hành quy chuẩn kỹ thuật.

4. Bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ tổ chức lập, phê duyệt kế hoạch xây dựng quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với đối tượng thuộc danh mục bí mật nhà nước, gửi lấy ý kiến Bộ Khoa học và Công nghệ nhằm bảo đảm không trùng lặp, chồng chéo với các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ khác, trước khi phê duyệt.

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

5. Việc lập, phê duyệt kế hoạch xây dựng quy chuẩn kỹ thuật thay thế cho việc lập, phê duyệt kế hoạch xây dựng văn bản quy phạm pháp luật ban hành quy chuẩn kỹ thuật tương ứng.

6. Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chi tiết Điều này.

**Điều 27. Xây dựng, thẩm định, ban hành quy chuẩn kỹ thuật**

1. Trình tự, thủ tục xây dựng, thẩm định, ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia được quy định như sau:

a) Căn cứ kế hoạch xây dựng quy chuẩn kỹ thuật đã được phê duyệt, cơ quan ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia quy định tại Điều 27 của Luật tổ chức việc xây dựng dự thảo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia; thực hiện đánh giá tác động của quy chuẩn kỹ thuật quốc gia với sự tham gia của các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.

b) Cơ quan ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia tổ chức tham vấn; lấy ý kiến rộng rãi, công khai của cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan về hồ sơ dự thảo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia và dự thảo thông tư ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia trên Cổng thông tin điện tử của mình và Cơ sở dữ liệu quốc gia về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng; gửi dự thảo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đến Bộ Khoa học và Công nghệ để lấy ý kiến các nước thành viên WTO theo quy định của Hiệp định WTO/TBT về hàng rào kỹ thuật trong thương mại. Thời gian lấy ý kiến về dự thảo ít nhất là 60 ngày.

Hồ sơ lấy ý kiến bao gồm: dự thảo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia kèm theo thuyết minh; báo cáo đánh giá tác động của dự thảo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia; hồ sơ lấy ý kiến dự thảo thông tư ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia theo quy định của pháp luật về ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

c) Cơ quan ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia tổ chức nghiên cứu tiếp thu ý kiến của cơ quan, tổ chức, cá nhân, đăng tải nội dung kết quả tham vấn, giải trình, tiếp thu ý kiến trên Cổng thông tin điện tử của mình và Cơ sở dữ liệu quốc gia về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng, hoàn chỉnh hồ sơ dự thảo.

d) Cơ quan ban hành quy chuẩn kỹ thuật tổ chức hội đồng thẩm định hồ sơ dự thảo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia theo các nội dung quy định tại Điều 33 của Luật. Cơ quan ban hành quy chuẩn kỹ thuật mời đại diện cơ quan, tổ chức, hội, hiệp hội, doanh nghiệp chịu sự tác động trực tiếp của quy chuẩn kỹ thuật, chuyên gia, nhà khoa học tham gia hội đồng thẩm định. Hội đồng thẩm định chấm dứt hoạt động và tự giải thể sau khi kết thúc cuộc họp hội đồng thẩm định. Trường hợp hồ sơ dự thảo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia không đáp ứng yêu cầu quy định tại Điều 33 của Luật, căn cứ kết luận của hội đồng thẩm định, dự thảo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia phải được tổ chức thẩm định lại.

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

Hồ sơ thẩm định dự thảo quy chuẩn kỹ thuật bao gồm: quyết định giao nhiệm vụ xây dựng dự thảo quy chuẩn kỹ thuật kèm theo kế hoạch xây dựng quy chuẩn kỹ thuật đã được phê duyệt; báo cáo đánh giá tác động của dự thảo quy chuẩn kỹ thuật; dự thảo quy chuẩn kỹ thuật kèm theo thuyết minh; bản sao tài liệu gốc được sử dụng làm căn cứ để xây dựng dự thảo quy chuẩn kỹ thuật và các tài liệu tham khảo khác; danh sách cơ quan, tổ chức được gửi dự thảo để lấy ý kiến; bản tổng hợp và tiếp thu ý kiến góp ý kèm theo văn bản góp ý; các tài liệu khác có liên quan (nếu có).

Việc thẩm định hồ sơ dự thảo quy chuẩn kỹ thuật được tiến hành trước hoặc đồng thời với việc thẩm định dự thảo thông tư ban hành quy chuẩn kỹ thuật theo quy định của pháp luật về ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

đ) Cơ quan ban hành quy chuẩn kỹ thuật hoàn thiện hồ sơ theo kết luận thẩm định, gửi hồ sơ bằng bản điện tử và 01 bản giấy lấy ý kiến của Bộ Khoa học và Công nghệ. Hồ sơ gửi lấy ý kiến bao gồm: Hồ sơ gửi lấy ý kiến bao gồm: dự thảo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đã hoàn thiện theo kết quả thẩm định kèm theo thuyết minh; báo cáo đánh giá tác động dự thảo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia.

e) Bộ Khoa học và Công nghệ có ý kiến góp ý đối với hồ sơ dự thảo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia nhằm bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ, không chồng chéo của hệ thống quy chuẩn kỹ thuật; việc tuân thủ quy định về cam kết loại bỏ hàng rào kỹ thuật trong thương mại theo các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên. Thời hạn có ý kiến không quá 15 ngày, kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều này.

g) Cơ quan ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia hoàn chỉnh dự thảo và ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia sau khi có ý kiến của Bộ Khoa học và Công nghệ và thực hiện các trình tự, thủ tục theo pháp luật về ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

Hồ sơ trình ban hành quy chuẩn kỹ thuật bao gồm: báo cáo kết quả thẩm định hồ sơ dự thảo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia; hồ sơ dự thảo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đã được hoàn thiện sau thẩm định; báo cáo tiếp thu, giải trình kết quả thẩm định dự thảo tiêu chuẩn quốc gia; công văn Bộ Khoa học và Công nghệ có ý kiến về hồ sơ dự thảo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia; hồ sơ trình ban hành dự thảo thông tư ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia theo quy định của pháp luật về ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

2. Trình tự, thủ tục xây dựng, ban hành quy chuẩn kỹ thuật địa phương được quy định như sau:

a) Căn cứ kế hoạch xây dựng quy chuẩn kỹ thuật đã được phê duyệt, Uỷ ban nhân dân tỉnh, thành phố tổ chức việc xây dựng quy chuẩn kỹ thuật địa phương; thực hiện đánh giá tác động của quy chuẩn kỹ thuật địa phương với sự

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

tham gia của các cơ quan, tổ chức, hội, hiệp hội, doanh nghiệp, cá nhân có liên quan.

b) Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố tổ chức tham vấn; lấy ý kiến rộng rãi, công khai của cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan về hồ sơ dự thảo quy chuẩn kỹ thuật địa phương và dự thảo quyết định ban hành quy chuẩn kỹ thuật địa phương; phối hợp với Điểm TBT quốc gia lấy ý kiến các nước thành viên WTO theo quy định của Hiệp định WTO/TBT về hàng rào kỹ thuật trong thương mại. Thời gian lấy ý kiến về dự thảo ít nhất là 60 ngày.

Hồ sơ lấy ý kiến bao gồm: dự thảo quy chuẩn kỹ thuật địa phương kèm theo thuyết minh; báo cáo đánh giá tác động của dự thảo quy chuẩn kỹ thuật địa phương; hồ sơ lấy ý kiến dự thảo quyết định ban hành quy chuẩn kỹ thuật địa phương theo quy định của pháp luật về ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

c) Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố tổ chức nghiên cứu, tiếp thu ý kiến của cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan, đăng tải nội dung kết quả tham vấn, giải trình, tiếp thu ý kiến trên Cổng thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố và Cơ sở dữ liệu quốc gia về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng, hoàn chỉnh dự thảo quy chuẩn kỹ thuật địa phương.

d) Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố tổ chức hội đồng thẩm định hồ sơ dự thảo quy chuẩn kỹ thuật địa phương theo các nội dung quy định tại Điều 33 của Luật và thực hiện theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều này.

Việc thẩm định hồ sơ dự thảo quy chuẩn kỹ thuật được tiến hành trước hoặc đồng thời với việc thẩm định dự thảo quyết định ban hành quy chuẩn kỹ thuật theo quy định của pháp luật về ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

đ) Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố tổ chức hoàn thiện hồ sơ để gửi cơ quan có thẩm quyền quy định tại điểm a khoản 1 Điều 27 của Luật để lấy ý kiến. Thời hạn có ý kiến không quá 15 ngày kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ. Hồ sơ gửi lấy ý kiến bằng bản điện tử và 01 bản giấy, bao gồm: dự thảo quy chuẩn kỹ thuật địa phương đã hoàn thiện theo kết quả thẩm định kèm theo thuyết minh; báo cáo đánh giá tác động dự thảo quy chuẩn kỹ thuật địa phương.

e) Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố ban hành quy chuẩn kỹ thuật địa phương sau khi có ý kiến của cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định tại điểm a khoản 1 Điều 27 của Luật.

Hồ sơ trình ban hành quy chuẩn kỹ thuật bao gồm: báo cáo kết quả thẩm định hồ sơ dự thảo quy chuẩn kỹ thuật; hồ sơ dự thảo quy chuẩn kỹ thuật đã được hoàn thiện sau thẩm định; báo cáo tiếp thu, giải trình kết quả thẩm định dự thảo tiêu chuẩn quốc gia, ý kiến của cơ quan có thẩm quyền quy định tại điểm a khoản 1 Điều 27 của Luật (nếu có); hồ sơ trình ban hành dự thảo quyết

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

định ban hành quy chuẩn kỹ thuật địa phương theo quy định của pháp luật về ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

3. Trình tự, thủ tục xây dựng dự thảo, lấy ý kiến, đánh giá tác động, thẩm định quy chuẩn kỹ thuật được thực hiện theo quy định của Nghị định này, bảo đảm đồng bộ với trình tự, thủ tục xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

4. Xây dựng, thẩm định, ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia cho đối tượng thuộc trách nhiệm quản lý của cơ quan thuộc Chính phủ.

a) Bộ Khoa học và Công nghệ phê duyệt kế hoạch xây dựng quy chuẩn kỹ thuật quốc gia trên cơ sở đề xuất của cơ quan thuộc Chính phủ;

b) Cơ quan thuộc Chính phủ tổ chức xây dựng dự thảo, đánh giá tác động, tham vấn, lấy ý kiến, hoàn thiện hồ sơ dự thảo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia theo trình tự, thủ tục quy định tại khoản 1 Điều này đề nghị Bộ Khoa học và Công nghệ tổ chức thẩm định;

c) Bộ Khoa học và Công nghệ tổ chức hội đồng thẩm định dự thảo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia và ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia theo quy định tại khoản 1 Điều này.

5. Trong quá trình xây dựng, thẩm định, ban hành quy chuẩn kỹ thuật, cơ quan có thẩm quyền xây dựng, thẩm định, ban hành quy chuẩn kỹ thuật có trách nhiệm phản hồi ý kiến của tổ chức, cá nhân liên quan đến nội dung, trình tự, thủ tục xây dựng quy chuẩn kỹ thuật.

6. Báo cáo đánh giá tác động dự thảo quy chuẩn kỹ thuật:

a) Việc lập báo cáo đánh giá tác động dự thảo quy chuẩn kỹ thuật được thực hiện bằng phương pháp định lượng, phương pháp định tính. Trong trường hợp không thể áp dụng phương pháp định lượng thì trong báo cáo đánh giá tác động dự thảo quy chuẩn kỹ thuật phải nêu rõ lý do.

b) Thông tin được sử dụng khi xây dựng báo cáo đánh giá tác động của chính sách phải chính xác, trung thực và ghi rõ nguồn thông tin.

c) Nội dung cơ bản của báo cáo đánh giá tác động bao gồm: khái quát chung về những nội dung của dự thảo quy chuẩn kỹ thuật; xác định vấn đề (đánh giá, phân tích bất cập trên thực tiễn, mức độ rủi ro, diễn giải cụ thể các nội dung của dự thảo quy chuẩn kỹ thuật có khả năng tác động và cơ sở pháp lý, cơ sở khoa học, lý do quy định các chỉ tiêu kỹ thuật, yêu cầu quản lý); đưa ra các giải pháp giải quyết vấn đề; phân tích, đánh giá tác động tích cực và tác động tiêu cực của từng giải pháp đối với Nhà nước, người dân, doanh nghiệp (phân tích, đánh giá lợi ích - chi phí, tác động kinh tế xã hội, ảnh hưởng môi trường, người tiêu dùng...); tính khả thi, sẵn sàng của hạ tầng kỹ thuật, năng

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

lực hoạt động đánh giá sự phù hợp sau khi quy chuẩn kỹ thuật được ban hành (phân tích, đánh giá năng lực đội ngũ chuyên gia; năng lực phòng thử nghiệm, giám định, chứng nhận trong nước; khả năng thừa nhận kết quả đánh giá sự phù hợp của tổ chức quốc tế, nước ngoài; kiểm tra, giám sát, hậu kiểm...); thời hạn chuyển tiếp (trong trường hợp đang có các quy định hiện hành điều chỉnh nội dung liên quan quy định tại dự thảo quy chuẩn kỹ thuật), thời điểm quy chuẩn quy chuẩn có hiệu lực; quá trình tham vấn các vấn đề có khả năng tác động kinh tế - xã hội, môi trường, hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp và giải trình các ý kiến liên quan; kiến nghị giải pháp tối ưu trên cơ sở phân tích và quá trình tham vấn các bên liên quan.

7. Bộ Khoa học và Công nghệ có trách nhiệm tổ chức kiểm tra, giám sát việc triển khai xây dựng, ban hành, áp dụng quy chuẩn kỹ thuật tuân thủ các quy định của pháp luật về tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật.

8. Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chi tiết Điều này.

**Điều 28. Xây dựng, thẩm định, ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia có đối tượng thuộc danh mục bí mật nhà nước**

1. Việc xây dựng, thẩm định, ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với đối tượng thuộc danh mục bí mật nhà nước bảo đảm các nguyên tắc bảo vệ bí mật nhà nước theo pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước.

2. Trình tự, thủ tục xây dựng, thẩm định, ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với đối tượng thuộc danh mục bí mật nhà nước được quy định như sau:

a) Căn cứ kế hoạch xây dựng quy chuẩn kỹ thuật đã được phê duyệt, cơ quan ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia quy định tại Điều 27 của Luật tổ chức xây dựng quy chuẩn kỹ thuật quốc gia với sự tham gia của đại diện cơ quan, tổ chức hoặc cá nhân được giao thực hiện nhiệm vụ liên quan đến bí mật nhà nước.

b) Cơ quan ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia tổ chức lấy ý kiến cơ quan, tổ chức hoặc cá nhân có liên quan, nếu thấy cần thiết, theo quy định của pháp luật bảo vệ bí mật nhà nước.

c) Cơ quan ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia nghiên cứu tiếp thu ý kiến của cơ quan, tổ chức, cá nhân để hoàn chỉnh dự thảo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, tổ chức hội đồng thẩm định và ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, thông báo tới Bộ Khoa học và Công nghệ về việc ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia.

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

**Điều 29. Xây dựng, ban hành quy chuẩn kỹ thuật theo trình tự, thủ tục rút gọn**

1. Đối với quy chuẩn kỹ thuật quốc gia:

a) Căn cứ kế hoạch xây dựng quy chuẩn kỹ thuật đã được phê duyệt, cơ quan ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia tổ chức việc soạn thảo, đánh giá tác động, lấy ý kiến đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của quy chuẩn kỹ thuật, cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan. Hồ sơ lấy ý kiến theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 27 Nghị định này. Thời hạn lấy ý kiến không quá 30 ngày;

b) Cơ quan ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia tổ chức thẩm định hồ sơ dự thảo quy chuẩn kỹ thuật; hoàn thiện hồ sơ theo kết luận thẩm định, gửi lấy ý kiến của Bộ Khoa học và Công nghệ trước khi ban hành. Thời hạn Bộ Khoa học và Công nghệ có ý kiến không quá 10 ngày, kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ. Việc thẩm định, lấy ý kiến Bộ Khoa học và Công nghệ thực hiện theo quy định tại các điểm d, đ, e khoản 1 Điều 27 Nghị định này;

c) Cơ quan ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia hoàn chỉnh dự thảo và ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia sau khi có ý kiến của Bộ Khoa học và Công nghệ;

d) Việc lấy ý kiến, thẩm định, trình ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 27 Nghị định này.

2. Đối với quy chuẩn kỹ thuật địa phương:

a) Căn cứ kế hoạch xây dựng quy chuẩn kỹ thuật đã được phê duyệt, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố tổ chức việc soạn thảo, đánh giá tác động, lấy ý kiến đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của quy chuẩn kỹ thuật, cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan. Hồ sơ lấy ý kiến theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 27 Nghị định này. Thời hạn lấy ý kiến không quá 30 ngày;

b) Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố tổ chức thẩm định dự thảo quy chuẩn kỹ thuật; hoàn thiện hồ sơ theo kết luận thẩm định và ban hành quy chuẩn kỹ thuật;

c) Việc lấy ý kiến, thẩm định, trình ban hành quy chuẩn kỹ thuật địa phương thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 27 Nghị định này.

**Điều 30. Phân công trách nhiệm xây dựng, ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia**

1. Bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ thực hiện việc xây dựng, ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia cho các đối tượng thuộc trách nhiệm quản lý nhà nước theo chức năng, nhiệm vụ đã được Chính phủ phân công.

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

2. Trường hợp xuất hiện các đối tượng mới, không thuộc các đối tượng quy định tại các khoản 1 Điều này, Bộ Khoa học và Công nghệ phối hợp với các cơ quan liên quan để báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định phân công cơ quan chủ trì xây dựng, ban hành quy chuẩn kỹ thuật.

3. Trường hợp có sự giao thoa về đối tượng xây dựng quy chuẩn kỹ thuật quốc gia thì bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ có trách nhiệm đề xuất, xác định cơ quan chủ trì thực hiện bằng văn bản với Bộ Khoa học và Công nghệ.

Bộ Khoa học và Công nghệ có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ liên quan để xem xét, xác định cơ quan chủ trì tổ chức thực hiện xây dựng quy chuẩn kỹ thuật quốc gia mang tính liên ngành và báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

**Điều 31. Rà soát, đánh giá hiệu quả việc áp dụng quy chuẩn kỹ thuật**

1. Cơ quan ban hành quy chuẩn kỹ thuật tổ chức rà soát, đánh giá hiệu quả việc áp dụng quy chuẩn kỹ thuật định kỳ 05 năm hoặc sớm hơn khi cần thiết, kể từ ngày ban hành.

2. Đánh giá hiệu quả việc áp dụng quy chuẩn kỹ thuật được thực hiện trên cơ sở các yếu tố: sự phù hợp của quy chuẩn kỹ thuật với yêu cầu thực tế, yêu cầu hội nhập quốc tế; bảo đảm an toàn, an ninh; tác động đến hiệu quả kinh tế, môi trường, xã hội; các chi phí và lợi ích liên quan.

**Điều 32. Sửa đổi, bổ sung quy chuẩn kỹ thuật**

Trình tự, thủ tục, hồ sơ sửa đổi, bổ sung quy chuẩn kỹ thuật được thực hiện theo trình tự, thủ tục xây dựng, ban hành quy chuẩn kỹ thuật quy định tại các Điều 27, 28, 29 tương ứng của Nghị định này.

**Điều 33. Bãi bỏ quy chuẩn kỹ thuật**

1. Trên cơ sở kết quả rà soát hoặc đề nghị của tổ chức, cá nhân, cơ quan ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia tổ chức lấy ý kiến của Bộ Khoa học và Công nghệ, các cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan, lập hồ sơ bãi bỏ quy chuẩn kỹ thuật quốc gia; xem xét hồ sơ và ban hành văn bản quy phạm pháp luật để bãi bỏ quy chuẩn kỹ thuật quốc gia.

a) Hồ sơ gửi lấy ý kiến việc bãi bỏ quy chuẩn kỹ thuật quốc gia gồm: bản quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đề nghị bãi bỏ; bản thuyết minh (lý do, cơ sở pháp lý, cơ sở khoa học).

b) Hồ sơ xem xét bãi bỏ quy chuẩn kỹ thuật quốc gia gồm: bản quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đề nghị bãi bỏ; bản thuyết minh (lý do, cơ sở pháp lý, cơ sở khoa học); ý kiến của Bộ Khoa học và Công nghệ và các cơ quan, tổ chức, cá

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

nhân liên quan (nếu có) và bản tiếp thu, giải trình ý kiến; kết quả rà soát định kỳ và kiến nghị; các tài liệu khác liên quan (nếu có).

2. Trên cơ sở kết quả rà soát hoặc đề nghị của tổ chức, cá nhân, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố tổ chức lấy ý kiến của Bộ Khoa học và Công nghệ, bộ, cơ quan ngang bộ quản lý lĩnh vực tương ứng và các cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan, lập hồ sơ bãi bỏ quy chuẩn kỹ thuật địa phương; xem xét hồ sơ và ban hành văn bản quy phạm pháp luật để bãi bỏ quy chuẩn kỹ thuật địa phương.

a) Hồ sơ gửi lấy ý kiến việc bãi bỏ quy chuẩn kỹ thuật địa phương gồm: bản quy chuẩn kỹ thuật địa phương đề nghị bãi bỏ; bản thuyết minh (lý do, cơ sở pháp lý, cơ sở khoa học).

b) Hồ sơ xem xét bãi bỏ quy chuẩn kỹ thuật địa phương gồm: bản quy chuẩn kỹ thuật địa phương đề nghị bãi bỏ; bản thuyết minh (lý do, cơ sở pháp lý, cơ sở khoa học); ý kiến của Bộ Khoa học và Công nghệ, bộ, cơ quan ngang bộ quản lý lĩnh vực tương ứng và cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan (nếu có) và bản tiếp thu, giải trình ý kiến; kết quả rà soát định kỳ và kiến nghị; các tài liệu khác liên quan (nếu có).

**Điều 34. Thay thế quy chuẩn kỹ thuật**

1. Thay thế quy chuẩn kỹ thuật là hoạt động ban hành quy chuẩn kỹ thuật mới, đồng thời bãi bỏ quy chuẩn kỹ thuật cũ tương ứng trên cơ sở kết quả rà soát hoặc đề nghị của tổ chức, cá nhân.

2. Trình tự, thủ tục, hồ sơ thay thế quy chuẩn kỹ thuật được thực hiện theo trình tự, thủ tục xây dựng, ban hành quy chuẩn kỹ thuật quy định tại các Điều 27, 28, 29, 33 tương ứng của Nghị định này.

**Điều 35. Đăng ký quy chuẩn kỹ thuật**

1. Bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố gửi quy chuẩn kỹ thuật đã được ban hành đến Bộ Khoa học và Công nghệ chậm nhất sau 15 ngày, kể từ ngày ban hành quy chuẩn kỹ thuật.

2. Bộ Khoa học và Công nghệ tiếp nhận quy chuẩn kỹ thuật và cập nhật lên Cơ sở dữ liệu Quốc gia về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng.

**Điều 36. Đính chính quy chuẩn kỹ thuật**

1. Cơ quan ban hành quy chuẩn kỹ thuật thực hiện đính chính đối với quy chuẩn kỹ thuật có sai sót về thể thức trình bày, số hiệu, nội dung biên tập mà không ảnh hưởng, thay đổi các quy định, yêu cầu kỹ thuật của quy chuẩn kỹ thuật dựa trên cơ sở kết quả rà soát quy chuẩn kỹ thuật hoặc đề nghị của bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, tổ chức, cá nhân.

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

2. Bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, tổ chức, cá nhân gửi văn bản đề nghị đính chính tiêu chuẩn quốc gia do mình xây dựng kèm theo bản dự thảo quy chuẩn kỹ thuật đã chỉnh sửa (nếu có) đến cơ quan ban hành quy chuẩn kỹ thuật.

Trường hợp nội dung đề nghị đính chính đáp ứng yêu cầu tại khoản 1 Điều này, cơ quan ban hành quy chuẩn kỹ thuật thực hiện đính chính quy chuẩn kỹ thuật và thông báo việc đính chính quy chuẩn kỹ thuật theo quy định của pháp luật về ban hành văn bản quy phạm pháp luật, gửi bản sao quy chuẩn kỹ thuật đã đính chính đến Bộ Khoa học và Công nghệ.

## Chương IV
## ĐÁNH GIÁ SỰ PHÙ HỢP VỚI TIÊU CHUẨN VÀ QUY CHUẨN KỸ THUẬT

### Điều 37. Công bố hợp chuẩn, công bố hợp quy

1. Công bố hợp chuẩn được thực hiện theo các nguyên tắc sau:

a) Công bố hợp chuẩn là hoạt động tự nguyện;

b) Tổ chức, cá nhân có quyền lựa chọn, liệt kê các tiêu chuẩn áp dụng cho sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, quá trình, môi trường hoặc các đối tượng khác trong hoạt động kinh tế - xã hội của mình trong bản thông báo công bố hợp chuẩn;

c) Người chịu trách nhiệm về sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, quá trình, môi trường hoặc các đối tượng khác trong hoạt động kinh tế - xã hội phải ký xác nhận vào bản thông báo công bố hợp chuẩn;

d) Tổ chức, cá nhân thông báo bản công bố hợp chuẩn qua Cơ sở dữ liệu quốc gia về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng. Trường hợp Cơ sở dữ liệu quốc gia về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng bị lỗi hoặc chưa hoàn thiện hạ tầng, tổ chức, cá nhân thông báo bản công bố hợp chuẩn theo hình thức nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính;

đ) Tổ chức, cá nhân phải hoàn toàn chịu trách nhiệm về nội dung của bản thông báo công bố hợp chuẩn;

e) Tổ chức, cá nhân có trách nhiệm lưu giữ đầy đủ các tài liệu kỹ thuật liên quan đến sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, quá trình, môi trường hoặc các đối tượng khác trong hoạt động kinh tế - xã hội đã công bố hợp chuẩn và phải cung cấp đầy đủ khi được yêu cầu.

2. Công bố hợp quy được thực hiện theo các nguyên tắc sau:

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

a) Công bố hợp quy là hoạt động bắt buộc, trừ trường hợp được miễn công bố hợp quy theo quy định tại khoản 2 Điều 48 của Luật;

b) Tổ chức, cá nhân có trách nhiệm xác định, liệt kê đầy đủ các quy chuẩn kỹ thuật tương ứng bắt buộc phải áp dụng cho sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, quá trình, môi trường hoặc các đối tượng khác trong hoạt động kinh tế - xã hội của mình trong bản đăng ký công bố hợp quy;

c) Cơ quan chuyên môn có trách nhiệm hướng dẫn tổ chức, cá nhân trong việc xác định, liệt kê đầy đủ các quy chuẩn kỹ thuật tương ứng bắt buộc áp dụng khi thực hiện công bố hợp quy;

d) Người chịu trách nhiệm về sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, quá trình, môi trường hoặc các đối tượng khác trong hoạt động kinh tế - xã hội phải ký xác nhận vào bản đăng ký công bố hợp quy;

đ) Tổ chức, cá nhân đăng ký bản công bố hợp quy qua Cơ sở dữ liệu quốc gia về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng. Trường hợp Cơ sở dữ liệu quốc gia về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng bị lỗi hoặc chưa hoàn thiện hạ tầng, tổ chức, cá nhân đăng ký bản công bố hợp quy theo hình thức nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính;

e) Tổ chức, cá nhân phải hoàn toàn chịu trách nhiệm về nội dung của bản đăng ký công bố hợp quy;

g) Tổ chức, cá nhân có trách nhiệm lưu giữ đầy đủ các tài liệu kỹ thuật liên quan đến sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, quá trình, môi trường hoặc các đối tượng khác trong hoạt động kinh tế - xã hội đã công bố hợp quy và phải cung cấp đầy đủ khi được yêu cầu.

3. Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chi tiết Điều này.

**Điều 38. Dấu hợp chuẩn, dấu hợp quy**

1. Dấu hợp chuẩn do tổ chức chứng nhận sự phù hợp cấp cho đối tượng được chứng nhận hợp chuẩn. Hình dạng, kết cấu và cách thể hiện dấu hợp chuẩn do tổ chức chứng nhận sự phù hợp quy định theo hướng dẫn của Bộ Khoa học và Công nghệ.

2. Dấu hợp quy do tổ chức chứng nhận hợp quy cấp cho sản phẩm, hàng hoá được chứng nhận hợp quy hoặc do tổ chức, cá nhân công bố hợp quy gắn cho sản phẩm, hàng hoá được công bố hợp quy sau khi đã đăng ký công bố hợp quy. Hình dạng, kết cấu và cách thể hiện dấu hợp quy do Bộ Khoa học và Công nghệ quy định.

3. Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh sau khi được chứng nhận hợp chuẩn tự thể hiện dấu hợp chuẩn hoặc sau khi được chứng nhận hợp quy tự thể

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

hiện dấu hợp quy trên sản phẩm, hàng hoá, bao gói sản phẩm, hàng hoá, tài liệu về sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ, quá trình, môi trường đã được chứng nhận hợp chuẩn hoặc chứng nhận hợp quy.

4. Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chi tiết Điều này.

**Điều 39. Chứng nhận hợp chuẩn đối với tiêu chuẩn cơ sở của hội, hiệp hội ngành, nghề**

1. Hội, hiệp hội ngành, nghề hoạt động trong phạm vi toàn quốc là tổ chức đáp ứng yêu cầu quy định theo pháp luật về thành lập, tổ chức, hoạt động và quản lý nhà nước đối với hội.

2. Tiêu chuẩn cơ sở của hội, hiệp hội sử dụng để chứng nhận phải đáp ứng các yêu cầu sau:

a) Ưu tiên viện dẫn, tham khảo quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn quốc gia;

b) Trường hợp chưa có quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn quốc gia quy định tại điểm a, được phép viện dẫn, tham khảo tiêu chuẩn quốc tế, tiêu chuẩn khu vực, tiêu chuẩn nước ngoài;

c) Có ý kiến bằng văn bản của bộ quản lý ngành, lĩnh vực liên quan và Cơ quan tiêu chuẩn quốc gia;

d) Phù hợp với các nguyên tắc quy định tại tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO/IEC 17007 "Đánh giá sự phù hợp – Hướng dẫn biên soạn tài liệu quy định sử dụng để đánh giá sự phù hợp".

3. Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chi tiết Điều này.

**Điều 40. Thoả thuận thừa nhận lẫn nhau**

1. Việc thừa nhận lẫn nhau các kết quả đánh giá sự phù hợp giữa các nước, vùng lãnh thổ bao gồm: kết quả chứng nhận sự phù hợp; kết quả thử nghiệm; kết quả giám định.

2. Bộ quản lý ngành, lĩnh vực chủ trì, phối hợp với Bộ Khoa học và Công nghệ, các bộ, cơ quan ngang bộ liên quan tổ chức thực hiện các hiệp định thừa nhận lẫn nhau giữa Việt Nam và các quốc gia, vùng lãnh thổ về kết quả đánh giá sự phù hợp, thực hiện theo pháp luật về ký kết và thực hiện Điều ước quốc tế mà Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.

3. Bộ Khoa học và Công nghệ phối hợp với Bộ Ngoại giao hướng dẫn việc ký kết và thực hiện các thoả thuận thừa nhận lẫn nhau về kết quả đánh giá sự phù hợp giữa tổ chức đánh giá sự phù hợp của Việt Nam với tổ chức đánh giá

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

sự phù hợp của các quốc gia, vùng lãnh thổ, tổ chức quốc tế và khu vực.

4. Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chi tiết Điều này.

**Điều 41. Thừa nhận đơn phương kết quả đánh giá sự phù hợp**

1. Việc thừa nhận đơn phương kết quả đánh giá sự phù hợp của tổ chức đánh giá sự phù hợp nước ngoài được thực hiện trên nguyên tắc bảo đảm tính khách quan, minh bạch, không phân biệt đối xử, không tạo rào cản kỹ thuật không cần thiết đối với thương mại quốc tế, phù hợp với điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên.

2. Trong các lĩnh vực mà năng lực thử nghiệm, chứng nhận, kiểm định trong nước còn hạn chế, chưa đáp ứng yêu cầu và chuẩn mực quốc tế, ưu tiên thừa nhận đơn phương kết quả đánh giá sự phù hợp của tổ chức đã được công nhận bởi tổ chức công nhận là thành viên ký thỏa thuận/thỏa ước thừa nhận lẫn nhau (MRA/MLA) của các tổ chức hợp tác công nhận quốc tế hoặc khu vực (Tổ chức Công nhận các phòng thử nghiệm quốc tế - ILAC, Diễn đàn Công nhận Quốc tế - IAF, Tổ chức hợp tác Công nhận khu vực Châu Á Thái Bình Dương - APAC) hoặc tổ chức công nhận được thừa nhận theo các Thỏa thuận Thừa nhận lẫn nhau (MRA/MLA) mà Việt Nam tham gia.

3. Bộ quản lý ngành, lĩnh vực xem xét, quyết định về việc thừa nhận đơn phương kết quả đánh giá sự phù hợp trên cơ sở các quy định của mình, lĩnh vực về hồ sơ năng lực, tính độc lập, khách quan của tổ chức đánh giá sự phù hợp nước ngoài và mức độ phù hợp với tiêu chuẩn quốc gia, tiêu chuẩn quốc tế, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia liên quan.

4. Bộ quản lý ngành, lĩnh vực có trách nhiệm giám sát việc thực hiện thừa nhận đơn phương kết quả đánh giá sự phù hợp định kỳ hoặc đột xuất để bảo đảm duy trì yêu cầu về năng lực kỹ thuật, tính phù hợp của kết quả đánh giá sự phù hợp đã được thừa nhận đơn phương.

5. Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chi tiết Điều này.

## Chương V
## ĐIỀU KIỆN KINH DOANH DỊCH VỤ ĐÁNH GIÁ SỰ PHÙ HỢP

### Mục 1
### ĐIỀU KIỆN KINH DOANH DỊCH VỤ THỬ NGHIỆM

**Điều 42. Điều kiện kinh doanh dịch vụ thử nghiệm chất lượng sản phẩm, hàng hóa**

1. Là một trong các loại hình tổ chức quy định tại Điều 50 của Luật.

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

2. Có hệ thống quản lý và năng lực hoạt động đáp ứng các yêu cầu quy định trong tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO/IEC 17025 hoặc tiêu chuẩn quốc tế ISO/IEC 17025 hoặc tiêu chuẩn quốc gia, tiêu chuẩn quốc tế áp dụng trong lĩnh vực thử nghiệm chuyên ngành.

3. Có ít nhất 06 thử nghiệm viên chính thức của tổ chức (viên chức hoặc người lao động ký kết hợp đồng lao động thực hiện công việc chuyên môn, nghiệp vụ xác định thời hạn từ đủ 12 tháng trở lên hoặc người lao động ký kết hợp đồng lao động thực hiện công việc chuyên môn, nghiệp vụ không xác định thời hạn), đáp ứng các điều kiện sau:

a) Tốt nghiệp cao đẳng trở lên với chuyên ngành phù hợp với lĩnh vực thử nghiệm đăng ký;

b) Được đào tạo về tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO/IEC 17025 hoặc tiêu chuẩn quốc tế ISO/IEC 17025 hoặc tiêu chuẩn quốc gia, tiêu chuẩn quốc tế áp dụng trong lĩnh vực thử nghiệm chuyên ngành; được đào tạo sử dụng thiết bị, phương pháp, quy trình thử nghiệm đối với lĩnh vực đăng ký.

Trường hợp bổ sung lĩnh vực hoạt động thử nghiệm, phải có ít nhất 01 thử nghiệm viên chính thức của tổ chức (viên chức hoặc người lao động ký kết hợp đồng lao động thực hiện công việc chuyên môn, nghiệp vụ xác định thời hạn từ đủ 12 tháng trở lên hoặc người lao động ký kết hợp đồng lao động thực hiện công việc chuyên môn, nghiệp vụ không xác định thời hạn) cho từng lĩnh vực, đáp ứng điều kiện quy định tại khoản này.

4. Có máy móc, thiết bị, dụng cụ thử nghiệm, đo lường phù hợp với quy định của pháp luật và phù hợp với lĩnh vực đăng ký hoạt động thử nghiệm tương ứng.

**Điều 43. Hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động thử nghiệm chất lượng sản phẩm, hàng hóa**

1. Cơ quan tiếp nhận hồ sơ:

Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố nơi tổ chức thử nghiệm đặt trụ sở chính giao cơ quan chuyên môn trực thuộc tiếp nhận hồ sơ đăng ký hoạt động thử nghiệm. Trường hợp tổ chức thử nghiệm đăng ký hoạt động thử nghiệm đối với lĩnh vực tổng hợp đa ngành thuộc trách nhiệm quản lý của từ hai bộ quản lý ngành, lĩnh vực trở lên, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố giao một cơ quan chuyên môn trực thuộc làm đầu mối tiếp nhận hồ sơ đăng ký hoạt động thử nghiệm.

2. Trường hợp cấp mới, hồ sơ gồm:

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

a) Đơn đăng ký hoạt động thử nghiệm theo Mẫu số 01 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này.

b) Các chứng chỉ, tài liệu liên quan đối với mỗi thử nghiệm viên gồm: bản sao Quyết định tuyển dụng hoặc Hợp đồng lao động; bản sao chứng chỉ đào tạo tương ứng quy định tại khoản 3 Điều 42 Nghị định này.

c) Danh sách máy móc, thiết bị, dụng cụ thử nghiệm, đo lường phục vụ hoạt động thử nghiệm đối với lĩnh vực thử nghiệm đăng ký theo Mẫu số 04 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này.

d) Tài liệu chứng minh năng lực hoạt động thử nghiệm đáp ứng các yêu cầu quy định tại khoản 2 Điều 42 Nghị định này, cụ thể như sau:

Trường hợp tổ chức thử nghiệm đã được tổ chức công nhận quy định tại Điều 58 Nghị định này hoặc tổ chức công nhận thành lập tại nước ngoài quy định tại Điều 62 Nghị định này công nhận đối với toàn bộ phạm vi đăng ký thử nghiệm: tổ chức thử nghiệm nộp bản sao Chứng chỉ công nhận kèm theo phạm vi được công nhận.

Trường hợp tổ chức thử nghiệm đã được tổ chức công nhận quy định tại Điều 58 Nghị định này hoặc tổ chức công nhận thành lập tại nước ngoài quy định tại Điều 62 Nghị định này công nhận nhưng phạm vi đăng ký hoạt động thử nghiệm rộng hơn phạm vi được công nhận: tổ chức thử nghiệm nộp bản sao Chứng chỉ công nhận kèm theo phạm vi được công nhận và bản công bố năng lực thử nghiệm phù hợp với các yêu cầu của tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO/IEC 17025 hoặc tiêu chuẩn quốc tế ISO/IEC 17025 hoặc tiêu chuẩn quốc gia, tiêu chuẩn quốc tế áp dụng trong lĩnh vực thử nghiệm chuyên ngành đối với phạm vi chưa được công nhận theo Mẫu số 17 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này.

Trường hợp tổ chức thử nghiệm chưa được công nhận: tổ chức thử nghiệm nộp bản công bố năng lực thử nghiệm phù hợp với các yêu cầu của tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO/IEC 17025 hoặc tiêu chuẩn quốc tế ISO/IEC 17025 hoặc tiêu chuẩn quốc gia, tiêu chuẩn quốc tế áp dụng trong lĩnh vực thử nghiệm chuyên ngành theo Mẫu số 17 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này.

đ) Mẫu Phiếu kết quả thử nghiệm.

3. Trường hợp cấp bổ sung, sửa đổi, hồ sơ gồm:

a) Đơn đăng ký bổ sung, sửa đổi hoạt động thử nghiệm theo Mẫu số 05 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này;

b) Các chứng chỉ, tài liệu liên quan đối với mỗi thử nghiệm viên bổ sung, sửa đổi gồm: bản sao Quyết định tuyển dụng hoặc Hợp đồng lao động; bản sao

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

chứng chỉ đào tạo tương ứng quy định tại khoản 3 Điều 42 Nghị định này. Trường hợp thử nghiệm viên của tổ chức thử nghiệm có hồ sơ tại các lần đăng ký cấp trước đó vẫn đáp ứng điều kiện quy định tại Nghị định này, tổ chức thử nghiệm có văn bản gửi kèm theo bảo lưu hồ sơ nhân sự của thử nghiệm viên;

c) Danh sách bổ sung, sửa đổi máy móc, thiết bị, dụng cụ thử nghiệm, đo lường phục vụ hoạt động thử nghiệm đối với lĩnh vực đăng ký theo Mẫu số 04 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này;

d) Các tài liệu chứng minh năng lực hoạt động thử nghiệm bổ sung, sửa đổi đáp ứng các yêu cầu quy định tại khoản 2 Điều 42 Nghị định này, cụ thể như sau:

Trường hợp tổ chức thử nghiệm đã được tổ chức công nhận quy định tại Điều 58 Nghị định này hoặc tổ chức công nhận thành lập tại nước ngoài quy định tại Điều 62 Nghị định này công nhận đối với toàn bộ phạm vi đăng ký thử nghiệm: tổ chức thử nghiệm nộp bản sao chứng chỉ công nhận kèm theo phạm vi được công nhận.

Trường hợp tổ chức thử nghiệm đã được tổ chức công nhận quy định tại Điều 58 Nghị định này hoặc tổ chức công nhận thành lập tại nước ngoài quy định tại Điều 62 Nghị định này công nhận nhưng phạm vi đăng ký hoạt động thử nghiệm rộng hơn phạm vi được công nhận: tổ chức thử nghiệm nộp bản sao Chứng chỉ công nhận kèm theo phạm vi được công nhận và bản công bố năng lực thử nghiệm phù hợp với các yêu cầu của tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO/IEC 17025 hoặc tiêu chuẩn quốc tế ISO/IEC 17025 hoặc tiêu chuẩn quốc gia, tiêu chuẩn quốc tế áp dụng trong lĩnh vực thử nghiệm chuyên ngành đối với phạm vi chưa được công nhận theo Mẫu số 17 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này.

Trường hợp tổ chức thử nghiệm chưa được công nhận: tổ chức thử nghiệm nộp bản công bố năng lực thử nghiệm phù hợp với các yêu cầu của tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO/IEC 17025 hoặc tiêu chuẩn quốc tế ISO/IEC 17025 hoặc tiêu chuẩn quốc gia, tiêu chuẩn quốc tế áp dụng trong lĩnh vực thử nghiệm chuyên ngành theo Mẫu số 17 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này.

4. Trường hợp cấp lại, hồ sơ gồm Đơn đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận theo Mẫu số 06 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này.

5. Trước khi Giấy chứng nhận hết thời hạn hiệu lực 90 ngày, nếu có nhu cầu tiếp tục tham gia hoạt động thử nghiệm, tổ chức thử nghiệm phải lập 01 bộ hồ sơ như đối với trường hợp cấp mới quy định tại khoản 2 Điều này và gửi về cơ quan tiếp nhận hồ sơ quy định tại khoản 1 Điều này. Trường hợp thử nghiệm viên của tổ chức thử nghiệm có hồ sơ tại các lần đăng ký cấp trước đó vẫn đáp ứng điều kiện quy định tại Nghị định này, tổ chức thử nghiệm có văn bản gửi kèm theo bảo lưu hồ sơ nhân sự của thử nghiệm viên, không phải nộp các chứng

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

chỉ, tài liệu liên quan đối với mỗi thử nghiệm viên theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều này.

**Điều 44. Hình thức nộp hồ sơ**

Tổ chức thử nghiệm nộp 01 bộ hồ sơ đăng ký theo hình thức dịch vụ công trực tuyến qua Cổng dịch vụ công quốc gia. Cổng dịch vụ công quốc gia được kết nối, chia sẻ dữ liệu với Cơ sở dữ liệu quốc gia về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng.

Trường hợp Cổng dịch vụ công quốc gia bị lỗi hoặc thủ tục hành chính này chưa hoàn thiện hạ tầng Dịch vụ công trực tuyến, tổ chức thử nghiệm nộp hồ sơ bản giấy theo quy định tại Nghị định này theo hình thức nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính.

**Điều 45. Trình tự cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động thử nghiệm chất lượng sản phẩm, hàng hóa**

1. Trường hợp cấp mới:

a) Trường hợp hồ sơ không đầy đủ theo quy định, trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ, cơ quan tiếp nhận hồ sơ thông báo yêu cầu tổ chức thử nghiệm sửa đổi, bổ sung;

b) Trường hợp hồ sơ đầy đủ và hợp lệ, trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ khi nhận được hồ sơ, cơ quan tiếp nhận hồ sơ chịu trách nhiệm cấp Giấy chứng nhận cho tổ chức thử nghiệm theo Mẫu số 10 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này. Trường hợp tổ chức thử nghiệm có địa chỉ trụ sở chính khác địa chỉ đặt phòng thử nghiệm, trong Giấy chứng nhận này phải làm rõ địa chỉ của phòng thử nghiệm;

c) Giấy chứng nhận có hiệu lực tối đa 05 năm kể từ ngày cấp. Giấy chứng nhận điện tử được cấp có giá trị pháp lý như Giấy chứng nhận bản giấy.

2. Trường hợp cấp bổ sung, sửa đổi:

a) Giấy chứng nhận được cấp bổ sung, sửa đổi áp dụng đối với trường hợp tổ chức thử nghiệm bổ sung, mở rộng, thu hẹp phạm vi thử nghiệm;

b) Trình tự cấp Giấy chứng nhận thực hiện theo quy định tại điểm a, điểm b khoản 1 Điều này;

c) Thời hạn hiệu lực của Giấy chứng nhận ghi theo thời hạn hiệu lực của Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động thử nghiệm đã được cấp. Giấy chứng nhận điện tử được cấp có giá trị pháp lý như Giấy chứng nhận bản giấy.

3. Trường hợp cấp lại:

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

a) Giấy chứng nhận được cấp lại áp dụng đối với trường hợp tổ chức thử nghiệm có Giấy chứng nhận còn hiệu lực nhưng thay đổi tên, địa chỉ của tổ chức hoặc Giấy chứng nhận bản giấy bị mất, hư hỏng;

b) Trong thời hạn hiệu lực của Giấy chứng nhận, tổ chức thử nghiệm có nhu cầu đăng ký cấp lại Giấy chứng nhận lập 01 bộ hồ sơ đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận theo quy định tại khoản 4 Điều 43 Nghị định này và gửi về cơ quan tiếp nhận hồ sơ;

c) Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ khi nhận được hồ sơ đầy đủ và hợp lệ, cơ quan tiếp nhận hồ sơ cấp lại Giấy chứng nhận cho tổ chức thử nghiệm. Trường hợp không đáp ứng yêu cầu, cơ quan tiếp nhận hồ sơ thông báo và nêu rõ lý do;

d) Thời hạn hiệu lực của Giấy chứng nhận ghi theo thời hạn hiệu lực của Giấy chứng nhận đăng ký lĩnh vực hoạt động thử nghiệm đã được cấp. Giấy chứng nhận điện tử được cấp có giá trị pháp lý như Giấy chứng nhận bản giấy.

## Mục 2
## ĐIỀU KIỆN KINH DOANH DỊCH VỤ GIÁM ĐỊNH

### Điều 46. Điều kiện kinh doanh dịch vụ giám định đối tượng hoạt động trong lĩnh vực tiêu chuẩn và hoạt động trong lĩnh vực quy chuẩn kỹ thuật

1. Là một trong các loại hình tổ chức quy định tại Điều 50 của Luật.

2. Có hệ thống quản lý và năng lực hoạt động đáp ứng các yêu cầu quy định trong tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO/IEC 17020 hoặc tiêu chuẩn quốc tế ISO/IEC 17020 hoặc tiêu chuẩn quốc gia, tiêu chuẩn quốc tế áp dụng trong lĩnh vực giám định chuyên ngành.

3. Có ít nhất 06 giám định viên chính thức của tổ chức (viên chức hoặc người lao động ký kết hợp đồng lao động thực hiện công việc chuyên môn, nghiệp vụ xác định thời hạn từ đủ 12 tháng trở lên hoặc người lao động ký kết hợp đồng lao động thực hiện công việc chuyên môn, nghiệp vụ không xác định thời hạn), đáp ứng điều kiện:

a) Có trình độ tốt nghiệp cao đẳng trở lên và chuyên môn phù hợp đối với sản phẩm, hàng hóa giám định;

b) Được đào tạo về tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO/IEC 17020 hoặc tiêu chuẩn quốc tế ISO/IEC 17020 hoặc tiêu chuẩn quốc gia, tiêu chuẩn quốc tế áp dụng trong lĩnh vực giám định chuyên ngành;

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

c) Có kinh nghiệm ít nhất 02 năm trực tiếp thực hiện giám định đối tượng phù hợp tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, với tối thiểu 20 cuộc giám định đã được xác nhận bởi tổ chức giám định.

Trường hợp bổ sung lĩnh vực hoạt động giám định, phải có ít nhất 02 giám định viên chính thức của tổ chức (viên chức hoặc người lao động ký kết hợp đồng lao động thực hiện công việc chuyên môn, nghiệp vụ xác định thời hạn từ đủ 12 tháng trở lên hoặc người lao động ký kết hợp đồng lao động thực hiện công việc chuyên môn, nghiệp vụ không xác định thời hạn) đáp ứng các điều kiện quy định tại khoản này.

**Điều 47. Hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giám định đối tượng hoạt động trong lĩnh vực tiêu chuẩn và hoạt động trong lĩnh vực quy chuẩn kỹ thuật**

1. Cơ quan tiếp nhận hồ sơ:

Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố nơi tổ chức giám định đặt trụ sở chính giao cơ quan chuyên môn trực thuộc tiếp nhận hồ sơ đăng ký hoạt động giám định. Trường hợp tổ chức giám định đăng ký hoạt động giám định đối với lĩnh vực tổng hợp đa ngành thuộc trách nhiệm quản lý của từ hai bộ quản lý ngành, lĩnh vực trở lên, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố giao một cơ quan chuyên môn trực thuộc làm đầu mối tiếp nhận hồ sơ đăng ký hoạt động giám định.

2. Trường hợp cấp mới, hồ sơ gồm:

a) Đơn đăng ký hoạt động giám định theo Mẫu số 01 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này.

b) Các chứng chỉ, tài liệu liên quan đối với mỗi giám định viên gồm: bản sao Quyết định tuyển dụng hoặc Hợp đồng lao động; bản sao các bằng cấp, chứng chỉ theo quy định tại khoản 3 Điều 46 Nghị định này; tóm tắt kinh nghiệm hoạt động giám định theo Mẫu số 03 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này và tài liệu chứng minh kinh nghiệm giám định của giám định viên.

c) Tài liệu chứng minh năng lực hoạt động giám định đáp ứng các yêu cầu quy định tại khoản 2 Điều 46 Nghị định này, cụ thể như sau:

Trường hợp tổ chức giám định đã được tổ chức công nhận quy định tại Điều 58 Nghị định này hoặc tổ chức công nhận thành lập tại nước ngoài quy định tại Điều 62 Nghị định này công nhận đối với toàn bộ phạm vi đăng ký giám định: tổ chức giám định nộp bản sao Chứng chỉ công nhận kèm theo phạm vi được công nhận.

Trường hợp tổ chức giám định đã được tổ chức công nhận quy định tại Điều 58 Nghị định này hoặc tổ chức công nhận thành lập tại nước ngoài quy

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

định tại Điều 62 Nghị định này công nhận nhưng phạm vi đăng ký hoạt động giám định rộng hơn phạm vi được công nhận: tổ chức giám định nộp bản sao Chứng chỉ công nhận kèm theo phạm vi được công nhận và bản công bố năng lực giám định phù hợp với các yêu cầu của tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO/IEC 17020 hoặc tiêu chuẩn quốc tế ISO/IEC 17020 đối với phạm vi chưa được công nhận theo Mẫu số 17 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này.

Trường hợp tổ chức giám định chưa được công nhận: tổ chức giám định nộp bản công bố năng lực giám định phù hợp với các yêu cầu của tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO/IEC 17020 hoặc tiêu chuẩn quốc tế ISO/IEC 17020 theo Mẫu số 17 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này.

d) Mẫu chứng thư giám định.

3. Trường hợp cấp bổ sung, sửa đổi, hồ sơ gồm:

a) Đơn đăng ký bổ sung, sửa đổi hoạt động giám định theo Mẫu số 05 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này.

b) Các chứng chỉ, tài liệu liên quan đối với mỗi giám định viên bổ sung, sửa đổi gồm: bản sao Quyết định tuyển dụng hoặc Hợp đồng lao động; bản sao các bằng cấp, chứng chỉ theo quy định tại các khoản 3 Điều 46 Nghị định này; tóm tắt kinh nghiệm hoạt động giám định theo Mẫu số 03 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này và tài liệu chứng minh kinh nghiệm giám định của giám định viên. Trường hợp giám định viên của tổ chức giám định có hồ sơ tại các lần đăng ký cấp trước đó vẫn đáp ứng điều kiện quy định tại Nghị định này, tổ chức giám định có văn bản gửi kèm theo bảo lưu hồ sơ nhân sự của giám định viên.

c) Tài liệu chứng minh năng lực hoạt động giám định đáp ứng các yêu cầu quy định tại khoản 2 Điều 46 Nghị định này, cụ thể như sau:

Trường hợp tổ chức giám định đã được tổ chức công nhận quy định tại Điều 58 Nghị định này hoặc tổ chức công nhận thành lập tại nước ngoài quy định tại Điều 62 Nghị định này công nhận đối với toàn bộ phạm vi đăng ký giám định: tổ chức giám định nộp bản sao Chứng chỉ công nhận kèm theo phạm vi được công nhận.

Trường hợp tổ chức giám định đã được tổ chức công nhận quy định tại Điều 58 Nghị định này hoặc tổ chức công nhận thành lập tại nước ngoài quy định tại Điều 62 Nghị định này công nhận nhưng phạm vi đăng ký hoạt động giám định rộng hơn phạm vi được công nhận: tổ chức giám định nộp bản sao Chứng chỉ công nhận kèm theo phạm vi được công nhận và bản công bố năng lực giám định phù hợp với các yêu cầu của tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO/IEC 17020 hoặc tiêu chuẩn quốc tế ISO/IEC 17020 đối với phạm vi chưa được công nhận theo Mẫu số 17 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này.

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

Trường hợp tổ chức giám định chưa được công nhận: tổ chức giám định nộp bản công bố năng lực giám định phù hợp với các yêu cầu của tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO/IEC 17020 hoặc tiêu chuẩn quốc tế ISO/IEC 17020 theo Mẫu số 17 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này.

4. Trường hợp cấp lại, hồ sơ gồm Đơn đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận theo Mẫu số 06 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này.

5. Trước khi Giấy chứng nhận hết thời hạn hiệu lực 90 ngày, nếu có nhu cầu tiếp tục tham gia hoạt động giám định, tổ chức giám định phải lập 01 bộ hồ sơ như đối với trường hợp cấp mới quy định tại khoản 2 Điều này và gửi về cơ quan tiếp nhận hồ sơ theo quy định tại khoản 1 Điều này. Trường hợp giám định viên của tổ chức giám định có hồ sơ tại các lần đăng ký cấp trước đó vẫn đáp ứng điều kiện quy định tại Nghị định này, tổ chức giám định có văn bản gửi kèm theo bảo lưu hồ sơ nhân sự của giám định viên, không phải nộp các chứng chỉ, tài liệu liên quan đối với mỗi giám định viên theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều này.

**Điều 48. Hình thức nộp hồ sơ**

Tổ chức giám định nộp 01 bộ hồ sơ đăng ký theo hình thức dịch vụ công trực tuyến qua Cổng dịch vụ công quốc gia. Cổng dịch vụ công quốc gia được kết nối, chia sẻ dữ liệu với Cơ sở dữ liệu quốc gia về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng.

Trường hợp Cổng dịch vụ công quốc gia bị lỗi hoặc thủ tục hành chính này chưa hoàn thiện hạ tầng Dịch vụ công trực tuyến, tổ chức giám định nộp hồ sơ bản giấy theo quy định tại Nghị định này theo hình thức nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính.

**Điều 49. Trình tự cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giám định đối tượng hoạt động trong lĩnh vực tiêu chuẩn và hoạt động trong lĩnh vực quy chuẩn kỹ thuật**

1. Trường hợp cấp mới:

a) Trường hợp hồ sơ không đầy đủ theo quy định, trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đăng ký, cơ quan tiếp nhận hồ sơ thông báo yêu cầu tổ chức giám định sửa đổi, bổ sung hồ sơ;

b) Trường hợp hồ sơ đầy đủ và hợp lệ, trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ khi nhận được hồ sơ, cơ quan tiếp nhận hồ sơ chịu trách nhiệm cấp Giấy chứng nhận cho tổ chức giám định theo Mẫu số 10 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này;

c) Giấy chứng nhận có hiệu lực tối đa 05 năm kể từ ngày cấp. Giấy chứng

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

nhận điện tử được cấp có giá trị pháp lý như Giấy chứng nhận bản giấy.

2. Trường hợp cấp bổ sung, sửa đổi:

a) Giấy chứng nhận được cấp bổ sung, sửa đổi áp dụng đối với trường hợp tổ chức giám định bổ sung, mở rộng, thu hẹp phạm vi giám định;

b) Trình tự cấp Giấy chứng nhận được thực hiện theo quy định tại điểm a, điểm b khoản 1 Điều này;

c) Thời hạn hiệu lực của Giấy chứng nhận ghi theo thời hạn hiệu lực của Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giám định đã được cấp. Giấy chứng nhận điện tử được cấp có giá trị pháp lý như Giấy chứng nhận bản giấy.

3. Trường hợp cấp lại:

a) Giấy chứng nhận được cấp lại áp dụng đối với trường hợp tổ chức giám định có Giấy chứng nhận còn hiệu lực nhưng thay đổi tên, địa chỉ của tổ chức hoặc Giấy chứng nhận bản giấy bị mất, hư hỏng;

b) Trong thời hạn hiệu lực của Giấy chứng nhận, tổ chức giám định có nhu cầu đăng ký cấp lại Giấy chứng nhận, tổ chức giám định lập 01 bộ hồ sơ đề nghị cấp lại theo quy định tại khoản 4 Điều 47 Nghị định này và gửi về cơ quan tiếp nhận hồ sơ;

c) Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ khi nhận được hồ sơ đầy đủ và hợp lệ, cơ quan tiếp nhận hồ sơ chịu trách nhiệm cấp lại Giấy chứng nhận cho tổ chức giám định. Trường hợp không đáp ứng yêu cầu, cơ quan tiếp nhận hồ sơ thông báo và nêu rõ lý do;

d) Thời hạn hiệu lực của Giấy chứng nhận ghi theo thời hạn hiệu lực của Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giám định đã được cấp. Giấy chứng nhận điện tử được cấp có giá trị pháp lý như Giấy chứng nhận bản giấy.

## Mục 3
## ĐIỀU KIỆN KINH DOANH DỊCH VỤ CHỨNG NHẬN SẢN PHẨM, CHỨNG NHẬN HỆ THỐNG QUẢN LÝ

### Điều 50. Điều kiện kinh doanh dịch vụ chứng nhận sản phẩm, chứng nhận hệ thống quản lý

1. Là một trong các loại hình tổ chức quy định tại Điều 50 của Luật.

2. Có hệ thống quản lý và năng lực hoạt động đáp ứng các yêu cầu quy định trong tiêu chuẩn quốc gia, tiêu chuẩn quốc tế và hướng dẫn quốc tế cho

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

mỗi loại hình tương ứng sau đây:

a) Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO/IEC 17065 hoặc tiêu chuẩn quốc tế ISO/IEC 17065 hoặc tiêu chuẩn quốc gia, tiêu chuẩn quốc tế áp dụng trong lĩnh vực chứng nhận sản phẩm chuyên ngành và các hướng dẫn liên quan của Diễn đàn Công nhận Quốc tế (IAF) hoặc tiêu chuẩn tương ứng với yêu cầu của chương trình chứng nhận đặc thù đối với hoạt động chứng nhận sản phẩm, hàng hoá;

b) Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO/IEC 17021-1 hoặc tiêu chuẩn quốc tế ISO/IEC 17021-1 và các hướng dẫn liên quan của Diễn đàn Công nhận Quốc tế (IAF) hoặc tiêu chuẩn tương ứng với yêu cầu của chương trình chứng nhận đặc thù đối với hoạt động chứng nhận hệ thống quản lý.

3. Có ít nhất 06 chuyên gia đánh giá chính thức của tổ chức (viên chức hoặc người lao động ký kết hợp đồng lao động thực hiện công việc chuyên môn, nghiệp vụ xác định thời hạn từ đủ 12 tháng trở lên hoặc người lao động ký kết hợp đồng lao động thực hiện công việc chuyên môn, nghiệp vụ không xác định thời hạn), đáp ứng các điều kiện sau:

a) Có trình độ tốt nghiệp đại học trở lên.

b) Được đào tạo về kỹ năng đánh giá chứng nhận tương ứng theo khung chương trình đào tạo chuyên môn do Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn.

Trường hợp đã được cấp chứng chỉ hoàn thành khóa đào tạo về kỹ năng đánh giá chứng nhận tương ứng tại cơ sở đào tạo đã được cơ quan, người có thẩm quyền cấp Thông báo tiếp nhận hồ sơ công bố năng lực thực hiện hoạt động đào tạo và chứng chỉ còn hiệu lực sẽ được xem xét miễn yêu cầu này.

c) Được đào tạo và cấp chứng chỉ hoàn thành khóa đào tạo về kỹ thuật chứng nhận sản phẩm chuyên ngành theo quy định của pháp luật chuyên ngành trong trường hợp có quy định.

d) Có kinh nghiệm đánh giá ít nhất 20 ngày công đối với chương trình chứng nhận tương ứng.

Đối với các chương trình chứng nhận hệ thống quản lý mới, chuyên gia phải có kinh nghiệm đánh giá ít nhất 20 ngày công đối với chương trình chứng nhận các hệ thống quản lý khác có cùng bản chất, logic hoặc thuộc cùng một lĩnh vực hoặc có kinh nghiệm đánh giá ít nhất 05 ngày công đối với chương trình chứng nhận đăng ký.

Đối với chương trình chứng nhận sản phẩm mới, sản phẩm đăng ký bổ sung hoạt động chứng nhận, chuyên gia phải có kinh nghiệm đánh giá ít nhất 05 ngày công đối với các sản phẩm có cùng chủng loại, công nghệ hoặc phương pháp thử nghiệm.

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

Trường hợp bổ sung lĩnh vực hoạt động chứng nhận, phải có ít nhất 02 chuyên gia chính thức của tổ chức (viên chức hoặc người lao động ký kết hợp đồng lao động thực hiện công việc chuyên môn, nghiệp vụ xác định thời hạn từ đủ 12 tháng trở lên hoặc người lao động ký kết hợp đồng lao động thực hiện công việc chuyên môn, nghiệp vụ không xác định thời hạn) tương ứng với mỗi lĩnh vực chứng nhận đăng ký bổ sung, đáp ứng các điều kiện quy định tại khoản này.

**Điều 51. Hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chứng nhận sản phẩm, hệ thống quản lý**

1. Cơ quan tiếp nhận hồ sơ:

Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố nơi tổ chức chứng nhận đặt trụ sở chính giao cơ quan chuyên môn trực thuộc tiếp nhận hồ sơ đăng ký hoạt động chứng nhận sản phẩm, chứng nhận hệ thống quản lý. Trường hợp tổ chức chứng nhận đăng ký hoạt động chứng nhận đối với lĩnh vực tổng hợp đa ngành thuộc trách nhiệm quản lý của từ hai bộ quản lý ngành, lĩnh vực trở lên, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố giao một cơ quan chuyên môn trực thuộc làm đầu mối tiếp nhận hồ sơ đăng ký hoạt động chứng nhận.

2. Trường hợp cấp mới, hồ sơ gồm:

a) Đơn đăng ký hoạt động chứng nhận theo Mẫu số 01 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này.

b) Các chứng chỉ, tài liệu liên quan đối với mỗi chuyên gia gồm: bản sao Quyết định tuyển dụng hoặc Hợp đồng lao động; bản sao các bằng cấp, chứng chỉ theo quy định tại các khoản 3 Điều 50 Nghị định này; tóm tắt kinh nghiệm hoạt động đánh giá theo Mẫu số 03 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này và tài liệu chứng minh kinh nghiệm hoạt động đánh giá của chuyên gia đánh giá.

c) Tài liệu chứng minh năng lực hoạt động chứng nhận đáp ứng các yêu cầu quy định tại khoản 2 Điều 50 Nghị định này, cụ thể như sau:

Trường hợp tổ chức chứng nhận đã được tổ chức công nhận quy định tại Điều 58 Nghị định này hoặc tổ chức công nhận thành lập tại nước ngoài quy định tại Điều 62 Nghị định này công nhận đối với toàn bộ phạm vi đăng ký chứng nhận: tổ chức chứng nhận nộp bản sao Chứng chỉ công nhận kèm theo phạm vi được công nhận.

Trường hợp tổ chức chứng nhận đã được tổ chức công nhận quy định tại Điều 58 Nghị định này hoặc tổ chức công nhận thành lập tại nước ngoài quy định tại Điều 62 Nghị định này công nhận nhưng phạm vi đăng ký hoạt động chứng nhận rộng hơn phạm vi được công nhận: tổ chức chứng nhận nộp bản sao Chứng chỉ công nhận kèm theo phạm vi được công nhận và bản công bố năng lực chứng nhận phù hợp với các yêu cầu của tiêu chuẩn quốc gia TCVN

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

ISO/IEC 17065 hoặc tiêu chuẩn quốc tế ISO/IEC 17065 hoặc tiêu chuẩn quốc gia, tiêu chuẩn quốc tế áp dụng trong lĩnh vực chứng nhận sản phẩm chuyên ngành (đối với tổ chức chứng nhận sản phẩm), tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO/IEC 17021-1 hoặc tiêu chuẩn quốc tế ISO/IEC 17021-1 (đối với tổ chức chứng nhận hệ thống quản lý) đối với phạm vi chưa được công nhận theo Mẫu số 17 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này.

Trường hợp tổ chức chứng nhận chưa được công nhận: tổ chức chứng nhận nộp bản công bố năng lực chứng nhận phù hợp với các yêu cầu của tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO/IEC 17065 hoặc tiêu chuẩn quốc tế ISO/IEC 17065 hoặc tiêu chuẩn quốc gia, tiêu chuẩn quốc tế áp dụng trong lĩnh vực chứng nhận sản phẩm chuyên ngành (đối với tổ chức chứng nhận sản phẩm), Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO/IEC 17021-1 hoặc tiêu chuẩn quốc tế ISO/IEC 17021-1 (đối với tổ chức chứng nhận hệ thống quản lý) theo Mẫu số 17 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này.

d) Mẫu Giấy chứng nhận và Dấu chứng nhận.

3. Trường hợp cấp bổ sung, sửa đổi, hồ sơ gồm:

a) Đơn đăng ký bổ sung, sửa đổi hoạt động chứng nhận theo Mẫu số 05 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này.

b) Các chứng chỉ, tài liệu liên quan đối với mỗi chuyên gia sửa đổi, bổ sung gồm: bản sao Quyết định tuyển dụng hoặc Hợp đồng lao động; bản sao các bằng cấp, chứng chỉ theo quy định tại các khoản 3 Điều 50 Nghị định này; tóm tắt kinh nghiệm hoạt động đánh giá theo Mẫu số 03 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này và tài liệu chứng minh kinh nghiệm hoạt động đánh giá của chuyên gia đánh giá. Trường hợp chuyên gia đánh giá của tổ chức chứng nhận có hồ sơ tại các lần đăng ký cấp trước đó vẫn đáp ứng điều kiện quy định tại Nghị định này, tổ chức chứng nhận có văn bản gửi kèm theo bảo lưu hồ sơ nhân sự của chuyên gia đánh giá.

c) Tài liệu chứng minh năng lực hoạt động chứng nhận bổ sung, sửa đổi đáp ứng các yêu cầu quy định tại khoản 2 Điều 50 Nghị định này, cụ thể như sau:

Trường hợp tổ chức chứng nhận đã được tổ chức công nhận quy định tại Điều 58 Nghị định này hoặc tổ chức công nhận thành lập tại nước ngoài quy định tại Điều 62 Nghị định này công nhận đối với toàn bộ phạm vi đăng ký chứng nhận: tổ chức chứng nhận nộp bản sao Chứng chỉ công nhận kèm theo phạm vi được công nhận.

Trường hợp tổ chức chứng nhận đã được tổ chức công nhận quy định tại Điều 58 Nghị định này hoặc tổ chức công nhận thành lập tại nước ngoài quy định tại Điều 62 Nghị định này công nhận nhưng phạm vi đăng ký hoạt động

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

chứng nhận rộng hơn phạm vi được công nhận: tổ chức chứng nhận nộp bản sao Chứng chỉ công nhận kèm theo phạm vi được công nhận và bản công bố năng lực chứng nhận phù hợp với các yêu cầu của tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO/IEC 17065 hoặc tiêu chuẩn quốc tế ISO/IEC 17065 hoặc tiêu chuẩn quốc gia, tiêu chuẩn quốc tế áp dụng trong lĩnh vực chứng nhận sản phẩm chuyên ngành (đối với tổ chức chứng nhận sản phẩm), tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO/IEC 17021-1 hoặc tiêu chuẩn quốc tế ISO/IEC 17021-1 (đối với tổ chức chứng nhận hệ thống quản lý) đối với phạm vi chưa được công nhận theo Mẫu số 17 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này.

Trường hợp tổ chức chứng nhận chưa được công nhận: tổ chức chứng nhận nộp bản công bố năng lực chứng nhận phù hợp với các yêu cầu của tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO/IEC 17065 hoặc tiêu chuẩn quốc tế ISO/IEC 17065 hoặc tiêu chuẩn quốc gia, tiêu chuẩn quốc tế áp dụng trong lĩnh vực chứng nhận sản phẩm chuyên ngành (đối với tổ chức chứng nhận sản phẩm), Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO/IEC 17021-1 hoặc tiêu chuẩn quốc tế ISO/IEC 17021-1 (đối với tổ chức chứng nhận hệ thống quản lý) theo Mẫu số 17 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này.

4. Trường hợp cấp lại, hồ sơ gồm Đơn đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận theo Mẫu số 06 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này.

5. Trước khi Giấy chứng nhận hết thời hạn hiệu lực 90 ngày, nếu có nhu cầu tiếp tục tham gia hoạt động chứng nhận, tổ chức chứng nhận phải lập 01 bộ hồ sơ như đối với trường hợp cấp mới quy định tại khoản 2 Điều này và gửi về cơ quan tiếp nhận hồ sơ theo quy định tại khoản 1 Điều này. Trường hợp chuyên gia đánh giá của tổ chức chứng nhận có hồ sơ tại các lần đăng ký cấp trước đó vẫn đáp ứng điều kiện quy định tại Nghị định này, tổ chức chứng nhận có văn bản gửi kèm theo bảo lưu hồ sơ nhân sự của chuyên gia đánh giá, không phải nộp các chứng chỉ, tài liệu liên quan đối với mỗi chuyên gia đánh giá theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều này.

**Điều 52. Hình thức nộp hồ sơ**

Tổ chức chứng nhận nộp 01 bộ hồ sơ đăng ký theo hình thức dịch vụ công trực tuyến qua Cổng dịch vụ công quốc gia. Cổng dịch vụ công quốc gia được kết nối, chia sẻ dữ liệu với Cơ sở dữ liệu quốc gia về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng.

Trường hợp Cổng dịch vụ công quốc gia bị lỗi hoặc thủ tục hành chính này chưa hoàn thiện hạ tầng Dịch vụ công trực tuyến, tổ chức chứng nhận nộp hồ sơ bản giấy theo quy định tại Nghị định này theo hình thức nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính.

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

**Điều 53. Trình tự cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chứng nhận sản phẩm, hệ thống quản lý**

1. Trường hợp cấp mới:

a) Trường hợp hồ sơ không đầy đủ theo quy định, trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ, cơ quan tiếp nhận hồ sơ thông báo yêu cầu tổ chức chứng nhận sửa đổi, bổ sung;

b) Trường hợp hồ sơ đầy đủ và hợp lệ, trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ khi nhận được hồ sơ, cơ quan tiếp nhận hồ sơ chịu trách nhiệm cấp Giấy chứng nhận cho tổ chức chứng nhận theo Mẫu số 10 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này;

c) Giấy chứng nhận có hiệu lực tối đa 05 năm kể từ ngày cấp. Giấy chứng nhận điện tử được cấp có giá trị pháp lý như Giấy chứng nhận bản giấy.

2. Trường hợp cấp bổ sung, sửa đổi:

a) Giấy chứng nhận được cấp bổ sung, sửa đổi áp dụng đối với trường hợp tổ chức chứng nhận bổ sung, mở rộng, thu hẹp phạm vi chứng nhận;

b) Trình tự cấp Giấy chứng nhận được thực hiện theo quy định tại điểm a, điểm b khoản 1 Điều này;

c) Thời hạn hiệu lực của Giấy chứng nhận ghi theo thời hạn hiệu lực của Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chứng nhận đã được cấp. Giấy chứng nhận điện tử được cấp có giá trị pháp lý như Giấy chứng nhận bản giấy.

3. Trường hợp cấp lại:

a) Giấy chứng nhận được cấp lại áp dụng đối với trường hợp tổ chức chứng nhận có Giấy chứng nhận còn hiệu lực nhưng thay đổi tên, địa chỉ của tổ chức hoặc Giấy chứng nhận bản giấy bị mất, hư hỏng;

b) Trong thời hạn hiệu lực của Giấy chứng nhận, tổ chức chứng nhận có nhu cầu đăng ký cấp lại Giấy chứng nhận phải lập 01 bộ hồ sơ đề nghị cấp lại theo quy định tại khoản 4 Điều 51 Nghị định này và gửi về cơ quan tiếp nhận hồ sơ;

c) Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ khi nhận được hồ sơ đầy đủ và hợp lệ, cơ quan tiếp nhận hồ sơ chịu trách nhiệm cấp lại Giấy chứng nhận cho tổ chức chứng nhận. Trường hợp không đáp ứng yêu cầu, cơ quan tiếp nhận hồ sơ thông báo và nêu rõ lý do;

d) Thời hạn hiệu lực của Giấy chứng nhận ghi theo thời hạn hiệu lực của Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chứng nhận đã được cấp. Giấy chứng nhận điện tử được cấp có giá trị pháp lý như Giấy chứng nhận bản giấy.

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

## Mục 4
## ĐIỀU KIỆN KINH DOANH DỊCH VỤ XÁC NHẬN GIÁ TRỊ SỬ DỤNG, KIỂM TRA XÁC NHẬN

**Điều 54. Điều kiện kinh doanh dịch vụ xác nhận giá trị sử dụng, kiểm tra xác nhận**

1. Là một trong các loại hình tổ chức quy định tại Điều 50 của Luật.

2. Có hệ thống quản lý và năng lực hoạt động đáp ứng các yêu cầu quy định trong tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO/IEC 17029 hoặc tiêu chuẩn quốc tế ISO/IEC 17029 hoặc tiêu chuẩn quốc gia, tiêu chuẩn quốc tế đối với xác nhận giá trị sử dụng, kiểm tra xác nhận chuyên ngành, đặc thù và các hướng dẫn liên quan.

3. Có ít nhất 06 chuyên gia chính thức của tổ chức (viên chức hoặc người lao động ký kết hợp đồng lao động thực hiện công việc chuyên môn, nghiệp vụ xác định thời hạn từ đủ 12 tháng trở lên hoặc người lao động ký kết hợp đồng lao động thực hiện công việc chuyên môn, nghiệp vụ không xác định thời hạn), đáp ứng các điều kiện sau:

a) Có trình độ tốt nghiệp đại học trở lên và chuyên môn phù hợp đối với lĩnh vực xác nhận giá trị sử dụng, kiểm tra xác nhận;

b) Được đào tạo kỹ năng đánh giá về xác nhận giá trị sử dụng, kiểm tra xác nhận tương ứng theo khung chương trình đào tạo chuyên môn do Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn; được đào tạo và cấp chứng chỉ hoàn thành khóa đào tạo về kỹ thuật xác nhận giá trị sử dụng, kiểm tra xác nhận lĩnh vực chuyên ngành theo quy định của pháp luật chuyên ngành trong trường hợp có quy định;

c) Có kinh nghiệm làm việc 02 năm trở lên (kể từ thời điểm tốt nghiệp đại học) liên quan đến lĩnh vực xác nhận giá trị sử dụng, kiểm tra xác nhận;

d) Tham gia ít nhất 20 ngày công thực hiện xác nhận giá trị sử dụng, kiểm tra xác nhận. Đối với tổ chức xác nhận giá trị sử dụng, kiểm tra xác nhận mới hoạt động, chuyên gia phải có kinh nghiệm đánh giá chứng nhận hệ thống quản lý ít nhất 20 ngày công và kinh nghiệm đánh giá chứng nhận sản phẩm ít nhất 20 ngày công.

Trường hợp bổ sung lĩnh vực hoạt động, phải có ít nhất 02 chuyên gia chính thức của tổ chức (viên chức hoặc người lao động ký kết hợp đồng lao động thực hiện công việc chuyên môn, nghiệp vụ xác định thời hạn từ đủ 12 tháng trở lên hoặc người lao động ký kết hợp đồng lao động thực hiện công việc chuyên môn, nghiệp vụ không xác định thời hạn) tương ứng với mỗi lĩnh vực xác nhận giá trị sử dụng, kiểm tra xác nhận đăng ký bổ sung, đáp ứng các

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

điều kiện quy định tại khoản này.

**Điều 55. Hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động xác nhận giá trị sử dụng, kiểm tra xác nhận**

1. Cơ quan tiếp nhận hồ sơ:

Bộ Khoa học và Công nghệ là cơ quan tiếp nhận hồ sơ đăng ký hoạt động xác nhận giá trị sử dụng, kiểm tra xác nhận.

2. Trường hợp cấp mới, hồ sơ gồm:

a) Đơn đăng ký hoạt động xác nhận giá trị sử dụng, kiểm tra xác nhận theo Mẫu số 01 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này;

b) Các chứng chỉ, tài liệu liên quan đối với mỗi chuyên gia gồm: bản sao Quyết định tuyển dụng hoặc Hợp đồng lao động; bản sao các bằng cấp, chứng chỉ theo quy định tại khoản 3 Điều 54 Nghị định này; tóm tắt quá trình công tác, kinh nghiệm hoạt động theo Mẫu số 03 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này và tài liệu chứng minh kinh nghiệm hoạt động của chuyên gia;

c) Tài liệu chứng minh năng lực hoạt động xác nhận giá trị sử dụng, kiểm tra xác nhận đáp ứng các yêu cầu quy định tại khoản 2 Điều 54 Nghị định này, cụ thể như sau:

Trường hợp tổ chức thực hiện hoạt động xác nhận giá trị sử dụng, kiểm tra xác nhận đã được tổ chức công nhận quy định tại Điều 58 Nghị định này hoặc tổ chức công nhận thành lập tại nước ngoài quy định tại Điều 62 Nghị định này công nhận đối với toàn bộ phạm vi đăng ký hoạt động xác nhận giá trị sử dụng, kiểm tra xác nhận: tổ chức thực hiện hoạt động xác nhận giá trị sử dụng, kiểm tra xác nhận nộp bản sao Chứng chỉ công nhận kèm theo phạm vi được công nhận.

Trường hợp tổ chức thực hiện hoạt động xác nhận giá trị sử dụng, kiểm tra xác nhận đã được tổ chức công nhận quy định tại Điều 58 Nghị định này hoặc tổ chức công nhận thành lập tại nước ngoài quy định tại Điều 62 Nghị định này công nhận nhưng phạm vi đăng ký hoạt động xác nhận giá trị sử dụng, kiểm tra xác nhận rộng hơn phạm vi được công nhận: tổ chức thực hiện hoạt động xác nhận giá trị sử dụng, kiểm tra xác nhận nộp bản sao Chứng chỉ công nhận kèm theo phạm vi được công nhận và các tài liệu, quy trình, các tài liệu khác liên quan để chứng minh năng lực hoạt động xác nhận giá trị sử dụng, kiểm tra xác nhận đáp ứng các yêu cầu quy định tại khoản 2 Điều 54 Nghị định này đối với phạm vi chưa được công nhận.

Trường hợp tổ chức thực hiện hoạt động xác nhận giá trị sử dụng, kiểm tra xác nhận chưa được công nhận: tổ chức thực hiện hoạt động xác nhận giá trị sử dụng, kiểm tra xác nhận nộp các tài liệu, quy trình, các tài liệu khác liên

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

quan để chứng minh năng lực hoạt động xác nhận giá trị sử dụng, kiểm tra xác nhận đáp ứng các yêu cầu quy định tại khoản 2 Điều 54 Nghị định này.

d) Mẫu tuyên bố xác nhận giá trị sử dụng, kiểm tra xác nhận.

3. Trường hợp cấp bổ sung, sửa đổi, hồ sơ gồm:

a) Đơn đăng ký bổ sung, sửa đổi hoạt động xác nhận giá trị sử dụng, kiểm tra xác nhận theo Mẫu số 05 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này.

b) Các chứng chỉ, tài liệu liên quan đối với mỗi chuyên gia gồm: bản sao Quyết định tuyển dụng hoặc Hợp đồng lao động; bản sao các bằng cấp, chứng chỉ theo quy định tại khoản 3 Điều 54 Nghị định này; tóm tắt quá trình công tác, kinh nghiệm hoạt động theo Mẫu số 03 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này và tài liệu chứng minh kinh nghiệm hoạt động của chuyên gia.

c) Tài liệu chứng minh năng lực hoạt động xác nhận giá trị sử dụng, kiểm tra xác nhận bổ sung, sửa đổi đáp ứng các yêu cầu quy định tại khoản 2 Điều 54 Nghị định này, cụ thể như sau:

Trường hợp tổ chức thực hiện hoạt động xác nhận giá trị sử dụng, kiểm tra xác nhận đã được tổ chức công nhận quy định tại Điều 58 Nghị định này hoặc tổ chức công nhận thành lập tại nước ngoài quy định tại Điều 62 Nghị định này công nhận đối với toàn bộ phạm vi đăng ký sửa đổi, bổ sung hoạt động xác nhận giá trị sử dụng, kiểm tra xác nhận: tổ chức thực hiện hoạt động xác nhận giá trị sử dụng, kiểm tra xác nhận nộp bản sao Chứng chỉ công nhận kèm theo phạm vi được công nhận;

Trường hợp tổ chức thực hiện hoạt động xác nhận giá trị sử dụng, kiểm tra xác nhận đã được tổ chức công nhận quy định tại Điều 58 Nghị định này hoặc tổ chức công nhận thành lập tại nước ngoài quy định tại Điều 62 Nghị định này công nhận nhưng phạm vi đăng ký sửa đổi, bổ sung hoạt động xác nhận giá trị sử dụng, kiểm tra xác nhận rộng hơn phạm vi được công nhận: tổ chức thực hiện hoạt động xác nhận giá trị sử dụng, kiểm tra xác nhận nộp bản sao Chứng chỉ công nhận kèm theo phạm vi được công nhận và các tài liệu, quy trình, các tài liệu khác liên quan để chứng minh năng lực hoạt động xác nhận giá trị sử dụng, kiểm tra xác nhận đáp ứng các yêu cầu quy định tại khoản 2 Điều 54 Nghị định này đối với phạm vi chưa được công nhận;

Trường hợp tổ chức thực hiện hoạt động xác nhận giá trị sử dụng, kiểm tra xác nhận chưa được công nhận: tổ chức thực hiện hoạt động xác nhận giá trị sử dụng, kiểm tra xác nhận nộp các tài liệu, quy trình, các tài liệu khác liên quan để chứng minh năng lực hoạt động xác nhận giá trị sử dụng, kiểm tra xác nhận đáp ứng các yêu cầu quy định tại khoản 2 Điều 54 Nghị định này.

4. Trường hợp cấp lại, hồ sơ gồm Đơn đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

theo Mẫu số 06 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này.

5. Trước khi Giấy chứng nhận hết thời hạn hiệu lực 90 ngày, nếu có nhu cầu tiếp tục tham gia hoạt động xác nhận giá trị sử dụng, kiểm tra xác nhận, tổ chức thực hiện hoạt động xác nhận giá trị sử dụng, kiểm tra xác nhận phải lập 01 bộ hồ sơ như đối với trường hợp cấp mới quy định tại khoản 2 Điều này và gửi về cơ quan tiếp nhận hồ sơ theo quy định tại khoản 1 Điều này. Trường hợp các tài liệu, quy trình, các tài liệu khác liên quan để chứng minh năng lực hoạt động xác nhận giá trị sử dụng, kiểm tra xác nhận và chuyên gia của tổ chức thực hiện hoạt động xác nhận giá trị sử dụng, kiểm tra xác nhận có hồ sơ tại các lần đăng ký cấp trước đó vẫn đáp ứng điều kiện quy định tại Nghị định này, tổ chức thực hiện hoạt động xác nhận giá trị sử dụng, kiểm tra xác nhận có văn bản gửi kèm theo bảo lưu hồ sơ chứng minh năng lực hoạt động xác nhận giá trị sử dụng, kiểm tra xác nhận và hồ sơ nhân sự của chuyên gia, không phải nộp các chứng chỉ, tài liệu liên quan đối với mỗi chuyên gia theo quy định tại điểm b, điểm c khoản 2 Điều này.

**Điều 56. Hình thức nộp hồ sơ**

Tổ chức thực hiện hoạt động xác nhận giá trị sử dụng, kiểm tra xác nhận nộp 01 bộ hồ sơ đăng ký theo hình thức dịch vụ công trực tuyến qua Cổng dịch vụ công quốc gia. Cổng dịch vụ công quốc gia được kết nối, chia sẻ dữ liệu với Cơ sở dữ liệu quốc gia về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng.

Trường hợp Cổng dịch vụ công quốc gia bị lỗi hoặc thủ tục hành chính này chưa hoàn thiện hạ tầng Dịch vụ công trực tuyến, tổ chức thực hiện hoạt động xác nhận giá trị sử dụng, kiểm tra xác nhận nộp hồ sơ bản giấy theo quy định tại Nghị định này theo hình thức nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính.

**Điều 57. Trình tự cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động xác nhận giá trị sử dụng, kiểm tra xác nhận**

1. Trường hợp cấp mới:

a) Trường hợp hồ sơ không đầy đủ theo quy định, trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ, cơ quan tiếp nhận hồ sơ thông báo yêu cầu tổ chức thực hiện hoạt động xác nhận giá trị sử dụng, kiểm tra xác nhận sửa đổi, bổ sung;

b) Trường hợp hồ sơ đầy đủ và hợp lệ, trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ khi nhận được hồ sơ, cơ quan tiếp nhận hồ sơ chịu trách nhiệm cấp Giấy chứng nhận cho tổ chức thực hiện hoạt động xác nhận giá trị sử dụng, kiểm tra xác nhận theo Mẫu số 10 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này;

c) Giấy chứng nhận có hiệu lực tối đa 05 năm kể từ ngày cấp. Giấy chứng nhận điện tử được cấp có giá trị pháp lý như Giấy chứng nhận bản giấy.

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

2. Trường hợp cấp bổ sung, sửa đổi:

a) Giấy chứng nhận được cấp bổ sung, sửa đổi áp dụng đối với trường hợp tổ chức thực hiện hoạt động xác nhận giá trị sử dụng, kiểm tra xác nhận bổ sung, mở rộng, thu hẹp phạm vi hoạt động xác nhận giá trị sử dụng, kiểm tra xác nhận;

b) Trình tự cấp Giấy chứng nhận được thực hiện theo quy định tại điểm a, điểm b khoản 1 Điều này;

c) Thời hạn hiệu lực của Giấy chứng nhận ghi theo thời hạn hiệu của Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động xác nhận giá trị sử dụng, kiểm tra xác nhận đã được cấp. Giấy chứng nhận điện tử được cấp có giá trị pháp lý như Giấy chứng nhận bản giấy.

3. Trường hợp cấp lại:

a) Giấy chứng nhận được cấp lại áp dụng đối với trường hợp tổ chức thực hiện hoạt động xác nhận giá trị sử dụng, kiểm tra xác nhận có Giấy chứng nhận còn hiệu lực nhưng thay đổi tên, địa chỉ của tổ chức hoặc Giấy chứng nhận bản giấy bị mất, hư hỏng;

b) Trong thời hạn hiệu lực của Giấy chứng nhận, tổ chức thực hiện hoạt động xác nhận giá trị sử dụng, kiểm tra xác nhận có nhu cầu đăng ký cấp lại Giấy chứng nhận phải lập 01 bộ hồ sơ đề nghị cấp lại theo quy định tại khoản 4 Điều 55 Nghị định này và gửi về cơ quan tiếp nhận hồ sơ;

c) Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ khi nhận được hồ sơ đầy đủ và hợp lệ, cơ quan tiếp nhận hồ sơ chịu trách nhiệm cấp lại Giấy chứng nhận cho tổ chức thực hiện hoạt động xác nhận giá trị sử dụng, kiểm tra xác nhận. Trường hợp không đáp ứng yêu cầu, cơ quan tiếp nhận hồ sơ thông báo và nêu rõ lý do;

d) Thời hạn hiệu lực của Giấy chứng nhận ghi theo thời hạn hiệu của Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động xác nhận giá trị sử dụng, kiểm tra xác nhận đã được cấp. Giấy chứng nhận điện tử được cấp có giá trị pháp lý như Giấy chứng nhận bản giấy.

## Mục 5
## ĐIỀU KIỆN KINH DOANH DỊCH VỤ CÔNG NHẬN TỔ CHỨC ĐÁNH GIÁ SỰ PHÙ HỢP

### Điều 58. Điều kiện kinh doanh dịch vụ công nhận tổ chức đánh giá sự phù hợp

1. Người thành lập, quản lý, điều hành tổ chức công nhận không được đồng thời tham gia quản lý hoặc điều hành hoặc tham gia góp vốn bất kỳ tổ chức đánh giá sự phù hợp nào trong cùng lĩnh vực được công nhận.

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

2. Có cơ cấu tổ chức, hệ thống quản lý và năng lực hoạt động đáp ứng các yêu cầu quy định trong tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO/IEC 17011 hoặc tiêu chuẩn quốc tế ISO/IEC 17011.

3. Là thành viên ký kết thỏa thuận/thỏa ước thừa nhận lẫn nhau (MRA/MLA) của các tổ chức hợp tác công nhận quốc tế hoặc khu vực đối với các chương trình, lĩnh vực công nhận đăng ký. Các tổ chức quốc tế, khu vực này bao gồm: Tổ chức Công nhận các phòng thử nghiệm quốc tế (ILAC), Diễn đàn Công nhận Quốc tế (IAF), Tổ chức hợp tác Công nhận khu vực Châu Á Thái Bình Dương (APAC) hoặc tổ chức công nhận được thừa nhận theo các Thỏa thuận Thừa nhận lẫn nhau (MRA/MLA) mà Việt Nam tham gia.

4. Có ít nhất 06 chuyên gia đánh giá chính thức của tổ chức (viên chức hoặc người lao động ký kết hợp đồng lao động thực hiện công việc chuyên môn, nghiệp vụ xác định thời hạn từ đủ 12 tháng trở lên hoặc người lao động ký kết hợp đồng lao động thực hiện công việc chuyên môn, nghiệp vụ không xác định thời hạn), gồm 01 chuyên giá đánh giá trưởng trong mỗi chương trình công nhận và phải đáp ứng các điều kiện sau:

a) Có trình độ tốt nghiệp đại học trở lên, trong đó đối với chuyên gia đánh giá trưởng, có ít nhất 02 năm kinh nghiệm liên quan đến quản lý chất lượng, đánh giá năng lực của tổ chức đánh giá sự phù hợp tương ứng; đối với chuyên gia đánh giá, có ít nhất 01 năm kinh nghiệm liên quan đến quản lý chất lượng, đánh giá năng lực của tổ chức đánh giá sự phù hợp tương ứng;

b) Được đào tạo và cấp chứng chỉ hoàn thành khóa học và đạt yêu cầu về đánh giá công nhận theo các tiêu chuẩn phiên bản hiện hành (ISO/IEC 17025, ISO/IEC 17020, ISO 15189, ISO/IEC 17021-1, ISO/IEC 17065, ISO/IEC 17024, ISO/IEC 17029 và các tiêu chuẩn tương đương khác) phù hợp với chương trình công nhận đăng ký;

c) Có kinh nghiệm thực hiện ít nhất 05 cuộc đánh giá công nhận theo các tiêu chuẩn công nhận phiên bản hiện hành (ISO/IEC 17025, ISO/IEC 17020, ISO 15189, ISO/IEC 17021-1, ISO/IEC 17065, ISO/IEC 17024, ISO/IEC 17029 và các tiêu chuẩn tương đương khác) dưới sự giám sát của chuyên gia đánh giá trưởng đã được phê duyệt;

d) Chuyên gia đánh giá công nhận phải đáp ứng các yêu cầu khác quy định trong hướng dẫn các chương trình công nhận tương ứng của Tổ chức Công nhận các phòng thử nghiệm Quốc tế (ILAC), Diễn đàn Công nhận Quốc tế (IAF), Tổ chức hợp tác Công nhận khu vực Châu Á Thái Bình Dương (APAC).

Trường hợp bổ sung lĩnh vực hoạt động công nhận, phải có ít nhất 02 chuyên gia chính thức của tổ chức (viên chức hoặc người lao động ký kết hợp đồng lao động thực hiện công việc chuyên môn, nghiệp vụ xác định thời hạn từ đủ 12 tháng trở lên hoặc người lao động ký kết hợp đồng lao động thực hiện

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

công việc chuyên môn, nghiệp vụ không xác định thời hạn) tương ứng với mỗi lĩnh vực hoạt động công nhận đăng ký bổ sung, đáp ứng các điều kiện quy định tại khoản này.

**Điều 59. Hồ sơ cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động công nhận**

1. Cơ quan tiếp nhận hồ sơ:

Bộ Khoa học và Công nghệ là cơ quan tiếp nhận hồ sơ đăng ký hoạt động công nhận.

2. Trường hợp cấp mới, hồ sơ gồm:

a) Đơn đăng ký hoạt động công nhận theo Mẫu số 11 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này;

b) Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động khoa học và công nghệ;

c) Hệ thống tài liệu (tài liệu, quy trình đánh giá và các tài liệu khác liên quan) đáp ứng các yêu cầu của tiêu chuẩn tương ứng quy định tại Điều 58 Nghị định này;

d) Thuyết minh về cơ cấu tổ chức và trách nhiệm của từng vị trí trong cơ cấu tổ chức;

đ) Danh sách các tổ chức thử nghiệm thành thạo được tổ chức công nhận thừa nhận đối với chương trình công nhận đăng ký;

e) Tài liệu chứng minh tổ chức công nhận là thành viên ký kết thỏa thuận/thỏa ước thừa nhận lẫn nhau (MRA/MLA) của các tổ chức công nhận quốc tế hoặc khu vực đối với các chương trình, lĩnh vực công nhận đăng ký;

g) Danh sách chuyên gia đánh giá trưởng, chuyên gia đánh giá, chuyên gia kỹ thuật theo Mẫu số 12 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này và kèm theo các tài liệu gồm: bản sao Quyết định tuyển dụng hoặc Hợp đồng lao động; bản sao chứng chỉ đào tạo (chuyên môn, hệ thống quản lý) tương ứng, kinh nghiệm công tác và tài liệu chứng minh kinh nghiệm đánh giá thực tế đối với từng chuyên gia;

h) Mẫu quyết định công nhận, chứng chỉ công nhận và dấu (logo) công nhận của tổ chức.

3. Trường hợp cấp bổ sung, sửa đổi, hồ sơ gồm:

a) Đơn đăng ký bổ sung, sửa đổi hoạt động công nhận theo Mẫu số 14 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này;

b) Các tài liệu chứng minh yêu cầu bổ sung, sửa đổi.

4. Trường hợp cấp lại, hồ sơ gồm Đơn đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

theo Mẫu số 15 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này.

5. Trước khi Giấy chứng nhận hết thời hạn hiệu lực 90 ngày, nếu có nhu cầu tiếp tục tham gia hoạt động công nhận, tổ chức công nhận lập 01 bộ hồ sơ như đối với trường hợp cấp mới quy định tại khoản 2 Điều này và gửi về cơ quan tiếp nhận hồ sơ.

**Điều 60. Hình thức nộp hồ sơ**

Tổ chức công nhận nộp 01 bộ hồ sơ đăng ký theo hình thức dịch vụ công trực tuyến qua Cổng dịch vụ công quốc gia. Cổng dịch vụ công quốc gia được kết nối, chia sẻ dữ liệu với Cơ sở dữ liệu quốc gia về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng.

Trường hợp Cổng dịch vụ công quốc gia bị lỗi hoặc thủ tục hành chính này chưa hoàn thiện hạ tầng Dịch vụ công trực tuyến, tổ chức công nhận nộp hồ sơ bản giấy theo quy định tại Nghị định này theo hình thức nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính.

**Điều 61. Trình tự cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động công nhận**

1. Trường hợp cấp mới:

a) Trường hợp hồ sơ không đầy đủ theo quy định, trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ, cơ quan tiếp nhận hồ sơ thông báo yêu cầu tổ chức công nhận sửa đổi, bổ sung;

b) Trường hợp hồ sơ đầy đủ và hợp lệ, trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ khi nhận được hồ sơ, cơ quan tiếp nhận hồ sơ chịu trách nhiệm tổ chức đoàn đánh giá và cấp Giấy chứng nhận cho tổ chức công nhận theo Mẫu số 13 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này;

c) Giấy chứng nhận có hiệu lực tối đa 05 năm kể từ ngày cấp. Giấy chứng nhận điện tử được cấp có giá trị pháp lý như Giấy chứng nhận bản giấy.

2. Trường hợp cấp bổ sung, sửa đổi:

a) Giấy chứng nhận được cấp bổ sung, sửa đổi áp dụng đối với trường hợp tổ chức công nhận bổ sung, mở rộng, thu hẹp phạm vi công nhận;

b) Trường hợp hồ sơ không đầy đủ theo quy định, trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ, cơ quan tiếp nhận hồ sơ thông báo bằng văn bản yêu cầu tổ chức công nhận sửa đổi, bổ sung;

c) Trường hợp hồ sơ đầy đủ và hợp lệ, trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ khi nhận được hồ sơ, cơ quan tiếp nhận hồ sơ chịu trách nhiệm cấp Giấy chứng nhận cho tổ chức công nhận theo Mẫu số 13 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này; trường hợp hồ sơ đầy đủ nhưng có nội dung không phù hợp hoặc có yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc có thông tin,

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

phản ánh về dấu hiệu vi phạm liên quan đến hồ sơ thì cơ quan tiếp nhận hồ sơ chịu trách nhiệm tổ chức đoàn đánh giá và cấp Giấy chứng nhận cho tổ chức công nhận theo Mẫu số 13 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này.

d) Thời hạn hiệu lực của Giấy chứng nhận ghi theo thời hạn hiệu lực của Giấy chứng nhận đăng ký lĩnh vực hoạt động công nhận đã được cấp. Giấy chứng nhận điện tử được cấp có giá trị pháp lý như Giấy chứng nhận bản giấy.

3. Trường hợp cấp lại:

a) Giấy chứng nhận được cấp lại áp dụng đối với trường hợp tổ chức công nhận có Giấy chứng nhận còn hiệu lực nhưng thay đổi tên, địa chỉ của tổ chức hoặc Giấy chứng nhận bản giấy bị mất, hư hỏng;

b) Trong thời hạn hiệu lực của Giấy chứng nhận, tổ chức công nhận có nhu cầu đăng ký cấp lại Giấy chứng nhận, tổ chức công nhận lập 01 bộ hồ sơ đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận theo quy định tại khoản 4 Điều 59 Nghị định này và gửi về cơ quan tiếp nhận hồ sơ;

c) Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ khi nhận được hồ sơ đầy đủ và hợp lệ, cơ quan tiếp nhận hồ sơ chịu trách nhiệm cấp lại Giấy chứng nhận cho tổ chức công nhận. Trường hợp không đáp ứng yêu cầu, cơ quan tiếp nhận hồ sơ thông báo và nêu rõ lý do;

d) Thời hạn hiệu lực của Giấy chứng nhận ghi theo thời hạn hiệu lực của Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động công nhận đã được cấp. Giấy chứng nhận điện tử được cấp có giá trị pháp lý như Giấy chứng nhận bản giấy.

**Điều 62. Tổ chức công nhận thành lập tại nước ngoài thực hiện hoạt động công nhận ở Việt Nam**

1. Tổ chức công nhận thành lập tại nước ngoài được thực hiện hoạt động công nhận ở Việt Nam trong trường hợp là thành viên đã ký kết tham gia thỏa thuận thừa nhận lẫn nhau kết quả đánh giá sự phù hợp của các tổ chức công nhận khu vực hoặc quốc tế.

2. Trước khi thực hiện công nhận tổ chức đánh giá sự phù hợp tại Việt Nam, tổ chức công nhận phải thông báo ít nhất trước 20 ngày về Bộ Khoa học và Công nghệ (Việt Nam).

3. Sau khi thực hiện đánh giá công nhận tại Việt Nam, tổ chức công nhận phải báo cáo kết quả thực hiện về Bộ Khoa học và Công nghệ (Việt Nam).

4. Tổ chức công nhận nước ngoài có hoạt động công nhận ở Việt Nam không tuân thủ các quy định tại Điều này thì chứng chỉ công nhận không được thừa nhận tại Việt Nam.

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

## Mục 6
## THU HỒI GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ HOẠT ĐỘNG ĐÁNH GIÁ SỰ PHÙ HỢP

**Điều 63. Thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của tổ chức đánh giá sự phù hợp**

1. Tổ chức đánh giá sự phù hợp bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động trong các trường hợp sau:

a) Vi phạm quy định tại khoản 6 Điều 8 Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa;

b) Vi phạm 02 lần liên tiếp các quy định về đánh giá sự phù hợp theo pháp luật về tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật và các quy định tại Nghị định này;

c) Không thực hiện đầy đủ trách nhiệm tương ứng quy định tại Điều 68 Nghị định này trong 02 năm;

d) Không bảo đảm một trong các điều kiện tương ứng đối với tổ chức đánh giá sự phù hợp theo quy định tại Điều 42, Điều 46, Điều 50 và Điều 54 Nghị định này;

đ) Giả mạo hoặc khai man các tài liệu trong hồ sơ cấp, cấp lại, cấp bổ sung Giấy chứng nhận; cấp khống kết quả đánh giá sự phù hợp;

e) Tẩy xóa, sửa chữa làm sai lệch nội dung trên Giấy chứng nhận đăng ký được cấp;

g) Không thực hiện khắc phục các vi phạm theo yêu cầu của cơ quan thanh tra, kiểm tra;

h) Theo đề nghị của tổ chức đánh giá sự phù hợp.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố ra quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động đối với lĩnh vực được phân cấp; Bộ Khoa học và Công nghệ ra quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động đối với lĩnh vực được phân công.

3. Tổ chức đánh giá sự phù hợp bị thu hồi Giấy chứng nhận trong các trường hợp quy định tại điểm a, b, c, d, đ, e, g khoản 1 Điều này, chỉ được xem xét cấp lại Giấy chứng nhận tối thiểu sau 06 tháng, kể từ khi có thông báo thu hồi Giấy chứng nhận và đã khắc phục các vi phạm.

**Điều 64. Thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của tổ chức công nhận**

1. Tổ chức công nhận bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động trong các trường hợp sau:

a) Vi phạm 02 lần liên tiếp các quy định tại khoản 2 Điều 55 Luật Tiêu

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật và các quy định tại Nghị định này;

b) Không đáp ứng một trong các điều kiện quy định tại Điều 58 Nghị định này;

c) Giả mạo hoặc khai man các tài liệu trong hồ sơ cấp, cấp lại, cấp bổ sung Giấy chứng nhận, hồ sơ công nhận tổ chức đánh giá sự phù hợp;

d) Tẩy xóa, sửa chữa làm sai lệch nội dung trên Giấy chứng nhận đăng ký được cấp;

đ) Theo đề nghị của tổ chức công nhận.

2. Bộ Khoa học và Công nghệ ra quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động.

3. Tổ chức công nhận bị thu hồi Giấy chứng nhận trong các trường hợp quy định tại điểm a, b, c, d khoản 1 Điều này, chỉ được xem xét đăng ký hoạt động công nhận sau 02 năm, kể từ khi có thông báo thu hồi Giấy chứng nhận.

## Chương VI
## TRÁCH NHIỆM CỦA CƠ QUAN, TỔ CHỨC, CÁ NHÂN HOẠT ĐỘNG TRONG LĨNH VỰC TIÊU CHUẨN, QUY CHUẨN KỸ THUẬT VÀ ĐÁNH GIÁ SỰ PHÙ HỢP

### Điều 65. Trách nhiệm của Bộ Khoa học và Công nghệ

1. Bộ Khoa học và Công nghệ chịu trách nhiệm trước Chính phủ thực hiện nhiệm vụ thống nhất quản lý nhà nước về hoạt động trong lĩnh vực tiêu chuẩn và lĩnh vực quy chuẩn kỹ thuật với các nội dung quy định tại Điều 7a của Luật có trách nhiệm sau:

a) Hướng dẫn hoạt động xây dựng, thẩm định, công bố, phát hành, phổ biến, áp dụng tiêu chuẩn; hướng dẫn áp dụng trực tiếp tiêu chuẩn quốc tế; quy định về tổ chức và hoạt động của Ban kỹ thuật tiêu chuẩn quốc gia;

b) Tham gia vào quá trình xây dựng dự thảo tiêu chuẩn quốc gia, góp ý hồ sơ dự thảo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia do các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ chủ trì, bảo đảm thống nhất, đồng bộ, không chồng chéo, mâu thuẫn trong hệ thống tiêu chuẩn quốc gia, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia;

c) Phối hợp với các bộ quy định cụ thể trình tự thủ tục xây dựng, thẩm định, công bố tiêu chuẩn quốc gia đối với các đối tượng thuộc danh mục bí mật nhà nước;

d) Hướng dẫn hoạt động xây dựng, thẩm định, ban hành quy chuẩn kỹ thuật;

đ) Tổ chức xây dựng, phổ biến, hướng dẫn áp dụng và chịu trách nhiệm về nội dung tiêu chuẩn quốc gia, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia do mình chủ trì

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

xây dựng theo chức năng, nhiệm vụ được Chính phủ phân công; chịu trách nhiệm về ý kiến thẩm định hồ sơ dự thảo tiêu chuẩn quốc gia, ý kiến góp ý hồ sơ dự thảo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia do các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ chủ trì xây dựng;

e) Hướng dẫn về hoạt động công bố hợp chuẩn, công bố hợp quy;

g) Tổ chức tuyên truyền, phổ biến về hoạt động trong lĩnh vực tiêu chuẩn và lĩnh vực quy chuẩn kỹ thuật;

h) Tổng hợp đề xuất kinh phí để tăng cường cơ sở vật chất kỹ thuật và nâng cao năng lực chuyên môn cho cơ quan thẩm định tiêu chuẩn quốc gia và quy chuẩn kỹ thuật quốc gia;

i) Kiểm tra việc tuân thủ các quy định về xây dựng, thẩm định, công bố tiêu chuẩn, xây dựng, thẩm định ban hành quy chuẩn kỹ thuật và các quy định khác của pháp luật về tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật;

k) Đầu mối, hỗ trợ các tổ chức, cá nhân là đại diện của Việt Nam tham gia hoạt động xây dựng tiêu chuẩn, quản lý, điều hành tại các tổ chức tiêu chuẩn hóa quốc tế, khu vực;

l) Chủ trì xây dựng, trình Thủ tướng Chính phủ ban hành quy định về việc áp dụng hệ thống quản lý chất lượng vào hoạt động của các cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước, yêu cầu đối với các tổ chức tư vấn, chuyên gia tư vấn độc lập, tổ chức chứng nhận, cơ sở đào tạo chuyên gia tư vấn, chuyên gia đánh giá.

2. Ủy ban Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng quốc gia trực thuộc Bộ Khoa học và Công nghệ thực hiện vai trò, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Cơ quan tiêu chuẩn quốc gia, có trách nhiệm giúp Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ thực hiện quản lý nhà nước về hoạt động trong lĩnh vực tiêu chuẩn và lĩnh vực quy chuẩn kỹ thuật.

3. Bộ Khoa học và Công nghệ tổ chức thực hiện:

a) Tiếp nhận, xử lý hồ sơ, cấp mới, cấp bổ sung, sửa đổi, cấp lại và thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động xác nhận giá trị sử dụng, kiểm tra xác nhận, hoạt động công nhận tổ chức đánh giá sự phù hợp;

b) Hướng dẫn khung chương trình đào tạo chuyên môn đối với chuyên gia đánh giá hệ thống quản lý, chuyên gia đánh giá chứng nhận sản phẩm, chuyên gia kiểm tra xác nhận, xác nhận giá trị sử dụng, chuyên gia khác của tổ chức đánh giá sự phù hợp;

c) Thực hiện kiểm tra việc giải quyết các thủ tục hành chính liên quan đến

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

lĩnh vực quản lý của Bộ Khoa học và Công nghệ quy định tại Nghị định này do Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố tổ chức thực hiện; kiểm tra tổ chức hoạt động xác nhận giá trị sử dụng, kiểm tra xác nhận, tổ chức công nhận đã đăng ký do Bộ Khoa học và Công nghệ tổ chức thực hiện;

d) Phối hợp với bộ quản lý ngành, lĩnh vực thực hiện kiểm tra việc giải quyết các thủ tục hành chính liên quan đến lĩnh vực quản lý của các bộ quản lý ngành, lĩnh vực quy định tại Nghị định này do Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố tổ chức thực hiện;

đ) Chủ trì, phối hợp với các bộ quản lý ngành, lĩnh vực và các cơ quan, tổ chức liên quan trong việc xây dựng, quản lý, vận hành, duy trì, cập nhật và khai thác Cơ sở dữ liệu quốc gia về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng nhằm phục vụ quản lý nhà nước thống nhất, chia sẻ và công khai, minh bạch thông tin về hoạt động đánh giá sự phù hợp trên phạm vi cả nước;

e) Hướng dẫn chi tiết việc quản lý, sử dụng, cập nhật và khai thác Cơ sở dữ liệu quốc gia về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng cho các tổ chức đánh giá sự phù hợp, tổ chức công nhận, các bộ quản lý ngành, lĩnh vực và các tổ chức, cá nhân có liên quan.

**Điều 66. Trách nhiệm của bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ**

1. Bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ thực hiện quản lý nhà nước về hoạt động trong lĩnh vực tiêu chuẩn và lĩnh vực quy chuẩn kỹ thuật với nội dung quy định tại Luật này trong phạm vi, lĩnh vực được Chính phủ phân công.

2. Bộ trưởng các bộ, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ chỉ định cơ quan đầu mối chịu trách nhiệm giúp bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ quản lý nhà nước về hoạt động trong lĩnh vực tiêu chuẩn và lĩnh vực quy chuẩn kỹ thuật.

3. Bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ phối hợp với Bộ Khoa học và Công nghệ trong quá trình xây dựng dự thảo tiêu chuẩn quốc gia và dự thảo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia; tổ chức thẩm định hồ sơ dự thảo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia; bố trí kinh phí để tăng cường cơ sở vật chất kỹ thuật và nâng cao năng lực chuyên môn cho cơ quan thẩm định quy chuẩn kỹ thuật quốc gia; quản lý hoạt động công bố hợp quy theo quy định.

4. Bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ có trách nhiệm rà soát, hoàn thiện, bảo đảm đầy đủ các tiêu chuẩn quốc gia, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước được Chính phủ phân công; tổ chức phổ biến, hướng dẫn việc áp dụng các tiêu chuẩn quốc gia, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia theo thẩm quyền.

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

5. Bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ chủ trì, phối hợp với Bộ Khoa học và Công nghệ quy định cụ thể trình tự, thủ tục xây dựng, thẩm định, công bố tiêu chuẩn quốc gia, ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với các đối tượng thuộc danh mục bí mật nhà nước.

6. Bộ, cơ quan ngang bộ hướng dẫn Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố tổ chức việc thực hiện đăng ký hoạt động đánh giá sự phù hợp chuyên ngành đối với lĩnh vực quản lý của bộ quản lý ngành, lĩnh vực; thực hiện kiểm tra việc giải quyết các thủ tục hành chính liên quan đến lĩnh vực quản lý của các bộ quản lý ngành, lĩnh vực quy định tại Nghị định này do Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố tổ chức việc thực hiện.

**Điều 67. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố**

1. Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình thực hiện quản lý nhà nước về hoạt động trong lĩnh vực tiêu chuẩn và lĩnh vực quy chuẩn kỹ thuật tại địa phương; quản lý hoạt động công bố hợp quy theo quy định.

2. Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành liên quan giúp Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố thực hiện chức năng quản lý nhà nước về hoạt động trong lĩnh vực tiêu chuẩn và lĩnh vực quy chuẩn kỹ thuật tại địa phương.

3. Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố giao chủ tịch, cơ quan chuyên môn trực thuộc, trung tâm phục vụ hành chính công cấp tỉnh theo chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn để tổ chức việc thực hiện các nhiệm vụ sau:

a) Tiếp nhận, xử lý hồ sơ và trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố xem xét ký cấp mới, cấp bổ sung, sửa đổi, cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động thử nghiệm, giám định, chứng nhận cho tổ chức thử nghiệm, giám định, chứng nhận trên địa bàn thông qua Cổng dịch vụ công quốc gia;

b) Chủ trì, phối hợp thực hiện việc kiểm tra tổ chức thử nghiệm, giám định, chứng nhận đã đăng ký hoạt động theo quy định của pháp luật;

c) Tham mưu và đề xuất việc thu hồi Giấy chứng nhận đã cấp của tổ chức thử nghiệm, giám định, chứng nhận trong các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 63 Nghị định này.

4. Công bố công khai, cập nhật thông tin về các tổ chức thử nghiệm, giám định, chứng nhận đã được cấp mới, cấp bổ sung, sửa đổi, cấp lại và thu hồi Giấy chứng nhận trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng và thông báo cho các địa phương khác biết để phục vụ công tác quản lý, phối hợp kiểm tra trong trường hợp tổ chức thử nghiệm có phòng thử nghiệm, tổ chức giám định, chứng nhận có chi nhánh tại các địa phương khác.

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

5. Chủ trì quản lý, vận hành và bảo đảm việc kết nối, chia sẻ dữ liệu thông suốt giữa Cổng dịch vụ công quốc gia với Cơ sở dữ liệu quốc gia về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng để phục vụ công tác cấp phép, quản lý và hậu kiểm.

**Điều 68. Trách nhiệm của tổ chức đánh giá sự phù hợp, tổ chức công nhận**

1. Tổ chức đánh giá sự phù hợp:

a) Định kỳ hàng tuần (trước ngày đầu tuần kế tiếp), tổ chức đánh giá sự phù hợp cập nhật, kê khai kết quả hoạt động đánh giá sự phù hợp đối với lĩnh vực đã đăng ký đối với từng loại hình tổ chức theo Mẫu số 07, Mẫu số 08, Mẫu số 09 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng hoặc đột xuất khi có yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền;

b) Cập nhật thông tin về mọi thay đổi có ảnh hưởng tới năng lực hoạt động đã đăng ký trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày có sự thay đổi;

c) Thực hiện các thủ tục đăng ký hoạt động, báo cáo, cập nhật thông tin và các thủ tục hành chính khác có liên quan theo quy định về thủ tục hành chính trên môi trường điện tử, thông qua Cổng dịch vụ công quốc gia, Cơ sở dữ liệu quốc gia về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng; chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực, pháp lý của hồ sơ, thông tin, dữ liệu điện tử và bảo đảm các điều kiện về hạ tầng kỹ thuật, an toàn thông tin, chữ ký số theo quy định của pháp luật khi thực hiện các thủ tục này;

d) Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, khách quan, trung thực và sự phù hợp của kết quả đánh giá sự phù hợp.

2. Tổ chức công nhận:

a) Theo dõi, đánh giá việc thực hiện chương trình thử nghiệm thành thạo, so sánh liên phòng của tổ chức được công nhận phù hợp theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO/IEC 17043 hoặc tiêu chuẩn quốc tế ISO/IEC 17043;

b) Định kỳ trước ngày 20 hàng tháng, tổ chức công nhận có trách nhiệm cập nhật, kê khai kết quả hoạt động công nhận đối với từng loại hình tổ chức từ ngày 16 tháng trước đến hết ngày 15 của tháng báo cáo theo Mẫu số 16 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng hoặc đột xuất khi có yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền;

c) Cập nhật thông tin về mọi thay đổi có ảnh hưởng tới hoạt động công nhận đã đăng ký trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày có sự thay đổi;

d) Thực hiện các thủ tục đăng ký hoạt động, báo cáo, cập nhật thông tin và các thủ tục hành chính khác có liên quan theo quy định về thủ tục hành chính

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

trên môi trường điện tử, thông qua Cổng dịch vụ công quốc gia, Cơ sở dữ liệu quốc gia về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng; chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực, pháp lý của hồ sơ, thông tin, dữ liệu điện tử và bảo đảm các điều kiện về hạ tầng kỹ thuật, an toàn thông tin, chữ ký số theo quy định của pháp luật khi thực hiện các thủ tục này;

đ) Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, khách quan, trung thực và sự phù hợp của kết quả công nhận.

## Chương VII
## ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

### Điều 69. Hiệu lực thi hành

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

2. Các Nghị định, quy định dưới đây hết hiệu lực kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành:

a) Nghị định số 127/2007/NĐ-CP ngày 01 tháng 8 năm 2007 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật;

b) Nghị định số 78/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 127/2007/NĐ-CP ngày 01 tháng 8 năm 2007 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều Luật tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật;

c) Nghị định số 107/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định về điều kiện kinh doanh dịch vụ đánh giá sự phù hợp;

d) Điều 3 Nghị định số 154/2018/NĐ-CP ngày 09 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ quy định về việc sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về điều kiện đầu tư, kinh doanh trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ và một số quy định về kiểm tra chuyên ngành;

đ) Điều 51, Điều 52, Điều 53, Điều 54, Điều 55, Điều 56 và mục B Phụ lục V.1, Phụ lục V.2 của Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ;

e) Nghị định số 67/2009/NĐ-CP ngày 03 tháng 8 năm 2009 của Chính phủ sửa đổi một số điều của Nghị định số 127/2007/NĐ-CP ngày 01 tháng 8 năm 2007 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật và Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hoá.

### Điều 70. Quy định chuyển tiếp

1. Các tổ chức đánh giá sự phù hợp đã được các bộ quản lý ngành, lĩnh vực,

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố tổ chức thực hiện việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động đánh giá sự phù hợp trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành, tiếp tục được thực hiện hoạt động đánh giá sự phù hợp cho đến hết thời hạn hiệu lực của Giấy chứng nhận.

2. Các tổ chức công nhận đã được Bộ Khoa học và Công nghệ cấp Giấy chứng nhận đăng ký lĩnh vực hoạt động trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành, tiếp tục được thực hiện hoạt động công nhận cho đến hết thời hạn hiệu lực của Giấy chứng nhận.

3. Các cơ sở đào tạo chuyên gia đánh giá chứng nhận sản phẩm, chuyên gia đánh giá hệ thống quản lý đã được cơ quan, người có thẩm quyền cấp Thông báo tiếp nhận hồ sơ công bố năng lực thực hiện hoạt động đào tạo trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành, tiếp tục được thực hiện hoạt động đào tạo cho đến hết thời hạn hiệu lực của Thông báo.

4. Đối với đơn, hồ sơ đăng ký hoạt động đánh giá sự phù hợp, cơ sở đào tạo chuyên gia đánh giá chứng nhận sản phẩm, chuyên gia đánh giá hệ thống quản lý đã được cơ quan, người có thẩm quyền tiếp nhận trước thời điểm Nghị định này có hiệu lực nhưng chưa được giải quyết xong, thì cơ quan, người có thẩm quyền tiếp tục xử lý theo quy định của pháp luật tại thời điểm tiếp nhận, đơn, hồ sơ.

**Điều 71. Trách nhiệm thi hành**

1. Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ có trách nhiệm hướng dẫn thực hiện Nghị định này.

2. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố và tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

***Nơi nhận:***
- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư; - Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các tổ chức chính trị - xã hội;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Cổng TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: VT, KGVX (2b).10

**TM. CHÍNH PHỦ**
**KT. THỦ TƯỚNG**
**PHÓ THỦ TƯỚNG**

**Nguyễn Chí Dũng**

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

**Phụ lục**

**CÁC BIỂU MẪU**

*(Kèm theo Nghị định số 22/2026/NĐ-CP ngày 14 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ)*

| | |
|---|---|
| Mẫu số 01 | Đơn đăng ký hoạt động thử nghiệm/giám định/chứng nhận/xác nhận giá trị sử dụng/kiểm tra xác nhận |
| Mẫu số 02 | Danh sách thử nghiệm viên/giám định viên/chuyên gia đánh giá |
| Mẫu số 03 | Tóm tắt kinh nghiệm hoạt động giám định/đánh giá/xác nhận giá trị sử dụng/kiểm tra xác nhận của giám định viên/chuyên gia |
| Mẫu số 04 | Danh mục máy móc, thiết bị, dụng cụ thử nghiệm, đo lường phục vụ hoạt động thử nghiệm |
| Mẫu số 05 | Đơn đăng ký bổ sung, sửa đổi hoạt động thử nghiệm/giám định/chứng nhận/xác nhận giá trị sử dụng/kiểm tra xác nhận |
| Mẫu số 06 | Đơn đề nghị cấp lại giấy đăng ký hoạt động thử nghiệm/giám định/chứng nhận/xác nhận giá trị sử dụng/kiểm tra xác nhận |
| Mẫu số 07 | Báo cáo hoạt động chứng nhận |
| Mẫu số 08 | Báo cáo hoạt động thử nghiệm |
| Mẫu số 09 | Báo cáo tình hình hoạt động giám định/xác nhận giá trị sử dụng/kiểm tra xác nhận |
| Mẫu số 10 | Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động thử nghiệm/giám định/chứng nhận/xác nhận giá trị sử dụng/kiểm tra xác nhận |
| Mẫu số 11 | Đơn đăng ký hoạt động công nhận |
| Mẫu số 12 | Danh sách chuyên gia đánh giá trưởng, chuyên gia đánh giá, chuyên gia kỹ thuật, chuyên gia đánh giá kỹ thuật của tổ chức công nhận |
| Mẫu số 13 | Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động công nhận |
| Mẫu số 14 | Đơn đăng ký bổ sung, sửa đổi lĩnh vực hoạt động công nhận |
| Mẫu số 15 | Đơn đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động công nhận |
| Mẫu số 16 | Báo cáo kết quả hoạt động công nhận |
| Mẫu số 17 | Bản công bố năng lực thử nghiệm/giám định/chứng nhận |

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

**Mẫu số 01**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

*....., ngày.....tháng.....năm.....*

# ĐƠN ĐĂNG KÝ HOẠT ĐỘNG THỬ NGHIỆM/GIÁM ĐỊNH/ CHỨNG NHẬN/XÁC NHẬN GIÁ TRỊ SỬ DỤNG/KIỂM TRA XÁC NHẬN [1]

Kính gửi: .....

1. Tên tổ chức:.....
2. Địa chỉ liên lạc: .....
Điện thoại: .....Fax: ..... E-mail:.....
3. Quyết định thành lập/Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy chứng nhận đầu tư số.....Cơ quan cấp:.....cấp ngày..... tại.....
4. Sau khi nghiên cứu quy định tại Nghị định số .../.../NĐ-CP ngày ... tháng... năm ... của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật, chúng tôi nhận thấy có đủ các điều kiện đăng ký hoạt động.... (thử nghiệm/giám định/chứng nhận/xác nhận giá trị sử dụng/kiểm tra xác nhận) đối với lĩnh vực..... (tên lĩnh vực chuyên ngành)[2].
5. Mẫu Phiếu kết quả thử nghiệm/Chứng thư giám định/Giấy chứng nhận/Tuyên bố xác nhận giá trị sử dụng/Tuyên bố kiểm tra xác nhận.
6. Mẫu dấu chứng nhận (đối với tổ chức chứng nhận)

Đề nghị (tên cơ quan cấp Giấy chứng nhận) xem xét và cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động..... (thử nghiệm/giám định/chứng nhận/xác nhận giá trị sử dụng/kiểm tra xác nhận) nêu trên.

Chúng tôi cam kết sẽ thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật trong lĩnh vực đánh giá sự phù hợp, các quy định có liên quan của pháp luật và chịu trách nhiệm trước pháp luật về các khai báo nói trên.

**LÃNH ĐẠO TỔ CHỨC**
*(Ký tên, đóng dấu)*

---

[1] Đề nghị đăng ký hoạt động nào thì ghi tên hoạt động đó (ví dụ, đăng ký hoạt động thử nghiệm thì ghi "Đơn đăng ký hoạt động thử nghiệm").

[2] Cách ghi như sau:

- Lĩnh vực thử nghiệm (ghi tên lĩnh vực thử nghiệm: Hóa học/Sinh học/Cơ lý/Dược phẩm/Điện-điện tử/Vật liệu xây dựng/Không phá hủy/An toàn sinh học..., kèm theo tên sản phẩm hoặc nhóm sản phẩm, tên phép thử). Trường hợp số liệu nhiều thì lập thành Phụ lục kèm theo.
- Lĩnh vực giám định đối tượng hoạt động trong lĩnh vực tiêu chuẩn và hoạt động trong lĩnh vực quy chuẩn kỹ thuật (ghi tên sản phẩm và tiêu chuẩn của sản phẩm/quy chuẩn kỹ thuật và quy trình giám định). Trường hợp số liệu nhiều thì lập thành Phụ lục kèm theo.
- Lĩnh vực chứng nhận: Sản phẩm phù hợp tiêu chuẩn (ghi tên sản phẩm và tiêu chuẩn của sản phẩm/quy chuẩn kỹ thuật (nếu có)/hệ thống quản lý (ghi tên hệ thống quản lý: TCVN ISO 9001/ISO 9001, TCVN ISO 14001/ISO 14001...). Trường hợp số liệu nhiều thì lập thành Phụ lục kèm theo.
- Lĩnh vực xác nhận giá trị sử dụng/kiểm tra xác nhận (ghi tên lĩnh vực và tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật thực hiện xác nhận giá trị sử dụng/kiểm tra xác nhận). Trường hợp số liệu nhiều thì lập thành Phụ lục kèm theo.

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

**Mẫu số 02**

**TÊN TỔ CHỨC:.....**

## DANH SÁCH THỬ NGHIỆM VIÊN/GIÁM ĐỊNH VIÊN/CHUYÊN GIA ĐÁNH GIÁ CỦA TỔ CHỨC ĐÁNH GIÁ SỰ PHÙ HỢP ĐĂNG KÝ LĨNH VỰC HOẠT ĐỘNG [1]

**Danh sách giám định viên/chuyên gia đánh giá** (đối với tổ chức giám định, tổ chức chứng nhận, tổ chức xác nhận giá trị sử dụng, tổ chức kiểm tra xác nhận):

| STT | Họ và tên | Chuyên môn được đào tạo | Hệ thống quản lý được đào tạo | Kinh nghiệm công tác (ghi số năm) | Kinh nghiệm đánh giá sự phù hợp (ghi số ngày công) | Loại hợp đồng lao động đã ký | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | | | | | | | |
| 2 | | | | | | | |
| .... | | | | | | | |

**Danh sách thử nghiệm viên** (đối với tổ chức thử nghiệm)

| STT | Họ và tên | Chuyên môn được đào tạo | Chứng chỉ đào tạo | Loại hợp đồng lao động đã ký | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|
| 1 | | | | | |
| 2 | | | | | |
| .... | | | | | |

(tên tổ chức) gửi kèm theo các tài liệu chứng minh năng lực của ..... (thử nghiệm viên/giám định viên/chuyên gia đánh giá) đáp ứng yêu cầu quy định tại Nghị định số ...../...../NĐ-CP ngày .... tháng .....năm ..... của Chính phủ và cam đoan các nội dung khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về các nội dung đã khai.

*....., ngày.....tháng.....năm.....*

**LÃNH ĐẠO TỔ CHỨC**

*(Ký tên, đóng dấu)*

[1] Tổ chức đánh giá sự phù hợp cung cấp Danh sách khi có yêu cầu. Đăng ký hoạt động nào thì ghi danh sách của hoạt động đó (ví dụ: Danh sách thử nghiệm viên của tổ chức thử nghiệm).

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

**Mẫu số 03**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

# TÓM TẮT KINH NGHIỆM HOẠT ĐỘNG GIÁM ĐỊNH/ĐÁNH GIÁ/ XÁC NHẬN GIÁ TRỊ SỬ DỤNG/KIỂM TRA XÁC NHẬN CỦA GIÁM ĐỊNH VIÊN/CHUYÊN GIA

**1. Họ và tên:** .....

Địa chỉ liên hệ: .....

Điện thoại: ..... Fax:..... E-mail: .....

**2. Kinh nghiệm trong lĩnh vực giám định/đánh giá/xác nhận giá trị sử dụng/kiểm tra xác nhận:**

| TT | Thời gian | Tên tổ chức, doanh nghiệp đã giám định/ đánh giá/ xác nhận giá trị sử dụng/ kiểm tra xác nhận | Địa chỉ liên hệ, điện thoại, Fax, người đại diện của tổ chức, doanh nghiệp | Lĩnh vực giám định/ đánh giá/ xác nhận giá trị sử dụng/ kiểm tra xác nhận [1] | Kết quả giám định/ đánh giá/ xác nhận giá trị sử dụng/ kiểm tra xác nhận |
|---|---|---|---|---|---|
| | | | | | |
| | | | | | |

Thông tin khác: .....

Tôi cam đoan các thông tin trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về các khai báo nói trên.

*...., ngày..... tháng ..... năm.....*
**NGƯỜI KHAI**
*(Ký, ghi rõ họ tên)*

[1] Cách ghi như sau:

- Đối với hoạt động giám định đối tượng hoạt động trong lĩnh vực tiêu chuẩn và hoạt động trong lĩnh vực quy chuẩn kỹ thuật, ghi tên sản phẩm và tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật giám định.
- Đối với hoạt động chứng nhận sản phẩm, ghi tên sản phẩm và tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật chứng nhận; đối với hoạt động chứng nhận hệ thống quản lý, ghi tên tiêu chuẩn hệ thống quản lý.
- Đối với xác nhận giá trị sử dụng/kiểm tra xác nhận, ghi tên lĩnh vực và tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật thực hiện xác nhận giá trị sử dụng/kiểm tra xác nhận.

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

**Mẫu số 04**

**TÊN TỔ CHỨC:.....**

## DANH MỤC MÁY MÓC, THIẾT BỊ, DỤNG CỤ THỬ NGHIỆM, ĐO LƯỜNG PHỤC VỤ HOẠT ĐỘNG THỬ NGHIỆM

### 1. Trang thiết bị cần kiểm định/hiệu chuẩn

| STT | Tên máy móc, thiết bị, dụng cụ, kiểu loại, thông số kỹ thuật chính | Số seri thiết bị | Năm sản xuất, nước sản xuất | Năm đưa vào sử dụng | Tình trạng thiết bị (*ghi số GCN kiểm định/hiệu chuẩn và thời hạn kiểm định/hiệu chuẩn*) | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | | | | | | |
| .... | | | | | | |

### 2. Trang thiết bị khác

| STT | Tên thiết bị | Số seri thiết bị | Đặc trưng kỹ thuật | Ngày đưa vào sử dụng | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|
| 1 | | | | | |
| ... | | | | | |

### 3. Lĩnh vực thử, phép thử, chỉ tiêu thử nghiệm đăng ký hoạt động tương ứng với máy móc, thiết bị, dụng cụ thử nghiệm

| STT | Tên máy móc, thiết bị, dụng cụ thử nghiệm | Tên lĩnh vực thử nghiệm đăng ký hoạt động[1] | Ghi chú |
|---|---|---|---|
| 1 | | | |
| .... | | | |

(Tên tổ chức) cam kết các nội dung khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về các nội dung đã khai.

*....., ngày.....tháng.....năm.....*

**LÃNH ĐẠO TỔ CHỨC**

*(Ký tên, đóng dấu)*

[1] Lĩnh vực thử nghiệm: Ghi phạm vi lĩnh vực thử nghiệm tương ứng của thiết bị sử dụng thử nghiệm.

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

**Mẫu số 05**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

*....., ngày.....tháng.....năm.....*

# ĐƠN ĐĂNG KÝ BỔ SUNG, SỬA ĐỔI HOẠT ĐỘNG THỬ NGHIỆM/GIÁM ĐỊNH/CHỨNG NHẬN/XÁC NHẬN GIÁ TRỊ SỬ DỤNG/KIỂM TRA XÁC NHẬN [1]

Kính gửi: .....

1. Tên tổ chức: .....
2. Địa chỉ liên lạc: .....
Điện thoại:..... Fax: ..... E-mail: .....
3. Đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động ..... (thử nghiệm/giám định/chứng nhận/xác nhận giá trị sử dụng/kiểm tra xác nhận) số:..... ngày...../...../..... của (tên cơ quan cấp Giấy chứng nhận).
4. Hoạt động.....( thử nghiệm/giám định/chứng nhận/xác nhận giá trị sử dụng/ kiểm tra xác nhận) đề nghị bổ sung, sửa đổi (nêu cụ thể lĩnh vực đề nghị bổ sung).
5. Hồ sơ kèm theo:
-.....

Đề nghị (tên cơ quan cấp Giấy chứng nhận) xem xét để (tên tổ chức) được bổ sung, sửa đổi điều kiện hoạt động..... (thử nghiệm/giám định/chứng nhận/xác nhận giá trị sử dụng/kiểm tra xác nhận) đối với các lĩnh vực tương ứng.

Chúng tôi cam kết sẽ thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật trong lĩnh vực đánh giá sự phù hợp, các quy định có liên quan của pháp luật và chịu trách nhiệm trước pháp luật về các khai báo nói trên.

**LÃNH ĐẠO TỔ CHỨC**
*(Ký tên, đóng dấu)*

---

[1] Đề nghị bổ sung, sửa đổi hoạt động nào thì ghi tên lĩnh vực hoạt động đó (ví dụ: Đơn đề nghị bổ sung hoạt động thử nghiệm).

Cách ghi như sau:

- Lĩnh vực thử nghiệm (ghi tên lĩnh vực thử nghiệm: Hóa học/Sinh học/Cơ lý/Dược phẩm/Điện-điện tử/Vật liệu xây dựng/Không phá hủy/An toàn sinh học..., kèm theo tên sản phẩm hoặc nhóm sản phẩm, tên phép thử). Trường hợp số liệu nhiều thì lập thành Phụ lục kèm theo.
- Lĩnh vực giám định đối tượng hoạt động trong lĩnh vực tiêu chuẩn và hoạt động trong lĩnh vực quy chuẩn kỹ thuật (ghi tên sản phẩm và tiêu chuẩn của sản phẩm/quy chuẩn kỹ thuật và quy trình giám định). Trường hợp số liệu nhiều thì lập thành Phụ lục kèm theo.
- Lĩnh vực chứng nhận: Sản phẩm phù hợp tiêu chuẩn (ghi tên sản phẩm và tiêu chuẩn của sản phẩm/quy chuẩn kỹ thuật (nếu có)/hệ thống quản lý (ghi tên hệ thống quản lý: TCVN ISO 9001/ISO 9001, TCVN ISO 14001/ISO 14001...). Trường hợp số liệu nhiều thì lập thành Phụ lục kèm theo.
- Lĩnh vực xác nhận giá trị sử dụng/kiểm tra xác nhận (ghi tên lĩnh vực và tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật thực hiện xác nhận giá trị sử dụng/kiểm tra xác nhận). Trường hợp số liệu nhiều thì lập thành Phụ lục kèm theo.

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

**Mẫu số 06**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

*....., ngày.....tháng.....năm.....*

# ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP LẠI GIẤY ĐĂNG KÝ HOẠT ĐỘNG THỬ NGHIỆM/GIÁM ĐỊNH/CHỨNG NHẬN/XÁC NHẬN GIÁ TRỊ SỬ DỤNG/KIỂM TRA XÁC NHẬN [1]

Kính gửi: .....

1. Tên tổ chức: .....

2. Địa chỉ liên lạc: .....

Điện thoại:..... Fax: ..... E-mail: .....

3. Đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động ..... (thử nghiệm/giám định/chứng nhận/xác nhận giá trị sử dụng/kiểm tra xác nhận) số:..... ngày..../..../.20..... của (tên cơ quan cấp Giấy chứng nhận).

4. Lý do đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động..... (thử nghiệm/giám định/chứng nhận/xác nhận giá trị sử dụng/kiểm tra xác nhận):

.....

5. Hồ sơ kèm theo:

- .....

- .....

Đề nghị (tên cơ quan cấp Giấy chứng nhận) xem xét cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động..... (thử nghiệm/giám định/chứng nhận/xác nhận giá trị sử dụng/kiểm tra xác nhận) cho.... (tên tổ chức).

Chúng tôi cam kết sẽ thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật trong lĩnh vực đánh giá sự phù hợp, các quy định có liên quan của pháp luật và chịu trách nhiệm trước pháp luật về các khai báo nói trên.

**LÃNH ĐẠO TỔ CHỨC**
*(Ký tên, đóng dấu)*

[1] Đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động nào thì ghi tên hoạt động đó (ví dụ: Đơn đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động thử nghiệm).

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

**Mẫu số 07**

TÊN CƠ QUAN CHỦ QUẢN
**TÊN TỔ CHỨC ĐÁNH GIÁ SỰ PHÙ HỢP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

*....., ngày..... tháng .... năm ....*

# BÁO CÁO
# TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG CHỨNG NHẬN

(Từ ngày.... /..../... đến ngày.... /..../....)

Kính gửi: .....

1. Tên tổ chức chứng nhận:.....
2. Địa chỉ:.....
3. Điện thoại:.....Fax:.....E-mail:.....
4. Tình hình hoạt động từ ngày... /..../... đến ngày.... /..../....:

a) Hoạt động chứng nhận trong kỳ báo cáo

| TT | Tên đơn vị | Địa chỉ (ghi địa danh tỉnh /thành phố) | Tên sản phẩm, hàng hóa | Lĩnh vực /đối tượng[1] | Số hiệu quy chuẩn kỹ thuật/tiêu chuẩn | Số Giấy chứng nhận | Hiệu lực của Giấy chứng nhận | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | | | | | |

b) Đơn vị có giấy chứng nhận đã bị thu hồi trong kỳ báo cáo (nếu có)

| TT | Tên đơn vị | Địa chỉ (ghi địa danh tỉnh/thành phố) | Lĩnh vực/ đối tượng[2] | Số Giấy chứng nhận | Lý do thu hồi | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | | | |

5. Các kiến nghị, đề xuất (nếu có)

(tên tổ chức chứng nhận) báo cáo để (cơ quan cấp Giấy chứng nhận) biết.

**LÃNH ĐẠO TỔ CHỨC**
*(Ký tên, đóng dấu)*

[1] Ghi tên sản phẩm/hệ thống quản lý được chứng nhận.
[2] Ghi tên sản phẩm/hệ thống quản lý được chứng nhận.

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

**Mẫu số 08**

TÊN CƠ QUAN CHỦ QUẢN
**TÊN TỔ CHỨC ĐÁNH GIÁ SỰ PHÙ HỢP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

*....., ngày..... tháng ..... năm ....*

# BÁO CÁO TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG THỬ NGHIỆM

(Từ ngày.... /..../... đến ngày.... /..../....)

Kính gửi: .....

1. Tên tổ chức thử nghiệm:.....
2. Địa chỉ trụ sở chính:.....
3. Địa chỉ phòng thử nghiệm: .....
4. Điện thoại:.....Fax:.....E-mail:.....
5. Tình hình hoạt động

(tên tổ chức thử nghiệm) báo cáo tình hình hoạt động thử nghiệm từ ngày.../..../..... đến ngày.... /..../... như sau:

| TT | Tên đơn vị | Địa chỉ (ghi địa danh tỉnh/ thành phố) | Tên sản phẩm, hàng hóa thử nghiệm | Lĩnh vực/ đối tượng [1] | Số hiệu quy chuẩn kỹ thuật/ tiêu chuẩn | Số phiếu kết quả thử nghiệm[2] | Ngày cấp | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | | | | | |

6. Các kiến nghị, đề xuất (nếu có).

.....(tên tổ chức thử nghiệm) báo cáo để .....(tên cơ quan đầu mối do Bộ quản lý ngành, lĩnh vực/Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố giao nhiệm vụ).... biết.

**LÃNH ĐẠO TỔ CHỨC**
*(Ký tên, đóng dấu)*

[1] Ghi tên lĩnh vực thử nghiệm: Hóa học/Sinh học/Cơ lý/Dược phẩm/Điện-điện tử/Vật liệu xây dựng/Không phá hủy/An toàn sinh học.

[2] Cung cấp thông tin kết quả thử nghiệm phục vụ công bố hợp quy, chứng nhận hợp quy, chứng nhận hợp chuẩn; trường hợp còn lại cung cấp thông tin tổng số mẫu đã thử nghiệm, số mẫu không đạt yêu cầu.

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

**Mẫu số 09**

TÊN CƠ QUAN CHỦ QUẢN
**TÊN TỔ CHỨC ĐÁNH GIÁ SỰ PHÙ HỢP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

*....., ngày..... tháng ..... năm ....*

# BÁO CÁO TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG GIÁM ĐỊNH/ XÁC NHẬN GIÁ TRỊ SỬ DỤNG/KIỂM TRA XÁC NHẬN [1]

(Từ ngày.... /..../... đến ngày.... /..../....)

Kính gửi: .....

1. Tên tổ chức giám định/xác nhận giá trị sử dụng/kiểm tra xác nhận: .....

2. Địa chỉ:.....

3. Điện thoại:.....Fax:.....E-mail:.....

4. Tình hình hoạt động

(Tên tổ chức giám định/xác nhận giá trị sử dụng/kiểm tra xác nhận) báo cáo tình hình hoạt động giám định/xác nhận giá trị sử dụng/kiểm tra xác nhận từ ngày... /..../... đến ngày.... /..../... như sau:

| TT | Tên đơn vị | Địa chỉ (ghi địa danh tỉnh/ thành phố) | Lĩnh vực/ đối tượng [2] | Tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật áp dụng | Số chứng thư giám định/tuyên bố xác nhận giá trị sử dụng/kiểm tra xác nhận | Ngày cấp | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | | | | |

5. Các kiến nghị, đề xuất (nếu có).

.....(tên tổ chức giám định, kiểm tra xác nhận/xác nhận giá trị sử dụng) báo cáo để .....(tên cơ quan đầu mối do bộ quản lý ngành, lĩnh vực/Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố giao nhiệm vụ).... biết.

**LÃNH ĐẠO TỔ CHỨC**
*(Ký tên, đóng dấu)*

[1] Báo cáo hoạt động nào thì ghi tên hoạt động đó (ví dụ: Báo cáo tình hình hoạt động giám định).
[2] Ghi tên lĩnh vực, đối tượng thực hiện giám định/xác nhận giá trị sử dụng/kiểm tra xác nhận.

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

**Mẫu số 10**

| | |
|---|---|
| **TÊN CƠ QUAN CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: ..... | *...., ngày .....tháng...năm.....* |

# GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ HOẠT ĐỘNG THỬ NGHIỆM/GIÁM ĐỊNH/CHỨNG NHẬN/XÁC NHẬN GIÁ TRỊ SỬ DỤNG/KIỂM TRA XÁC NHẬN [1]

*Căn cứ Nghị định số ...../...../NĐ-CP ngày ... tháng ... năm ... của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật;*

*Căn cứ Nghị định/Quyết định số .....quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của (tên cơ quan cấp Giấy chứng nhận);*

*Xét đề nghị của (tên đơn vị được giao thẩm xét hồ sơ), (tên cơ quan cấp Giấy chứng nhận) chứng nhận:*

1. (tên tổ chức đánh giá sự phù hợp).....

Địa chỉ: .....; Điện thoại: .....; Fax: .....; E-mail:.....

Đã đăng ký hoạt động..... (thử nghiệm/giám định/chứng nhận/xác nhận giá trị sử dụng/kiểm tra xác nhận) đối với ngành..... [2] trong lĩnh vực ..... [3]

2. Số đăng ký: .....

3. Giấy chứng nhận này có hiệu lực … năm kể từ ngày ký[4].

***Nơi nhận:***
- Tên tổ chức tại mục 1;
- Bộ KH&CN (để b/c);
- Lưu: VT,...

**LÃNH ĐẠO CƠ QUAN CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN**
*(Ký tên, đóng dấu)*

---

[1] Cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động nào thì ghi tên hoạt động đó (ví dụ: Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động thử nghiệm).

[2] Ghi theo ngành, lĩnh vực (ví dụ: ngành xây dựng, ngành công thương, ngành giao thông vận tải...) hoặc ghi tổng hợp đa ngành nếu lĩnh vực đăng ký thuộc trách nhiệm quản lý của từ hai bộ quản lý ngành, lĩnh vực trở lên.

[3] Cách ghi như sau:

- Lĩnh vực thử nghiệm (ghi tên lĩnh vực thử nghiệm: Hóa học/Sinh học/Cơ lý/Dược phẩm/Điện-điện tử/Vật liệu xây dựng/Không phá hủy/An toàn sinh học, kèm theo tên sản phẩm hoặc nhóm sản phẩm, tên phép thử). Trường hợp số liệu nhiều thì cơ quan cấp Giấy chứng nhận lập thành Phụ lục kèm theo.
- Lĩnh vực giám định đối tượng hoạt động trong lĩnh vực tiêu chuẩn và hoạt động trong lĩnh vực quy chuẩn kỹ thuật (ghi tên sản phẩm và tiêu chuẩn của sản phẩm/quy chuẩn kỹ thuật và quy trình giám định). Trường hợp số liệu nhiều thì cơ quan cấp Giấy chứng nhận lập thành Phụ lục kèm theo.
- Lĩnh vực chứng nhận: Sản phẩm phù hợp tiêu chuẩn (ghi tên sản phẩm và tiêu chuẩn của sản phẩm/quy chuẩn kỹ thuật (nếu có))/hệ thống quản lý (ghi tên hệ thống quản lý: TCVN ISO 9001/ISO 9001, TCVN ISO 14001/ISO 14001...). Trường hợp số liệu nhiều thì cơ quan cấp Giấy chứng nhận lập thành Phụ lục kèm theo.
- Lĩnh vực xác nhận giá trị sử dụng/kiểm tra xác nhận (ghi tên lĩnh vực và tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật thực hiện xác nhận giá trị sử dụng/kiểm tra xác nhận). Trường hợp số liệu nhiều thì lập thành Phụ lục kèm theo.

[4] Cách ghi như sau:

- Đối với cấp mới: Ghi "Giấy chứng nhận có hiệu lực .... năm kể từ ngày ký".
- Đối với cấp bổ sung, sửa đổi: Ghi "Giấy chứng nhận được cấp lần thứ.... (hai/ba/tư...) và có hiệu lực đến ngày...tháng... năm...." (Thời hạn hiệu lực ghi theo thời hạn hiệu lực của Giấy chứng nhận đã được cấp, ví dụ: Giấy chứng nhận cấp mới là ngày 10/02/2019 có thời hạn hiệu lực 05 năm thì khi cấp bổ sung, thời hạn hiệu lực của Giấy chứng nhận là ngày 09/02/2024).

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

**Mẫu số 11**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

*....., ngày ..... tháng .... năm ....*

# ĐƠN ĐĂNG KÝ HOẠT ĐỘNG CÔNG NHẬN

Kính gửi: Bộ Khoa học và Công nghệ.

1. Tên tổ chức:..... .....

2. Địa chỉ liên lạc: .....

Điện thoại:.....Fax: ..... E-mail:.....

3. Quyết định thành lập số:..... .....

4. Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động khoa học và công nghệ số:.....

Cơ quan cấp: .....Ngày cấp .....

5. Sau khi nghiên cứu quy định tại Nghị định số ...../...../NĐ-CP ngày ... tháng ... năm ... của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật, chúng tôi nhận thấy có đủ các điều kiện cung cấp dịch vụ công nhận đối với các chương trình công nhận sau:

| TT | Tên chương trình công nhận | Lĩnh vực công nhận |
|---|---|---|
| 1. | | |
| 2. | | |

6. Mẫu quyết định công nhận, chứng chỉ công nhận, dấu (logo) công nhận được gửi kèm theo.

7. Các tài liệu kèm theo:

-

-

Đề nghị Bộ Khoa học và Công nghệ xem xét và cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động công nhận nêu trên.

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đúng các quy định của pháp luật về hoạt động công nhận, các quy định có liên quan của pháp luật và chịu trách nhiệm trước pháp luật về các khai báo nói trên./.

**LÃNH ĐẠO TỔ CHỨC**
*(Ký tên, đóng dấu)*

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

**Mẫu số 12**

**TÊN TỔ CHỨC:.....**

**DANH SÁCH**
**CHUYÊN GIA ĐÁNH GIÁ TRƯỞNG, CHUYÊN GIA ĐÁNH GIÁ, CHUYÊN GIA KỸ THUẬT CỦA TỔ CHỨC CÔNG NHẬN**

**1. Danh sách chuyên gia:**

| STT | Họ và tên chuyên gia | Chuyên môn được đào tạo | Hệ thống quản lý được đào tạo | Trình độ chuyên gia (đánh giá trưởng/ đánh giá/ kỹ thuật) | Kinh nghiệm công tác (ghi số năm) | Kinh nghiệm đánh giá (ghi số ngày công) | Loại hợp đồng lao động đã ký |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | | | | | | | |
| 2 | | | | | | | |
| 3 | | | | | | | |
| 4 | | | | | | | |
| 5 | | | | | | | |
| .... | | | | | | | |
| .... | | | | | | | |

**2. Kinh nghiệm đánh giá thực tế của từng chuyên gia:**

| STT | Họ và tên chuyên gia | Tiêu chuẩn đánh giá | Lĩnh vực công nhận | Thời gian đánh giá | Tên, địa chỉ tổ chức đánh giá sự phù hợp đã đánh giá | Người giám sát |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | | | | | | |
| 2 | | | | | | |
| 3 | | | | | | |
| 4 | | | | | | |
| 5 | | | | | | |
| .... | | | | | | |
| .... | | | | | | |

(tên tổ chức) cam đoan các nội dung khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về các nội dung đã khai.

*....., ngày.....tháng.....năm.....*
**LÃNH ĐẠO TỔ CHỨC**
*(Ký tên, đóng dấu)*

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

**Mẫu số 13**

| BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ | CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM |
|---|---|
| | **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: ..... | *Hà Nội, ngày .... tháng .... năm .....* |

# GIẤY CHỨNG NHẬN
# ĐĂNG KÝ HOẠT ĐỘNG CÔNG NHẬN

*Căn cứ Nghị định số ..../..../NĐ-CP ngày ..... tháng ..... năm ... của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Khoa học và Công nghệ;*

*Căn cứ Nghị định số ..../.../NĐ-CP ngày ..... tháng ..... năm ..... của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật;*

*Xét đề nghị của (tên đơn vị được giao thẩm định hồ sơ), Bộ Khoa học và Công nghệ chứng nhận:*

1. (tên tổ chức công nhận).....

Địa chỉ:.....

Điện thoại: ..... Fax: ..... E-mail: .....

***Đủ điều kiện hoạt động công nhận đối với chương trình sau đây:***

| TT | Tên chương trình công nhận | Lĩnh vực công nhận |
|---|---|---|
| 1. | | |
| 2. | | |
| 3. | | |

2. Số đăng ký:.....

3. Giấy chứng nhận được cấp lần: .....(lần đầu, thứ hai...)

4. Giấy chứng nhận này có hiệu lực ..... năm kể từ ngày ký.

***Nơi nhận:***
- Tên tổ chức tại mục 1;
- Lưu: VT, .....

**BỘ TRƯỞNG**
*(Ký tên, đóng dấu)*

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

**Mẫu số 14**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

*....., ngày ..... tháng ..... năm ....*

# ĐƠN ĐĂNG KÝ BỔ SUNG, SỬA ĐỔI HOẠT ĐỘNG CÔNG NHẬN

Kính gửi: Bộ Khoa học và Công nghệ.

1. Tên tổ chức:.....

2. Địa chỉ liên lạc: .....

Điện thoại: .....Fax: ..... E-mail:.....

3. Đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động công nhận số..... ngày ... tháng ... năm ..... của Bộ Khoa học và Công nghệ.

4. Hoạt động công nhận đề nghị bổ sung, sửa đổi:

| TT | Tên chương trình công nhận | Lĩnh vực công nhận |
|---|---|---|
| 1. | | |
| 2. | | |
| 3. | | |

5. Các tài liệu kèm theo:

-.....

-.....

Đề nghị Bộ Khoa học và Công nghệ xem xét và cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động công nhận với nội dung bổ sung, sửa đổi chương trình, lĩnh vực công nhận nêu trên.

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đúng các quy định về hoạt động công nhận, các quy định có liên quan của pháp luật và chịu trách nhiệm trước pháp luật về các khai báo nói trên.

**LÃNH ĐẠO TỔ CHỨC**
*(Ký tên, đóng dấu)*

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

**Mẫu số 15**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

*....., ngày.....tháng.....năm.....*

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP LẠI GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ HOẠT ĐỘNG CÔNG NHẬN**

Kính gửi: Bộ Khoa học và Công nghệ.

1. Tên tổ chức: .....

2. Địa chỉ liên lạc: .....

Điện thoại:..... Fax: ..... E-mail: .....

3. Đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động công nhận số..... ngày ... tháng ... năm ..... của Bộ Khoa học và Công nghệ.

4. Lý do đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động công nhận:.....

5. Hồ sơ kèm theo:

- .....

- .....

Đề nghị Bộ Khoa học và Công nghệ xem xét cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động công nhận cho (tên tổ chức).

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đúng các quy định của pháp luật về hoạt động công nhận, các quy định có liên quan của pháp luật và chịu trách nhiệm trước pháp luật về các khai báo nói trên.

**LÃNH ĐẠO TỔ CHỨC**
*(Ký tên, đóng dấu)*

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

**Mẫu số 16**

TÊN CƠ QUAN CHỦ QUẢN (nếu có)
**TÊN TỔ CHỨC CÔNG NHẬN**

Số: ...../BC -.....

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

*....., ngày..... tháng .... năm ....*

# BÁO CÁO
# TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG CÔNG NHẬN

(Từ ngày.... /..../... đến ngày.... /..../....)

Kính gửi: Bộ Khoa học và Công nghệ.

1. Tên tổ chức công nhận:.....
2. Địa chỉ:.....
3. Điện thoại:.....Fax:.....E-mail:.....
4. Tình hình hoạt động

(tên tổ chức công nhận) báo cáo tình hình hoạt động công nhận từ ngày.../..../ ..... đến ngày.... /..../ ..... như sau:

a) Đơn vị được công nhận trong kỳ báo cáo

| STT | Tên đơn vị | Địa chỉ | Thời gian/ hiệu lực của chứng chỉ công nhận | Phạm vi công nhận | Thuộc tổ chức chứng nhận/ giám định (đối với phòng thử nghiệm) | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|
| I | Phòng thử nghiệm | | | | | |
| ..... | ..... | | | | | |
| II | Tổ chức chứng nhận | | | | | |
| ..... | ..... | | | | | |
| III | Tổ chức giám định | | | | | |
| ..... | ..... | | | | | |
| IV | Tổ chức thực hiện hoạt động xác nhận giá trị sử dụng, kiểm tra xác nhận | | | | | |
| ..... | ..... | | | | | |
| | | | | | | |

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

b) Đơn vị có chứng chỉ đã bị thu hồi, hủy bỏ, đình chỉ (nếu có) trong kỳ báo cáo

| TT | Tên đơn vị | Địa chỉ | Tiêu chuẩn đánh giá công nhận | Lĩnh vực được công nhận | Thời gian/hiệu lực của chứng chỉ công nhận | Phạm vi công nhận | Lý do |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | | | | |

5. Các kiến nghị, đề xuất (nếu có)

(tên tổ chức công nhận) báo cáo để Bộ Khoa học và Công nghệ biết.

**LÃNH ĐẠO TỔ CHỨC**
*(Ký tên, đóng dấu)*

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

**Mẫu số 17**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

---

**BẢN CÔNG BỐ [1]**
**NĂNG LỰC HỆ THỐNG QUẢN LÝ ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG THỬ NGHIỆM/GIÁM ĐỊNH/CHỨNG NHẬN VỚI CÁC YÊU CẦU CỦA TIÊU CHUẨN QUỐC GIA..... HOẶC TIÊU CHUẨN QUỐC TẾ.....**
Số .....

Tên tổ chức: .....

Địa chỉ trụ sở chính: .....

Địa chỉ thử nghiệm (*nếu là tổ chức thử nghiệm*): .....

Điện thoại: ..... Fax:..... E-mail:.....

**CÔNG BỐ:**

Năng lực hệ thống quản lý đối với hoạt động thử nghiệm/giám định/chứng nhận trong lĩnh vực[2]..... phù hợp với các yêu cầu của tiêu chuẩn quốc gia..... hoặc tiêu chuẩn quốc tế.....

....(Tên tổ chức).... cam kết và chịu trách nhiệm trước pháp luật về các khai báo và công bố nêu trên.

*...., ngày...tháng.....năm....*
**LÃNH ĐẠO TỔ CHỨC**
*(Ký tên, đóng dấu)*

---

[1] Công bố năng lực của hệ thống quản lý chất lượng trong lĩnh vực nào thì ghi tên lĩnh vực đó và tiêu chuẩn tương ứng của lĩnh vực công bố (ví dụ: Công bố năng lực giám định thì ghi "Bản công bố năng lực giám định phù hợp tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO/IEC 17020").

[2] Cách ghi như sau:

- Lĩnh vực thử nghiệm (ghi tên lĩnh vực thử nghiệm: Hóa học/Sinh học/Cơ lý/Dược phẩm/Điện-điện tử/Vật liệu xây dựng/Không phá hủy/An toàn sinh học, kèm theo tên sản phẩm hoặc nhóm sản phẩm, tên phép thử) phù hợp với các yêu cầu của tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO/IEC 17025 hoặc tiêu chuẩn quốc tế ISO/IEC 17025. Trường hợp số liệu nhiều thì lập thành Phụ lục kèm theo.

- Lĩnh vực giám định đối tượng hoạt động trong lĩnh vực tiêu chuẩn và hoạt động trong lĩnh vực quy chuẩn kỹ thuật (ghi tên sản phẩm và tiêu chuẩn của sản phẩm/quy chuẩn kỹ thuật và quy trình giám định) phù hợp với các yêu cầu của tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO/IEC 17020 hoặc tiêu chuẩn quốc tế ISO/IEC 17020. Trường hợp số liệu nhiều thì lập thành Phụ lục kèm theo.

- Lĩnh vực chứng nhận: Sản phẩm phù hợp tiêu chuẩn (ghi tên sản phẩm và tiêu chuẩn của sản phẩm/quy chuẩn kỹ thuật (nếu có))/hệ thống quản lý (ghi tên hệ thống quản lý: TCVN ISO 9001/ISO 9001, TCVN ISO 14001/ISO 14001....) phù hợp với các yêu cầu của tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO/IEC 17065 hoặc tiêu chuẩn quốc tế ISO/IEC 17065 (đối với chứng nhận sản phẩm); phù hợp với các yêu cầu của tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO/IEC 17021 hoặc tiêu chuẩn quốc tế ISO/IEC 17021 (đối với chứng nhận hệ thống quản lý). Trường hợp số liệu nhiều thì lập thành Phụ lục kèm theo.

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn